

## LƯU TRỌNG LƯ (sinh 1912)

Sinh trong một gia đình nhà nho có làm quan, quê ở xã Bắc Trạch huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nay là tỉnh Bình Trị Thiên. Cha đỗ cử nhân, làm tri huyện. Lúc nhỏ học ở trường tỉnh rồi ra học tiếp ở Huế và Hà Nội. Sau bỏ học đi làm báo, viết văn, làm thơ, có dạy học tư. Là một trong những người khởi xướng và tuyên truyền tích cực cho phong trào « thơ mới », Lưu Trọng Lư cũng là một kiện tướng « thơ mới » thời kỳ đầu với một hồn thơ sâu mộng, giàu nhạc điệu. Ngoài thơ, ông còn viết truyện và phát biểu ý kiến về văn học. Sau cách mạng tháng Tám, Lưu Trọng Lư tham gia Hội văn hóa cứu quốc ở Huế; khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông có mặt ở Chiến khu Thừa Thiên, hoạt động tuyên truyền và văn nghệ ở Bình Trị Thiên và Liên khu IV. Sau ngày hòa bình lập lại, công tác ở Bộ Văn hóa và là Tổng thư ký Hội nghệ sĩ sân khấu trong nhiều năm, đồng thời, tiếp tục sáng tác.

Tác phẩm chính trước cách mạng: *Tiếng thơ* (tập thơ, 1939), *Người sơn nhàn* (truyện, 1933), *Huyền không động* (tập truyện, 1936), *Câu sương điểm cỏ*, *Con voi già của vua Hàm Nghi* (1936), *Công chúa Lê Mai* (1936), *Có Nhung* (1936), *Khởi tam chiều* (1936), *Chiếc cánh xanh* (1941).

Sau cách mạng, có các sáng tác *Chiến khu Thừa Thiên* (1949), *Tỏa sáng đôi bờ* (tập thơ, 1958), *Chuyến có Nhung* (1962), *Người con gái sông Gianh* (tập thơ, 1966), *Từ đất này* (tập thơ, 1972), *Tuổi hai mươi* (kịch thơ, 1973), *Hồng Gấm* (kịch thơ, 1973), *Một thu lớn* (hồi ký, tiểu luận, 1978).

## CHIẾC CÀNG XANH

Năm ấy, tôi mới lên tám. Thuở bấy giờ một đứa bé vào tuổi ấy chẳng khôn lớn gì hơn một đứa bé bảy giờ mới lên năm. Nhưng, vì có lẽ thiên bẩm dồi dào hơn một chút, cho nên đối với những đứa bé cùng tuổi, tôi đã ra dáng biết nhiều, hiểu nhiều hơn chúng. Thật ra, sự hiểu biết ấy cũng chỉ chu tuần ở trong vòng tình cảm mà thôi. Nói một cách khác là tôi đã sớm biết rung động rất nhiều trước một cảnh vật khả ái, hay trước cái tình lưu luyến mệnh mỏng của một bà mẹ.

Cảnh vật thứ nhất đã dằm mê tôi là cái cảnh rừng núi trên con đường từ làng nội tôi đến làng ngoại tôi. Và người đàn bà thứ nhất đã chiếm giữ cả tâm hồn bồng sương của tôi là mẹ tôi.

Cuốn tiểu thuyết này hay là cuộc đời tôi — tôi có thể nói là bắt đầu từ con đường ấy và người đàn bà ấy. Những cảm giác đầu tiên của tôi, là do người đàn bà và cái cảnh đường ấy in vào trong tâm hồn tôi. Và nay tôi là người thế nào, là do những cảm giác đầu tiên đó đã đúc nên vậy.

Cuốn truyện của đời tôi, không biết đến bao giờ mới chép đến trang cuối, nhưng mỗi khi giở lại mấy trang đầu, bao giờ tôi cũng thấy sa xuống trên màu giấy trắng toát, sa xuống cái bóng âm u của người đàn bà ấy mà tôi được gặp đầu tiên trong cõi đời trần thế của tôi. Vì bao giờ tôi cũng tỉ dụ rằng: trái với sự quả quyết của khoa học, một kiếp sau sẽ có, hoặc ở trong, hoặc ở ngoài cõi đất. Trong cái kiếp sau ấy, tôi sẽ còn

gặp lại mẹ tôi và cũng vẫn ở trên con đường ấy, từ làng nội đến làng ngoại của tôi. Một người đàn bà hiền hòa khả ái như mẹ tôi, không phải là Thượng đế chỉ cho ta gặp một lần rồi để không bao giờ gặp lại nữa. Tôi ước nguyện rằng lòng tin sẽ tạo ra sự thực. Và nhờ thế, mẹ tôi chưa chết hẳn. Không, một người như mẹ tôi không thể nào chết hẳn được. Mẹ tôi không phải chỉ là một xác thịt để rồi tiêu tán với nước gỗ. Mẹ tôi là một người mẹ, chỉ thế, trong linh hồn ấy cũng đã ẩn chứa một sứ mệnh thiêng liêng, một nguyên lý bất diệt.

Tôi không nhớ rõ lần ấy là lần thứ mấy tôi theo thầy mẹ tôi từ làng nội về làng ngoại. Nhưng làm sao tôi quên được cái buổi chiều mát lạnh ấy, mà gió lên vội vàng, hấp tấp, dêm xuống nhanh như để dành cướp lấy cái buồn vắng của một chiều thu tàn. Thoảng bên tai, tôi còn nghe mẹ tôi vừa nhỏ bãi trầu cái tọt, vừa giục người nhà:

— Các chú sửa soạn mau lên một thì. Mặt trời chỉ còn một ló sào nữa thôi. Liệu đấy!

Một lát sau, tôi trông ra phía núi, thì mặt trời đã đỏ gay, to bằng cái nia, chỉ đợi tôi ngoảnh mặt đi là trượt dần xuống núi.

Mẹ tôi vẫn hỏi những người đây tớ:

— Đi sớm được tý mó hay thì nấy. Các chú khăn khừ thế này, thì đêm đến canh hai, cũng chưa đi được.

Một người tớ già, ngồi xếp những thứ ứn vào một cái quày, ung dung nói:

— Thưa bà, chả có việc chi mà phải gấp cả. Mười chín nín trầu. Hôm nay mười chín, thì để thường cũng phải đợi đến đầu canh hai mới có trăng.

Mẹ tôi cười:

— Tôi cũng không tính việc hôm nì có trăng.

Một lát mẹ tôi nói tiếp:

— Mà trăng hay không trăng cũng thế thôi, phải không các chú? Rừng năm nay nhờ Bụt, cũng hiền. Nói tí dụ mà nghe, dù trời có tối mò mò cũng chả việc chi.

Nhưng đêm nay, mỗi khi tôi sực nhớ lại những câu chuyện loạn rừng, và sống lại trong tâm hồn những giờ kinh khủng ở giữa xóm quê khi trời chưa tối mà rèm đã sập lại, thì tôi luôn tự hỏi: tại sao thầy tôi lại lấy mẹ tôi? lấy một người vợ cách rừng như thế để cho trong sự đi lại giữa hai gia đình thêm khó khăn và phiền phức. Đến nay, tôi cũng chưa tìm được một câu trả lời. Có lẽ tại mẹ tôi là một người có nhan sắc chăng? Hay là chỉ tại mẹ tôi là một người có tiền?

Dẫu sao, đối với tôi, sự phối hợp cách biệt của thầy mẹ tôi, là một điều hay: nó đã cho tôi hằng năm một cuộc du lịch thú vị, mà thành kính như cuộc đi viếng đất thánh của những tín đồ ở xa.

Mỗi năm, tôi nhớ chừng thường thường vào tháng chín mà vào một ngày giữa tháng, cái tháng mà những cơn gió bão từ đâu về, và khi đi khỏi rồi, để lại những ngày trong như gương, phản chiếu cái màu trắng phau của những đàn cò ở trên một thảm lúa xanh rì.

Nhưng chiều hôm nay sao gió lên mau quá, hình như ở một rừng Lào dớn về. Lần thứ nhất trong lòng trẻ dại của tôi thấy có một nỗi mênh mông như một nỗi buồn trong một chiều ly biệt. Hình như là tôi sắp phải từ già đây, từ già những cái khô dại, cái vô tôi, cái hồn nhiên của cây cỏ để bước vào một thế giới tinh cảm của giống người. Có lẽ hôm đó là lần thứ nhất trong

tri tôi ngừng lại một ý nghĩ để ghi lại những rung động tha thiết đầu tiên của tâm hồn.

Tôi thấy cả một buổi chiều lạnh ôm trùm trên những ngọn tre phát động. Và buổi chiều đã đượm thấm vào trong tâm hồn tôi.

Nhưng quả thật có thế! Đêm, ngày hôm ấy, đến một cách gấp vội hình như để bôi đen cả tâm hồn tôi và xóa hẳn những cảm giác đầu tiên vừa mới nở.

Mẹ tôi đã đến sau lưng tôi:

— Con không sửa soạn về thăm ông ngoại à? Ông ngoại con đương ốm nặng, con có biết không?

Tôi ngàng mặt nhìn mẹ tôi ngờ ngác. Mẹ tôi muốn dấu sự cảm động, gọi chị tôi bảo:

— Chị Nguyệt đâu! không thay áo cho em.

Trăng vừa chồi ở trên nóc nhà ngang thì chúng tôi bắt đầu đi. Mẹ tôi với tôi và cả em gái tôi nữa nằm một cáng, một thứ cáng có trần, và phủ diêm xanh. Chính cái cáng chúng tôi đi xưa kia, ngày thầy tôi còn làm quan đã dùng để đi hành hạt. Cáng ấy, trông cái đôn chạm trổ kỹ càng, tỉ mỉ với lại tấm diêm tha thướt, còn giữ được cái vẻ đài các, quan dạng ngày xưa. Mỗi năm, cáng gác cất trên rằm nhà, chỉ đến vào độ này mới lấy xuống để phủ sạch và sửa sang lại.

Thầy tôi thường nói với một giọng sung sướng: Ngày xưa, có một bận, một vị quan thủ hiến, vì phải nhường cái võng điều lại cho ông sứ, đã phải nằm ở cái cáng xanh này để đi thăm một con đường núi.

Đến nay, sau hơn 20 năm rồi, tôi còn thấy rõ như mới hôm qua, cái hình ảnh diêm dáng, đài các của chiếc cáng xanh, mà tôi coi như là cái hình ảnh đầy đủ và

khả ai của một thời di vắng binh lộng. Nhất là những khi cái cáng ấy, chống lên trên hai cái nạng cắm ở trước sân của một nhà trạm hiền lành, thì ta tưởng như thời giờ không đi nữa, mà mọi sự chuyển đi ở trên thế giới cũng không có nữa. Một màu diêm, hay một màu xanh của diêm cáng, lấp lánh dưới ánh nắng một buổi trưa, hay phát động trong một cơn gió chiều, thì ta cũng cảm thấy một nỗi buồn bằng phẳng và không lưu động, cái nỗi buồn của cuộc đời trước khi âu hóa.

Khi bắt đầu lên cáng thì tôi hình như cũng đã bắt đầu ngủ. Trong lúc ấy, thì cáng có lẽ lên dốc và xuống dốc, đã nhiều lần lắm rồi, vì tôi biết đường phải đi qua những động núi. Nhưng có một lúc nào đó tôi nhớ có thức giấc dậy.

Tôi nhìn ra ngoài, thấy ánh trăng tuôn chảy ra như chỉ trên tường sỏi, trên các túm lá, trên các lối đi. Tôi thấy hơi hơi ghê lạnh từ trong tâm hồn. Tôi co mình vào trong lòng mẹ tôi, và hỏi:

— Thầy con và anh con ở đâu mẹ?

Mẹ tôi đáp bằng một giọng rất tỉnh táo:

— Thầy con và anh con đi ngựa. Có lẽ đã đi trước rồi.

Rồi đổi giọng, mẹ tôi hỏi những người phu cáng:

— Quan huyện ngài đi trước rồi phải không các chú?

— Dạ, bầm quan con đi trước...

— Các chú bầm ngài đi từ từ một tý.

— Dạ, thưa bà, thế tất quan con cũng phải đợi, vì chúng ta cũng đã sắp đến trường.

— Trường ngoài hay trường trong chú?

— Dạ, mới trường ngoài...

«Trương», tiếng ấy dội vào trong tâm hồn tôi như một điều ghê lạnh. Cái óc trẻ con, tôi tưởng tượng cảnh trương như một đoạn đường cây cối rậm rạp ghê sợ nhất, quanh năm không có bóng mặt trời, không có bóng người, chỉ có những thú dữ.

Tôi hỏi mẹ tôi :

— Con nghe nói ở trương có nhiều quái...

Mẹ tôi vỗ tay bụng miệng tôi lại. Thật bấy giờ tôi không hiểu sao như vậy, mà tôi cũng không hỏi vì có gì mẹ tôi lại không cho tôi nói hết. Nhưng bây giờ thì tôi đã hiểu rồi : tiếng quái là tên húy của chúa sơn lâm, không nên nói đến, nhất là trong khi đi đường rừng lại càng không nên đến.

Mẹ tôi im lặng một lúc lâu, hình như để dấu sự sợ hãi. Một hồi lâu, mẹ tôi nói với những người phu cáng :

— Các chú xem quan có đứng lại chờ không ?

— Bẩm bà, quan đã đứng lại ở gốc đa.

Mẹ tôi cất giọng bảo thầy tôi :

— Thầy nó đi đâu mà vội thế! Vào trương nên cho ngựa đi chậm chậm và kèm một bên cáng.

Trong lúc ấy, một thứ chim gì lạ khác khối đánh ở trong một bụi gần. Mãi sau tôi mới biết đó là con chim kiềng kiềng, mỗi khi có chúa rừng ra suối uống nước, thì nó lại «đánh» từng hồi gấp rút.

Tôi nghe thấy mẹ tôi nín thở lại. Và cả bao nhiêu người đều im lặng, một sự sợ hãi đè nặng trên tâm hồn mọi người..

Một hồi lâu lắm người phu cáng thở một cái thật dài và nói trước :

— Kề kiềng kiềng nó đánh có nhiều khi thiêng mà nhiều khi...

Mẹ tôi ngồi nhồm đậy, ngắt lời :

— Nhưng mà bây giờ thật đi qua trương rồi đấy chứ ?

Người phu cáng cười :

— Dạ, có qua trương rồi, con mới dám nói.

Thầy tôi xen vào :

— Có gì đâu mà ngại! Nói dai mà nghe, ví dụ có Ngài ra khe thì ngựa tôi đây có dám đi nữa đâu. Nó phải rúc đầu vào một cái bụi cây ra và nó hi lên một cách ghê rợn lắm.

Mẹ tôi hỏi lại :

— Làm sao ngựa lại rúc đầu vào bụi như thế, thầy nó hí ?

— Ấy, ngựa nó cũng tinh khôn lắm. Nó «bất» thấy mùi Ngài một cách tài tình lắm, không bao giờ lầm cả. Mà một khi Ngài đã ra, thì đầu ngựa có phi, đường trời, Ngài cũng đuổi kịp. Cho nên ngựa chỉ có một cách đề tự vệ, là che hết nửa thân hình đi, và chỉ để hai chân sau mà thôi! ngựa nó cũng chỉ có hai chân sau là «chặt» được, và «chặt» mạnh lắm.

— Nhưng nói đồ sông đồ biển, ví dụ lúc bấy giờ mình còn ở trên lưng ngựa, thì biết làm thế nào được ?

Một người phu cáng xen vào :

— Con nghe những người đi củi thường nói rằng : hễ, mỗi khi gặp Ngài, thì nên quý xuống, mà van lạy Ngài đi, và nhìn chòng chọc vào mắt Ngài, thì thế nào Ngài cũng tha cho.

Một người phu cáng khác :

— Bầm quan bà, chú Thôn chú nói cái ấy có thực đấy. Con cũng có nghe Cố Diệt thường nói: hễ thấy Ngải rồi, thì chẳng bao giờ Ngải làm tội cả. Ngải chỉ chộp khi bất thình lình mà thôi!

Chú Thôn :

— Chú Thạc nà! Mà Ngải chộp, cũng chỉ chộp người đi đầu hay người đi cuối thôi, chứ chẳng bao giờ chộp người đi giữa cả.

— Cái ấy thì đã hẳn.

Rồi câu chuyện giữa hai người phu cáng dần dần rơi vào trong cái ướt lạnh của đêm sương. Tôi cũng lại ngủ đi lúc nào, không hay. Mãi đến lúc, hình như gần đồng ruộng, tôi mới lại trở dậy.

Tôi nghe tiếng chân đi sạn sạt và đều đặn của những người phu cáng. Dưới chân ngựa một vài tiếng sỏi đánh nhau rơi loảng choảng. Và tôi thấy giữa khoảng trời sương lấp lánh muôn nghìn mặt trắng: tâm hồn trẻ dại của tôi đã thấy như một cốc thủy tinh rung động theo điệu gió.

Tôi nghe rõ tiếng một người phu cáng, nói với người bạn nó : tiếng nghe lạnh quá :

— Chú Thôn nà! Ta xin phép quan bà nghỉ chân một tí đã nhá!

— Thì hãy cứ đòi vai một lần nữa đã nào ?

— Không phải mỗi vai — nhưng mà không còn gối nữa.

Thấy tôi hình như không nghe chúng nói, Vì ngựa vẫn rộn ràng đạp trên đường sỏi.

Chúng vẫn đi, vẫn im lặng đi.

Bỗng xa xa, thưa thưa, đôi tiếng gà.

Đòi tôi làm sao quên được những tiếng gà đầu tiên ở giữa rừng sâu ấy : tiếng gà làm cho ta có cảm tưởng áp áp là sắp gần một thôn mạc nào... Nhưng đây chỉ là những con gà ri, gáy trắng...

Me tôi trở mình hỏi to :

— Đã đến đồng Kê Tra chưa các chú ?

— Thưa bà, chưa đến, nhưng kê cũng không ngái nấy nữa.

— Các chú gắng đến đồng, lại nghỉ một lát cũng được.

Và khi chúng tôi đến đồng Kê Tra, thì mặt trời đã tung ánh sáng trắng vàng trên những đồng ruộng mạ xanh rì, như người thuyền chài tung cái lưới của mình vậy.

Sau đồng ruộng ấy là làng ngoại tôi. Ông tôi ở một xóm gọi là xóm Cồn, nghĩa là ở trên một đồi núi. Chúng tôi, bước khỏi cổng xóm là bắt đầu lên dốc, đi trên con đường đờ ỏi. Tôi thấy một mùi đất ẩm lạ, và cây cối ở trên xóm Cồn, xum xê một cách khác thường khiến cho tôi có cảm giác rằng : cuộc đời ở đây, tựa hồ như là một cái gì rất dễ dàng, rất đáng yêu : những cây cau vươn khỏi những mái tranh, và trên những vách đất đỏ gạch, leo lên với một cái khí lực mạnh mẽ, những cây trầu lá xanh tươi và cong vạm vỡ.

Càng tôi từ khi khỏi cổng xóm, đi vòng quanh, và cứ rèo, rèo mãi. Những người đàn ông hay người đàn bà thấy me tôi thì cúi chào.

Họ đáp lại những câu hỏi của mẹ tôi, một cách niềm nở và lễ phép :

— Này thím Thín, có nghe Bọ (chỉ ông tôi) ra sao không ?

— Bầm bà, đã có mời ông Đước tới cúng rồi.

Một lát sau.

— Này Á Dung, Bọ có khá không ?

— Bầm Bà, Bọ hai hôm nay không cháo cơm chi hết.

Một lát sau nữa :

— Thế nào chú Huýnh, Bọ...

— Bầm Bà, Bọ khó lòng mà ở rón được.

Giọng mẹ tôi càng run run, chưa kịp hỏi, thì một bà cụ già vừa chống gậy vừa xuống dốc, bà nói với đôi mắt rưng rưng :

— Bà Huyện ơi ! có lẽ Bọ về mất.

Lúc bấy giờ hình như là lần thứ nhất tôi mới nghe người ta nói đến tiếng « bọ ». Nhưng tôi cũng hiểu là là một « tiếng » trịnh trọng để tặng những người già cả đáng kính.

Dần dần khôn lớn lên, tôi càng hiểu thêm : tất cả những dân trong xóm đều coi ông tôi gần như một vị « giáo chủ », đầu người ở trong xóm không theo đạo Phật hay đạo Thiên Chúa. Họ chỉ tin ở sự cúng quảy, chay đàn. Mà trong những đám tế hay đám chay nào, thì ông tôi cũng được mời ngồi làm « thầy cả ».

Sự yêu vì có tính chất tôn giáo ấy của dân xóm đối với ông tôi còn có những lẽ khác nữa : ông tôi còn là một ông lang của dân xóm, và là một ông chánh tổng bỏ thợ dệt nhất ở trong làng ngoại tôi. Nhưng cái danh dự, to hơn hết của ông tôi là được một người rề có tên trong làng khoa giáp và sĩ hoạn.

Khi đến gần ngõ nhà ông tôi, thì tôi thấy những người đàn ông và đàn bà vừa ở trong ngõ bước ra. Họ chạy lại gần cạnh tôi và nói với mẹ tôi bằng một giọng ngấp ngừng cảm động :

— Bọ về rồi ! Bọ về rồi ! Thưa Bà !

Tôi ngàng trông mẹ tôi : trên khuôn mặt mẹ tôi không còn một chút máu.

Và khi chúng tôi bước lên thềm thì đã nghe thấy những tiếng khóc rống lên : « Bọ ơi ! là Bọ ơi ! »

Những Di tôi, nước mắt ràn rụa, chạy lại nói với mẹ tôi :

— Bọ chờ bà từ hôm qua đến hôm ni. Nhưng coi không thể chờ được, nên phải đi.

Mẹ tôi chạy vào cầm lấy tay ông tôi, và khóc rú lên, tôi cũng khóc to như mẹ tôi. Anh chị tôi còn khóc to hơn tôi nữa.

Tôi ngàng trông lên mặt ông tôi tuy da đã xanh nhợt nhưng cái chòm râu vẫn lấp lánh bạc, cái chòm râu vẫn đáng kính đáng yêu biết bao ! Tôi sực nhớ lại những lúc tôi ngồi ở trên gối ông tôi, và nhìn vườn cây qua cái chòm râu to dài ấy, thì tôi lại cảm-động và khóc rú lên nữa. Thực ra tôi không hiểu rõ cái chết là cái gì, nhưng mang máng cũng biết rằng : cái chết là một cái gì buồn não như một sự biệt ly. Vì đời tôi đến lúc bấy giờ, thì chỉ có sự biệt ly mới là buồn não mà thôi. Tôi nhớ lại cái lần thứ nhất : mẹ tôi và tôi tiễn đưa anh tôi lên tỉnh học. Cuộc tiễn đưa ở trên bến sông. Con đò mang anh tôi, như chần chừ nản nã không muốn lượn đi, còn anh tôi cứ đứng mãi ở mũi thuyền trông vói. Mẹ tôi cũng đứng trông ra. Lẽ ra chúng tôi có nhiều điều nói với nhau lắm. Nhưng mà trong lúc con thuyền một lúc một trôi xa, chúng tôi muốn gì phải nói thật to. Những cảnh vật trong lúc bấy giờ bắt chúng tôi không thể động mạnh hay nói to. Phải âm thầm vì là ly biệt. Mà cái giờ phút trên bến sao kéo dài đến

thế. Mà con đồ thì hình như không đi và chỉ có dòng sông lượn, uốn khúc, và để rồi cho đồ đi trong một cái khúc quanh. Tôi đương thần thờ nghĩ lại cái cuộc biệt ly lần thứ nhất trong lòng đưa trẻ dại thì anh tôi đã lại bên tôi, nắm vào tay tôi và nói:

— Doãn, em không khóc đi?

Như tỉnh khỏi một giấc mộng, tôi vội vàng khóc lên, khóc cho kịp những người khác.

Mấy hôm nhà có việc như thế, thì tôi thường được lệnh của mẹ tôi:

— Con đi ra lời chơi...

Thấy tôi ngần ngại, thì mẹ tôi quay về phía Mượn.

— Mượn dẫn em ra lời chơi đi.

Thực ra, Mượn về hình xác cũng không cao lớn gì hơn tôi. Mượn cũng chỉ suýt soát tuổi tôi, có lẽ còn kém tôi mấy tháng nữa. Nhưng theo một định luật bí mật từ ngàn xưa để lại, vì mẹ tôi là em mẹ Mượn, cho nên tôi phải gọi Mượn bằng anh và vì thế Mượn cũng tự nhiên ra dáng khôn lớn hơn tôi vì điều này mới kỳ. Tôi cũng thấy tự nhiên bé nhỏ bên cạnh Mượn.

Vấn giọng âu yếm và cầu xin của mẹ tôi nói với Mượn:

... Mượn, coi, chớ để cho em chơi bản nha!

— Dạ.

Về sung sướng và tự đắc hiện rõ ở trên mặt Mượn. Mượn đưa tay choàng ngang lưng tôi và nói với tôi, hình như cũng như với cái giọng âu yếm, niềm nở của một người anh thực.

— Doãn đi ra lời, anh hái đào cho ăn,

Tôi cũng không hề phản đối cái giọng đàn anh ấy, vì rằng: từ nhỏ tôi cũng đã biết ru lòng trong những ân tình đậm thắm của sự che chở, sự đùm bọc. Tôi nung nấu:

— Anh Mượn, anh hái cho em nhiều khế ngọt nữa nhá!

— Được, em có thích ăn hồng không?

— Ở hồng nữa, anh hái cho em nữa!

Từ đó, trong lúc chơi đùa hay trong lúc nghiêm trang, Mượn nhiều khi đã lợi dụng cái quyền đàn anh mà «bức» tôi. Nhưng có điều là tôi cứ để cho nó dẫn dắt, sai bảo, âu yếm tưởng là như một sự đương nhiên vậy, mới hay cái sự được che chở, cái sự được nằm vào trong lòng yêu thương của một người khác, cái tình nô lệ cũng có những cái thú say sưa của nó, mãi sau này nghĩ lại cái sự nô lệ đầu tiên ấy của tâm hồn, tôi lại càng hiểu tại sao những người đồng bào của tôi, cả dân tộc của tôi như thích gửi ký thác cái sinh mạng, cái số phận của mình ở trong một sự che chở từ bên ngoài đến, đến không phải vì theo một tiếng gọi nào. Cái thú được dẫn dắt của tôi lúc bấy giờ thật chẳng khác gì cái thú được che chở của một dân tộc yếu bởi một dân tộc mạnh, của một người đàn bà muốn hèn yếu, muốn rơi rã ở trong lòng một kẻ tình nhân.

Thực ra, cái quyền sai bảo của Mượn đối với tôi hình như đi quá giới hạn, và cũng có nhiều điều khó chịu và buồn cười. Tôi nhớ có một bận, tôi đương đứng tĩnh túc trước linh cửu ông tôi, hình như là trong ngày «thành phục» thì phải, mọi người đương im lặng, bỗng có thầy thông xướng «xướng» hai chữ gì mà tôi không nghe ra. Nhưng Mượn ra dáng biết nhiều đưa tay bám tay tôi, ý chừng muốn ra hiệu cho tôi một điều gì. Thấy

về ngõ ngác của tôi. Mượn ghé lại bên tai tôi và nói rất nhỏ và có ý tú «Người ta xướng cử ai đấy! Khóc đi!»

Khi người ta đã biết đến hai chữ «Cử ai», thì cũng phải ví dụ rằng: người ta biết nhiều lắm, ít ra cũng biết hơn mình. Nhưng tôi cũng phải đợi cho Mượn khóc trước, rồi tôi mới khóc theo. Cả hai chúng tôi đưa nhau khóc nghe thấm thiết lắm, mê say lắm, đến nỗi không kịp để ý đến những người xung quanh có khóc không.

Một lúc lâu, có người lấy quạt đánh khẽ vào đầu tôi, tôi mới chịu nín đi. Tôi còn nhớ cặp mắt ngõ ngác và có vẻ hờn giận của Mượn, lúc bấy giờ nhìn tôi, và không hiểu sao người ta xướng «cử ai» mà lại không khóc được. Mượn nhìn tôi, có vẻ nguỵng lăm, và từ đấy đối với tôi cũng mất đi một ít uy lực. Văng vẳng, tôi nghe xung quanh người ta nói: «Im đi! mà nghe vãn».

Tôi ngẩng trông lên trước bàn thờ đã có người lễ sinh quý xuống, tay bưng một cái bồng gỗ nhỏ, và bên cạnh một thầy thông xướng rọi một cây nến. Đầu bấy giờ còn là ở giữa ban ngày.

Mượn nháy mắt bảo tôi:

— Im! người ta đọc vãn.

Thực ra tôi đã dùng im phăng phác, bình lặng, tĩnh túc, tò mò đợi xem người ta làm gì... Bỗng giữa sự im lặng nghiêm trang, một tiếng ngân nga lên xuống, tôi không hiểu là gì cả nhưng cái tiếng ấy, đến bấy giờ cũng còn văng vẳng dội lại trong lòng tôi, những điệu vừa nào nùng vừa huyền diệu, từng giọt sâu thẳm rơi trong một ngày mưa rá rích ở trên mái ngói.

Nhất là khi tôi nghe người ta đọc đến tên tôi, thì tôi thấy có một thứ cảm giác vừa vui vui, vừa buồn

buồn. Nhân đó, mình lại càng cho mình một sự quan trọng mà lẽ ra mình không có.

— Cử ai...

Tiếng thầy thông vừa xướng dứt, thì mọi người, thầy mẹ tôi, cậu mẹ tôi, di dương tôi đều khóc rống lên. Tôi muốn khóc theo, nhưng mà tôi chỉ có kêu lên mà nước mắt không thể chảy ra được. Cho hay nước mắt của mình không phải là một điều dễ sai khiến. Và khóc không phải bao giờ cũng là dễ tổ sự buồn vậy. Nhưng từ đấy, có một điều làm cho tôi hơi ngờ ngờ cái chết của người ta, chỉ là một sự rộn ràng ở trong nhà, không phải là một cảnh ly biệt âm thầm ở trong lòng. Nhất là khi tôi nhìn vào cậu tôi trong cái bộ tang phục, có đủ mũ gậy như một ông võ tướng, thì tôi lại càng thấy cái chết không phải là một điều gì rất buồn nữa, mà chỉ đáng buồn cười thôi. Thành Mượn cũng hình như có cảm tưởng thế. Chẳng thế sao một hôm trước lễ «thành phục», nó khoe với tôi bằng một giọng tự đắc sung sướng:

— Ngày mai, anh Mượn sẽ được bịt khăn trắng.

Làm như được bịt khăn trắng là một điều tôi vinh dự. Và làm như tôi cũng không được bịt khăn trắng. Nhưng ngày thành phục, tôi mới biết rằng: tôi cũng được bịt khăn trắng. Mà rồi than ôi! đời tôi còn phải bịt đến mấy lần thế nữa.

Cất tang ông ngoại tôi xong, mẹ tôi vì có lẽ tại khóc nhiều quá, bị bệnh đau mắt. Thấy tôi trở về làng trước, còn mẹ tôi ở lại làng ngoài. Vì thế, Mượn và tôi còn được gần nhau. Ngày nào, chúng tôi cũng dẫn nhau ra lội chơi. Mượn hái đủ thứ quả ở trong lội cho tôi ăn. Và chính trong cái thời kỳ ấy, tôi đã học được nhiều tên cây, và bắt đầu yêu cây. Mượn đối với những loài

vật, và nhất là đối với những con gà pha con, thì Mượn âu yếm lắm. Mượn thương vào nhà lấy trộm những nắm bắp để choi, rắc cho gà ăn. Đến nỗi, mỗi khi Mượn đi ra lò, là những con gà chạy lại và đứng chực sẵn; thường thường thì Mượn có một cái củ chỉ rồi đem yêu để đánh lừa bầy gà con là Mượn, mỗi khi đi ra, thu thu dúi dúi hai tay dưới vạt áo. Tuy trong bầy gà ấy, có một con gà cồ mà Mượn ghét lắm: con gà ấy là một thứ gà chơi, ông ngoại tôi nuôi nó đã 6, 7 năm: Nó to, cao và dữ lắm. Da cồ nó rất dày và đỏ gay như mặt trời. Đêm nó không vào chuồng, ngủ ngay ở trên công lò, và thi nỳ với cả loài chồn cáo ở trong lò. Bình sinh ông ngoại tôi nâng niu nó lắm, mà từ khi ông ngoại tôi mất đi, hình như nó dâm ra dữ và hèn. Tôi thấy có một hôm, nó chạy đuổi theo cướp mẻ những hạt ngô ở trên tay Mượn. Đối với loài gà, hay loài vật gì, tôi cũng không bao giờ còn có một kỷ niệm khả ái đáng ghi chép lại. Nhưng đối với loài cây, thì tôi có cảm tình lạ. Nhất là đối với những cành đào khếuter khieu, mang những trái đào «hừng hửng» tròn trĩnh, thì tôi thương lạ, và ngạc nhiên vô cùng. Tôi không hiểu vì sao những cành đào ấy lại có thể mang một cách tự nhiên, những trái đào hình như đã lạc loài đến ở đấy. Tôi thích nhất là người ta kể cho nghe cái đời của loài cây. Và một hôm thấy tôi ngắm cây cam sành, ở cạnh giếng, mẹ tôi nói với tôi:

— Con có biết cây cam ấy xưa kia ông con nâng niu biết bao nhiêu không!

Rồi mẹ tôi kể nều kể một câu chuyện thuộc lòng:

— Cây cam sành, đến nay đã 27 năm rồi. Ông con «bưng» ở nhà ông chánh Đức về. Cách năm mẹ tôi chồng, là năm nó ra trái đầu tiên. Mẹ còn nhớ về nhà

chồng, được một tháng, mẹ lại trở về đây để thăm ông mẹ con, rồi đến khi mẹ đi, mẹ ngoại con vất vào trong thùng may của mẹ năm trái cam sành ấy và dặn: «Con về gọt cho bà gia con ăn». Bà nội con thích ăn lắm, đến nỗi từ đấy, hễ mẹ về quê ngoại, là bà cũng dặn mẹ xin một ít cam cho bà. Có lẽ cũng nhờ thế, cái đời làm dâu cũng bớt chua cay.

Bỗng mẹ tôi ngừng nói. Mấy giọt nước mắt long lanh trên mí mắt mẹ tôi. Mẹ tôi nói thêm giữa những tiếng nức nở:

— Con xem, từ khi ông con mất đi, thì cây nó bắt đầu héo mòn. Mà rồi, năm nay, sự cam không có trái nữa.

Tôi cũng cảm động theo mẹ tôi. Trái với lời đoán trước của mẹ tôi, cây cam sành ở cạnh giếng vẫn có trái mà trái cũng vừa ngọt vừa thanh lắm. Nhưng có điều này, tôi đã nhiều lần kinh nghiệm: là người chủ yêu dấu mất đi, thì cây cối mà bình sinh người ấy thường coi ngó nâng niu, cũng héo hơn dần. Cây cam của ông tôi, sau một năm đã khô dết lại, và chết cả màu tươi xanh. Và sau này, cây trầu- cây trầu của mẹ tôi- nhưng thực lòng tôi chưa muốn nói tới, không muốn nói tới. Có một điều này mà đến nay tôi cũng nhận thấy là cây cối hình như cũng gầy ra, và cũng chịu lấy một phần lớn những đau khổ của đời tôi- Cũng như cái loài gà khả ái cũng chẳng làm cho Mượn được sung sướng gì hơn.

Có một sự tình cờ làm cho tôi cảm động vô cùng: trước mấy hôm, khi chúng tôi từ biệt nhau về Mượn về làng nội của Mượn, mà tôi cũng theo mẹ tôi về làng nội của tôi, thì có người thợ ảnh đi qua xóm Cồn. Thực ra, bấy giờ vào kỳ thi tuyển sinh, quan đốc học ở tỉnh có phái một người thợ ảnh đi các trường làng và trường

tông để lấy ảnh cho các học trò thi. Luôn thế, người thợ ảnh ấy cũng chụp cả cho những ai trong làng muốn lưu lại một kỷ niệm của mình lúc thiếu thời, nếu kẻ đó là một người còn trẻ, và là một chút kỷ niệm ở trên cõi đời, nếu kẻ đó đã là một ông già. Hình như lần ấy là lần thứ nhất, người ta bắt các « cậu khóa » trong bản tỉnh phải dán ảnh mình vào đơn thi. Cũng nhờ thế, xóm Cồn lần thứ nhất, được trông thấy người nhiếp ảnh, mà họ coi như một kẻ có phép tiên, có thuật lạ. Trừ những người nghèo khổ quá, những nhà khá giả ở trong xóm Cồn, đều cố rước cái ông thợ nhiếp ảnh về nhà, để chụp cho cả gia đình mình một cái. Thật là một quang cảnh đến cảm động và buồn cười, người ta thấy những người đàn bà nhà quê, quần áo bẩn thỉu, tay cầm cái ống kính, và điều này mới cảm động hơn, cũng cố xô hai chân thêu, to vào đôi guốc quai da nhỏ nhắn. Lại những ông cụ già râu tóc bạc trắng, lưng còng trong bộ áo quần đồ hoa, cũng cố chồm chồm ngồi lên trên một cái ghế mây, hai tay đặt lên trên đôi gối, và giữ chặt lấy sự cân đối, những ông cụ già ấy cũng để cho người ta thu hình như một đứa trẻ con.

Có cụ nóng lòng muốn thấy hình của mình nên hỏi người thợ ảnh :

— Thế được rồi chứ ngài, ngài cho lão xem một tý nào.

Người thợ ảnh vẫn một cái cười không môi măt :

— Thưa cố, phải để cho cháu sang ra giấy đã chứ.

— À ra thế ! Phải bao lâu mới được ?

— Thưa cố, phải đến ba hôm.

Cụ già như thất vọng :

— Phải đợi đến ba hôm ư ! lâu quá nhỉ ?

Thật là một ngọn gió hiền hòa trẻ trung đã thổi qua xóm Cồn : mọi người từ già đến trẻ, từ giàu đến nghèo, suốt mấy hôm dài bàn tán về việc nhiếp ảnh. Họ bình phẩm một cách vui vẻ về anh thợ ảnh thì ít, mà về dáng điệu ngược ngược, kỳ lạ của những người bị chụp hình thì nhiều. Doy có một sự cảm hòa, và buồn tủi đã đến ở trong gia đình ông tôi. Mẹ tôi, dì tôi, tất cả đều cho rằng : Ông tôi chết một lúc chẳng may, giá mà ông tôi nản nả lại độ hai, ba tuần nữa, thì thế nào, cũng đã có thể lưu lại cho con cháu cái tấm ảnh phương phi của mình : vì ông tôi là một ông già đẹp -- ai cũng phải nhận thế. Rồi cho đó là một điều đau tủi, ngày hai bữa cung cơm, dì tôi và mẹ tôi lại khóc, vừa khóc vừa kể lè. Cái vui của gia đình cũng dường như bị cấm tiệt : lúc đầu không một người nào dám nghĩ đến sự chụp lấy một tấm ảnh chung cho tất cả gia đình : vì thật ra sự tụ họp đông đủ như thế, thật là một dịp hiếm. Hình như cũng nghĩ đến sự chia cách rất gần của đôi bên trẻ mà mẹ tôi thường gọi với một giọng đầy âu yếm là « anh em nó », có lẽ cũng nghĩ đến sự chia biệt sắp đến của Mượn và tôi mà mẹ tôi, như quên hết cái đau tủi về phần ông tôi, dám bác hết sự phản đối cứ bằng lòng để cho hai chúng tôi chụp chung một tấm hình. Cái tấm hình đến nay đã rách nát đầu cả nhưng tôi quên làm sao được cái vẻ già dặn và chừng chạc của hai chúng tôi ngồi trên hai chiếc ghế dậu đặt ở trước sân. Chúng tôi cố cái nhìn thẳng thẳng làm sao ! mà hai môi như mím chặt lại để giữ lấy nụ cười. Còn hai tay thì giữ chặt lấy hai bên vạt áo như sợ nó rúm lại, và để lộ những đường răn không đẹp.

— Này các cậu, nhìn vào đây.

Nhưng thực ra chúng tôi đã nghiêng trang, cung kính nhìn vào cái bản ảnh từ lâu, vì tương một cách ngay

từ phút chúng tôi ngồi lại. Và đến khi người ta chụp xong rồi, mà chúng tôi vẫn tưởng chưa, cứ ngồi lý ra, với cái nhìn ngay thẳng và không chớp.

Chúng tôi đứng dậy, thò ra một cách sung sướng tưởng như mình vừa thoát khỏi một cái hình phạt thú vị nhất đời.

Cái tấm hình đã ghép lại gần đôi đầu xanh ấy, đã nghiêng đôi tấm lòng với nhau. Bấy giờ Mượn mới 10 tuổi. Tôi cũng ngần ấy tuổi. Nhưng lòng yêu có bao giờ chừa tuổi trẻ. Nó đã đến ở trên tấm hình. Nó đã đến trong một buổi chiều. Nó đã đến trong một sự ly biệt. Phải, nếu không có cái hôm ly biệt ấy, thì tôi chẳng bao giờ tin có nó, biết có nó. Những lúc đắm say trong những trò chơi vô tội, gần gũi nhau trong những phút giây hiền hòa, chúng tôi có ngờ đâu rằng chúng tôi đã yêu nhau trong một sự khác lạ, trong một mối tình gần tội lỗi. Nhất là khi tôi trèo lên cang, tôi thấy Mượn khóc rưng rức, thì chúng tôi đã không còn là hai đứa trẻ nữa và chúng tôi đã yêu nhau gần như một cặp trai gái rồi. Ngoảnh lại tôi vẫn thấy Mượn, và cái chéo áo của di tôi, và dương nhìn tôi trong một cái nhìn tội nghiệp làm sao!

Mẹ tôi còn nói với di tôi:

— Chị hỉ? Thế nào qua tháng tám, cũng mời chị ra chơi và đem Mượn theo cho nó gặp lại Doãn.

Tôi tưởng như mẹ tôi nói hộ tôi câu nói cuối cùng ấy.

Di tôi thì hình như không để ý đến vẻ buồn ở trong câu nói của mẹ tôi, dặn mẹ tôi một lần chút:

— Thế nào có ai vô, di cũng nhớ gởi cho tôi một ít « bùi » nhá! Cứ gửi sống, để mặc tôi muối lấy.

Mẹ tôi chỉ gật mà không nói gì thêm nữa.

Thế rồi trở trêu chưa! tháng tám, tôi cũng không thấy di tôi ra chơi, mà ngay trong năm ấy di tôi cũng không ra nữa. Qua năm sau, di tôi có ra thì Mượn đã lên học trường Phủ. Năm sau nữa Mượn ra, thì lại không có tôi: tôi vừa đỗ Tuyển sinh và lên học trường Huyện đã mấy tháng rồi. Bấy giờ, tôi còn nhớ là tôi ở trọ nhà một thầy Dề lại. Nhà trọ có một người con gái tuy không đẹp nhưng mà trông cũng ngộ như một cô gái núi, có những tính tình tuy thô lậu mà thật thà. Nguyên nhà thầy Dề đối với nhà tôi cũng là chỗ cố giao: hình như khi thầy tôi làm tri huyện Hòa Vang, thì thầy cũng làm « thông nhất » hay là « thông nhì » gì đó. Vì thế, thầy Dề mỗi khi nói với thầy tôi cũng hay nhắc đến mấy chữ « thầy trò cũ » mà thầy tôi thường gạt đi một cách cung kính, và lấy chỗ tuổi tác mà dãi nhau ngang hàng vậy. Tôi không hiểu trong trí người nào, đã nảy ra lần thứ nhất sự ghép gá tôi lại với người con thầy Dề, nhưng có một sự tình cờ này làm cho người ta càng dễ có cái ý ấy. Cô Nguyệt cũng như tôi là con rớt. Mà điều này lạ hơn, là hai vợ chồng thầy Lại quý tôi lắm: không có miếng ngon vật lạ nào là hai ông bà không dành cho tôi. Mà mỗi khi tôi về quê, thì chính tay bà Lại sắp dọn áo quần đồ đạc cho tôi, và làm như mẹ mình không bằng. Tôi cảm động và quý mến bà hơn, nhưng chẳng bao giờ vì thế, tôi có ý gì với cô Nguyệt cả.

Một hôm mẹ tôi lên chơi, có hỏi chơi bà Lại:

— Có em năm nay bao nhiêu tuổi.

— Thưa bà, cháu năm nay mới mười ba tuổi, cháu tuổi tý.

— Thằng Doãn nhà tôi cũng tuổi tỵ.

Rồi hai bà nhìn nhau cùng cười, cười vui sướng, cười hề hả, cười đắc ý. Có lẽ sự giao ước giữa hai nhà bắt đầu từ đó. Nhưng có một điều tôi nhận thấy là trong mấy ngày ở lại với tôi, mẹ tôi thường hay kiểm díp dề xuống bếp: vì theo ý bà, muốn xem xét một người con gái phải xem xét ở chỗ bếp nước vậy. Mà rời từ đây, trong nhà thầy Lại có sự khác lạ: có Nguyệt ít khi lên nhà và kể có dịp là bà cho ra một tràng những nữ tặc, nữ huân đến bực mình, làm như tôi để ý đến việc của bà làm. Bảy giờ tôi nghĩ lại không khỏi buồn cười: làm sao có người coi việc đời kính cẩn, nghiêm trang thế! Trong thời kỳ ấy, tôi chỉ học và nghĩ đến Mượn. Những ngày nghỉ, tôi thường lấy tấm hình của hai chúng tôi ra mà tập «họa» truyền thần lại, và tập làm thơ về vịnh người trong ảnh. Có điều này hơi lạ, là tấm ảnh ở trong có hình Mượn, đối với tôi như là một bức tranh tiến của thầy Tú Uyên ngày xưa. Tôi chỉ thiếu một đường là đem đóng tranh lên ngay ở vách, cạnh án thư, và mỗi bữa cơm, dề ra đấy một bát cơm và một đũa đũa. Có một điều mà tôi cho là một hiện tượng lạ lùng về tâm lý là, mỗi khi nhìn vào ảnh, tôi lại thấy người trong ảnh gọi thêm cho tôi nhiều cảm đẹp. Những mỹ cảm ấy gần tựa như lòng thương tiếc như nhưng. Mỗi có một việc xảy đến làm xáo trộn cả trí não và tình cảm của tôi: một hôm trong khi mọi người đã ngủ cả, tôi lấy ảnh ra, và đặt lên hình Mượn một cái hôn. Vâng cái hôn đầu tiên của lòng tôi, của đời tôi. Suốt hôm ấy, da thịt tôi rạo rục. Và sáng hôm sau, tôi dậy thật trụi và nhìn người náo, cũng tưởng như nhìn vào gương và thấy mình thẹn thùng, hèn lên.

Lại một hôm nữa. Thoạt đầu, tôi không nhớ rõ, chúng tôi từ đâu lại. Nhưng bảy giờ, chúng tôi đã ở một

quảng rừng, hình như là giữa con đường từ làng ngoại về làng nội. Tôi vừa xuống cáng, thì đã thấy Mượn chờ sẵn ở một cái quán nước, ở ngang sườn. Chúng tôi, thầy mẹ tôi, anh tôi, Mượn cũng đi cả vào quán.

Quán sạch sẽ mát mẻ lạ: gió chiều lên từ phía sau nhà. Và mây trắng vẫn bay ở ngoài cửa sổ. Chúng tôi hỏi chủ quán đâu? Một ông cụ già rất đẹp, chạy ra chào hỏi chúng tôi một cách niềm nở vì chủ nhân lại là người chúng tôi quen lắm: mỗi lần đi hay về, chúng tôi cũng có ghé lại quán, và coi đó như là một cái trạm độc nhất của mình. Trong nhà quán, có những câu đối khắc trên tre lồ ô, chữ rất tốt mà theo thầy tôi, thì ý tứ lại rất thâm thúy, huyền diệu. Có câu của một ông tiến sĩ ở làng Lý, có câu của ông Đỗ Ninh, một tay hay chữ ở trong vùng này, ai cũng biết. Những câu đối ấy hay, điều ấy không đáng ngạc nhiên, nhưng đáng lạ là làm sao ông quán cũng ngồi một phần. Những cuộc nói chuyện văn thơ giữa hai người kéo dài hàng giờ. Trong lúc ấy chúng tôi chỉ nghĩ đến những cái ghế đầu của lão quán, những cái ghế đầu làm với những rễ tre. Nhìn cái ghế ngộ nghĩnh, chúng tôi tưởng như lão quán là một ông tiến, ở trong sách xưa, thường hiện ra các quán ở dọc đường để được nói chuyện văn thơ với những tay văn hào thị bá.

— Đi, Doãn, đi ra ngoài chơi đi em?

— Ở thì đi!

Chúng tôi cùng đi ra rừng. Đoạn rừng này không có một bụi rậm, thỉnh thoảng lại có một cây cao. Chúng tôi chạy nhảy ca hát như một con sóc con sóc lông.

Nắng banh rời mắt dần. Buổi chiều, vàng cả một cánh rừng mệnh mông. Gió ở dưới chân đồi, dần dần

lên mạnh... Chúng tôi đi cạnh nhau, rừng tự nhiên, vắng hẳn đi. Vì chúng tôi, mỗi người đi sâu vào một ý nghĩ của mình...

Nhưng bỗng tôi ngoảnh lại, thì không thấy Mượn ở đâu nữa. Tôi gọi, không có tiếng đáp. Mãi một lúc sau, Mượn ở đâu chạy về, cầm cho tôi một nhánh muồng. Tôi nhìn trên tay Mượn thấy những ngón tay xinh xắn của Mượn bị ố tím, thì tôi thấy thương lạ. Tôi toan giữ tay Mượn lại trong tay tôi. Nhưng Mượn đã giục tôi:

— Kia Doãn ăn đi! Muồng dấy...

Tôi đưa những trái muồng vào miệng. Những quả muồng có một vị vừa ngọt vừa bùi. Tôi ngừng lên để cảm ơn Mượn.

Thì Mượn đã không còn nữa...

Giấc chiêm bao của tôi chỉ có thế, nhưng khi tỉnh rồi, tôi thấy bâng khuâng, nhớ tiếc, nhớ tiếc một cái gì rất êm ái, rất dịu dàng. Thực ra, chuyện tôi vừa kể lại đây, không hẳn hoàn toàn là một giấc chiêm bao, tôi ngờ nó chỉ là sự diễn lại một sự thực...

Vâng, đây không phải là một giấc mộng thờ ơ... mà ở trong ấy, nó đã chứa chan cái vị đậm thâm, và nồng thiết của sự thật...

Sáng hôm sau, tôi viết thư cho Mượn, như đề gở cho mình một mớ bâng khuâng.

Hình như đến năm tôi mười lăm tuổi tôi mới lại gặp Mượn. Chỉ có ba năm chúng tôi không gặp nhau mà tưởng như đã lâu lắm rồi. Mượn thay đổi hẳn. Mượn không còn có cái vẻ đẹp của người con gái nữa. Tay chân phốp pháp, và ngực nở ra trông như một lực sĩ. Trên khuôn mặt Mượn cũng có vẻ khác: trán nổi rộng ra, và đôi lông mày đen và rậm thêm. Giọng nói của

Mượn « ồ ồ », giọng nói của một người « dậy thì ». Giọng điệu khoan thai như một người lớn. Thấy tôi nhìn Mượn chòng chọc, thì Mượn hỏi:

— Tôi có thay đổi lắm không?

Tôi mỉm cười:

— Chẳng thay đổi gì hết.

Mượn vỗ vai tôi:

— Nhưng ít nhất cũng khác cái con vật nhỏ ở trong tấm ảnh chứ?

Nghĩ đến tấm ảnh, chúng tôi cùng bật ra cười... Nhưng bỗng hai chúng tôi cùng sầm nét mặt lại. Mượn hỏi tôi bằng một giọng hơi buồn buồn:

— Tại sao đã lâu Doãn không gửi thư cho Mượn? Tôi ngập ngừng. Vì thực ra, tôi cũng không biết đáp thế nào. Tôi cũng không nhớ rõ cái nguyên nhân đích xác làm cho tôi không nghĩ tới sự viết thư cho Mượn nữa. Anh tôi mà bình như mẹ tôi nữa cũng kiêu vàng chính vì người con gái óng Đờ lại mà tôi nhãng cả sự học hành và nhãng cả bao nhiêu việc khác nữa. Mỗi năm, cứ ngày kỵ ông tôi, thế nào tôi cũng xin phép ông đốc trường nghỉ mấy hôm để về nhà. Nhưng đã hai năm, tôi không về đến nhà. Điều ấy làm cho thầy tôi hết bình tâm, đã có lần biên thư trách mắng tôi: trái lại, mẹ tôi thì cứ mỉm cười một cách đắc ý, hình như tôi đã trúng phải một kế sách của bà. Một hôm, mẹ tôi vào thăm tôi, xoa đầu tôi và nói với tôi, như đề hử ý tôi:

— Năm nay mẹ muốn bàn với thầy con để cho con ên học ở Tỉnh. Ý con có bằng lòng thế không?

Tôi lắc đầu, và nùng nịu nói với mẹ tôi:

— Thưa mẹ, con chưa muốn lên tỉnh vội.

Mẹ tôi kéo tôi vào lòng, và nói:

— U hi, con không muốn rời huyện vì có gì, mẹ biết cả rồi.

Mẹ tôi lại cười một cách hóm hỉnh. Tôi hiểu ngay ý mẹ tôi. Tôi hết sức biện hộ:

— Con chưa muốn lên tỉnh vội, là vì ở tỉnh người ta cũng dạy như ở huyện thế thôi! lên tỉnh tốn hơn, mà ở tỉnh con còn la cả.

Mặc cho tôi biện hộ thế nào, mẹ tôi vẫn không nghe, vẫn cười một cách dí dỏm, và cuối cùng nói với tôi:

— Con không muốn lên tỉnh là vì con không muốn rời có Nguyệt chứ gì?

Rồi mẹ tôi đứng dậy ngay. Lời nói ấy, có ngờ đâu là một lời tuyên án cuối cùng. Trước mặt mọi người, từ đây, tôi là người rề gân như chính thức của ông Đề lại. Như lời tôi đã nói ở trang trên, cái ông Đề lại này với thầy tôi là tình thầy trò cũ, đối với việc này, hẳn ông sẽ coi như là một điều rất tốt đẹp và rất may cho nhà ông. Tôi sợ rằng lòng tin của người ta sẽ tạo nên sự thực. Và sự đời lắt léo sẽ muốn tôi trở nên cái người chồng của cô Nguyệt, đâu tôi không muốn thế. Hâm mẹ tôi ở huyện về làng, cũng mang theo cái lòng tin nguy hiểm ấy, cố nhiên là chỉ nguy hiểm cho tôi, mà thôi. Nhưng chuyện từ trước đến đây không dính líu gì đến cái tấm hình của hai chúng tôi, cái tấm hình đã làm cho tôi mỗi khi nghĩ tới phải buồn rầu vô hạn. Ấy cũng chỉ tại có thế này.

Nguyên những thư từ của Mượn từ trước, tôi đã lần lượt đem ra và tất cả tôi để ở trong một cái hộp giấy. Cái hộp giấy ấy, ngay những ban thân của tôi

cũng không có quyền mở, nếu không được tôi cho phép. Vì thế sự kín nhiệm ấy làm cho người ta kính cẩn và thêm tọc mạch.

Một hôm anh tôi ở Kinh về làng, ghé lại huyện thăm tôi. Tôi không nhớ rõ là vì có gì, tôi lại mở cái rương tôi ra, hình như là để tìm cho anh tôi chép lại một câu đối nôm của thầy tôi làm hộ cho một người làng. Trong lúc tôi cúi cúi lục lọi, thì tôi thấy anh tôi cầm lấy cái hộp giấy của tôi... Và mở ra. Không hiểu sao, tôi rùng mình, và trên sắc mặt có vẻ lo lắng. Nhưng anh tôi khép lại một cách vội vàng và có dáng ngượng ngùng tro trên như đụng đến một vật gì thần yếu của người khác. Có lẽ anh tôi đã thấy cái tấm hình giữa những bức thư và đã đoán rằng đó là những bức thư... tình, vì làm sao lại có thể khác được? Mà có lẽ tấm hình cũng đã bày cái mặt trái, nên mới làm cho anh tôi dễ có cái cảm tưởng quái ác ấy được... Nếu anh tôi đã thấy rõ những người trong tấm hình, thì đâu đến nỗi phải làm đến thế. Thế là tôi chẳng có cách gì biện hộ cho tôi được. Thực ra tôi cũng không muốn biện hộ. Cái cảm giác của tôi, khi anh tôi sờ đến cái hộp thư và tấm hình là lo sợ ái ngại, thẹn thùng như có người sờ động đến những bức thư tình thật. Nhưng cái cảm giác tiếp theo là cái cảm giác của một người đã trấn tĩnh, đã suy nghĩ: tôi cho rằng những bức thư ấy anh tôi cần phải đọc tới, có thể, cái tình của tôi mới được minh oan, và không ai còn tin rằng tôi còn có thể là vị hôn phu của cô Nguyệt. Nhưng muốn thay đổi lòng tin của người ta không phải là dễ: cả nhà tôi và cả nhà cô Nguyệt nữa đều tin rằng tôi đã ưng cô Nguyệt rồi, và điều này mới nguy hiểm: hình như hai bên đã bàn tính đến lẽ "văn hôn". Có lẽ câu

chuyên hộp thư ấy, anh tôi về làng, lại thuật cho cả nhà tôi nghe, cho nên, sau đó ấy, hơn một tháng thì thấy tôi viết bức thư dài cho ông Đề lại. Tôi nghe phong thanh rằng trong thư, thầy tôi có ngỏ ý muốn tiến hành gấp gấp việc hôn nhân của tôi, vì lẽ rằng theo quan niệm các cụ đời xưa, thì với một người nhàn học, duy có một kẻ thân diêu nhất là làm cho « anh nhỏ » ấy trở lại chăm chỉ, là cưới cho anh ấy một người vợ. Có thế, mới giết chết được cái chí phóng dăng của « anh nhỏ ». Nhưng từ nay có một điều tôi quên nói là tại sao tôi không biết thư cho Mượn nữa? Đến nay, thật tôi cũng chưa xét định lại được cái nguyên nhân đích xác. Tôi muốn cho rằng, có lẽ vì tôi không muốn tập thư dày thêm nữa, sợ có điều không hay... Nếu những bức thư ấy, mỗi ngày một thêm thì đến một lúc kia, sẽ đưa cái tình bạn bè giữa hai chúng tôi đến một chỗ không thể lùi được nữa. Mà cái tình bạn bè ấy không thể khôi phục được những tai nạn mà nó đã dễ xảy ra. Nó không tiết ra, thì mọi người càng hiểu lầm rằng số mệnh đã định là tôi phải lấy cô Nguyệt, mà tiết lộ về thì người ta sẽ nhìn chúng tôi bằng cặp mắt nào? Và thực ra, trong cái tình giữa hai chúng tôi, có một điều gì khác lạ gần như là bất chính. Sự tôi lỗi cũng hoàn toàn vẫn ở tôi, chứ Mượn vẫn vô tội như một hạt ngọc. Nói bất chính thì cũng hơi quá đáng; có lẽ là tôi lỗi cũng chỉ vì tại chúng ta. Mà sẽ đi chúng ta là vì tại chúng tôi cùng bước vào một thời giống như thời « đầy thì » của người con gái. Những sự gặp gỡ gián đoạn, những sự tụ họp rồi những sự biệt ly làm cho cái tình yêu thương giữa hai linh hồn, trở nên ẩn hiện, khi ngập ngừng, khi á ngại, rồi cái tình bạn phải khác cái mẫu e thẹn của tình yêu. Rồi cái thú ấy, cái thú yêu nhau trong chàng lên, trong mờ ám, cái thú ấy trở nên một thói quen nguy hiểm.

Một ngày nọ tôi cảm thấy một cách rõ rệt rằng: đời tôi không thể thiếu Mượn được nữa. Cái tình ấy, ngập mờ, bất thường, và vô định, nó không có tên trong tiếng nói của loài người. Đến nay, thực tôi cũng chẳng hiểu gì hơn lúc bấy giờ, cái lẽ tượng quan mẫu nhiệm giữa đôi linh hồn, giữa đôi thể chất.

Tôi xin thú rằng: một sự cần thiết đã tạo ra cái tình không tên mà có thực ấy, tạo ra Mượn một người anh. Tôi không dụi ở Mượn, một chút dâm thám, một chút dịu dàng, một chút say sưa. Tôi cũng xin ở Mượn một câu an ủi, một lời tình tứ. Lòng tôi chỉ muốn được ngã vào một sự dầm bọ, một sự dui dặt, một sự che chở. Cả cái say sưa là được mơn man, được trốn rôn...

Chúng tôi, hình như đi đã lâu như thế, cạnh nhau, đi trên con đường rom nửa ướt nửa khô... Chúng tôi đi trong bóng một hàng tre, vì bấy giờ vào một buổi trưa hè... Và chúng tôi ở trong lòng của một sự tĩnh mịch nơi thôn dã. Ở trước mặt chúng tôi, một con đường trắng toát thẳng tới một đồi núi: ánh nắng trưa lừ lừ trôi như một dòng nước đục và nặng như thủy ngân... Theo lối đi, những người đàn bà, nón thượng quai thao có kẻ không bao giờ quên chúng tôi cả, nhưng chào chúng tôi một cách thân mật:

— Chào hai anh nhỏ. Các anh coi gái làng tôi có đẹp không?

Họ tưởng như chúng tôi là những người lạ ở đầu tới. Một người đàn bà nhìn sát vào mắt tôi nùm chặt lấy tay tôi, cười rú lên:

— Trời ơi! là cậu Cọt! Thế mà già ghê là ai! « Này » mau quá, già không nhận được nữa!

Rồi cả bọn cùng xum lại nhìn sát mặt tôi như là một quái tượng.

— Hai anh nhỏ ra mà coi chợ.

Tôi cười cái lại :

— Đừng gọi chúng tôi là « nhỏ » nữa. Chúng tôi bây giờ học chữ tây rồi.

Một người hỏi lại :

— Thế chữ tây không có anh nhỏ, anh khóa à ? Đờ Tây Tàu có khác.

Rồi cả bọn... già ấy cười lên, tiếng cười tươi giòn, như tiếng cười của những cô gái, tươi lắm, mười sáu ! Họ vẫn không tha cho, nhìn chúng tôi một cách hỗn xược và nói to :

— Chết, ần chi mà « nậy » mau quá đỗi ! Ngày tôi gặp cậu, chỉ bằng tháng Ngụ nhà tôi ! nhỏ xíu xíu, Thế mà ! But ơi ! Chà mau « nậy » quá ! Thế đã mấy năm cậu không về làng hở ?

Thấy tôi không đáp, họ cùng nói với nhau :

— Dễ thường cũng đến ba năm rồi hỉ ?

Mượn nhìn tôi và có vẻ ngạc nhiên... Cái đoàn bà già ấy đã đi xa... Mượn vẫn trầm ngâm với một câu hỏi :

.. Làm sao ! đã ba năm rồi Doãn lại không về nhà ?

— Thật Doãn cũng không hiểu tại sao thế !

.. Chắc đi giận lắm hỉ ?

— Da Mẹ em giận em lắm...

Nghĩ một hồi lâu, Mượn mới hỏi lại :

— Thế đồ trước, Mượn có nghe nói Doãn yêu có cô... gì hỉ ?

— Cô Nguyệt ?

— Ờ phải ! cô Nguyệt !

— Chỉ là một lời đồn !

Mượn ngừng bước lại, quay mặt nhìn tôi và ngạc nhiên :

— Sao lại là một lời đồn ? Mượn không tài nào tin được.

Chúng tôi đi đã gần đến chợ làng mà không biết. Một buổi họp chợ dưới ánh nắng hè gay gắt, sao mà ghê sợ thế ! tôi tưởng như một cánh tay tập của một đám âm binh nào, và ở một thế giới huyền ảo. Đến nay thật tôi cũng không hiểu, mà có lẽ cũng tại tôi không chịu hỏi những người làng, vì sao làng tôi lại họp chợ đúng giờ Ngọ, cái giờ của những quý sú, cái giờ của những âm binh, cái giờ nặng nề, tội lỗi, mà tất cả con người phải co ro lại, phải xếp sự hoạt động của mình, phải uể oải, phải trờn biếng. Có lẽ biết đâu đó chỉ là một sự bắt buộc mà thôi ! vì đến 4, 5 làng cùng đổ về ăn chợ làng tôi, cho nên chợ cần phải nhóm sớm, để cho những người ăn chợ, xa mấy độ đường, lúc đi, lúc về cũng có thể kịp được.

Đến bây giờ tôi cũng còn nhớ những tiếng cười giòn của những người dân bà nhà quê trên con đường từ chợ về các thôn xóm, tiếng cười kéo dài trong cái im lặng gay gắt của ban trưa đã làm cho tôi có cái cảm giác như được xem một giải cử dễ mở dài cũng ở dưới ánh nắng im lặng, cái ánh nắng không lưu động, cái ánh nắng tẻ bệt của ban trưa, của cái giờ Ngọ, giờ của cõi Âm.

Những người nhà quê lẽ ra hẳn nộ biết bao, bây giờ trong tâm trí tôi trở nên những hình ảnh ghê sợ... Thím Neo... Á Dục... Mẹ Rô... Ờ nhỉ, làm sao những

người đàn bà nhà quê ấy không chết hân di trong kỷ ức của tôi, vào một buổi chiều thê thảm kia, cũng như mọi vật ở đời... Mà họ cũng chẳng đưa lại đến trong những giờ nào nhiệt của tôi, một ít bình lặng của thời xưa, đầy hương và đức.

— Thế mẹ Doãn muốn gì ?

— Thì nào Doãn có biết...

Mượn và tôi, chúng tôi hình như đi cạnh nhau như thế, đi trên con đường quen thuộc của những người đàn bà ấy... Có lúc hình như chúng tôi đã im lặng. Và sau một hồi im lặng lại một câu hỏi đột ngột làm cho chính hai chúng tôi bối rối, ngỡ ngàng.

— Hay là mẹ Doãn muốn Doãn lấy vợ chàng ?

— Thì sao bà ấy lại chẳng chịu nói ra...

— Các bà ấy, có bao giờ chịu nói ra

Thực ra, tôi đã nói với Mượn. Đã hai hay ba lần rồi, mẹ tôi đã nghe cho tôi cái ý ấy. Mà cảm giác đầu tiên của tôi là cảm giác của một tâm hồn, của một thế chất bất bình: tôi mới có 14 tuổi. Trời ơi! Làm sao tôi có thể thấu nhận cái tư tưởng hôn nhân giữa tuổi ấy mà không ngưng ngừng, mà không đau khổ? Tôi không rõ Mượn có là một phần nào trong sự ngàn trở ấy không. Chứ điều mà tôi cảm thấy một cách rõ ràng là lòng của tôi coi như đã phạm đến hôn trình bạch, khi nghĩ đến sự lấy vợ.

Nghĩ đến sự lấy vợ, chớ phải là mua chác vào tâm trí những tư tưởng nặng nề như xiềng xích; nghĩa là chặt đôi cánh vừa mới mọc trên cái tuổi hồn nhiên thơ dại... Nhưng mẹ tôi, cả nhà tôi không nghĩ thế. Điều cách này mới tai ác: mọi người đều tin một cách chắc chắn rằng: tôi với cô Nguyệt, con ông Đồ

lại ở huyện, đã có tình ý với nhau, và bây giờ nhà nói ra, là như cởi mở cho tấm lòng thắc mắc của đôi trẻ. Có ngờ đâu, tôi là một người rất ái ngại cho cái vui mau chóng của mẹ tôi, của cả nhà tôi. Cái hôm mẹ tôi sung sướng, hí hửng như một đứa trẻ con, tin cho tôi cái tin mừng ấy, là cái hôm tôi đau đớn, lo lắng vô cùng. Nhưng tôi cũng cố thản nhiên cười bảo mẹ tôi:

— Một cậu bé như con mà lấy vợ, con sợ có sớm không ?

Mẹ tôi cười:

— Gớm! Cậu tưởng cậu còn bé bỏng lắm da! Cậu không thấy anh Bích con bà Huyện Yên cùng bằng tuổi cậu, mà người ta đã sắp có con rồi đấy!

Tôi không cãi.

Có lẽ bây giờ, mẹ tôi cũng yên chí rằng, tôi không phản đối sự hôn nhân. Nhưng từ đó ấy, tôi xin thầy mẹ tôi lên tỉnh học: tôi bỏ trường Huyện. Và từ đây, tôi cũng thường không nghĩ đến việc hôn nhân nữa. Mẹ tôi, mấy bận lên tỉnh thăm tôi, lại hay nhắc đến. Một cô, thấy tôi lo lạo, mẹ tôi cũng không nói gì tới nữa.

Tôi tiến tới trước Mượn mấy bước, rồi quay lại cười bảo Mượn:

— Mượn bước lên, xem nào.

Mượn không hiểu gì, cũng cứ làm y lời tôi dặn. Tôi tâm tác nói một mình:

— Này con vật ở trong tấm hình bây giờ nó phép pháp và khỏe quá. Nó không còn yếu điệu như ngày xưa nữa.

Tôi vẫn mỉm cười bí mật. Mượn vẫn không hiểu gì. Nhưng thực ra, tôi không thể không tin được rằng:

Mượn, có lúc đã chiếm một địa vị quan hệ trong tâm linh tôi. Và sự hôn nhân của tôi thất bại, có lẽ một phần cũng tại người bạn tâm tình ấy.

Mẹ tôi ốm cả gần một tháng nay. Hai lần mẹ tôi gọi tôi về bên giường bệnh của bà. Chỉ lần thứ ba tôi mới về được. Thật tôi bất hiểu của tôi đối với bà không biết để dấu cho hết. Nguyên nhân làm cho mẹ tôi gọi tôi về gấp như thế, cũng giống cái nguyên nhân làm cho tôi chần chừ không dám đến gần mẹ tôi. Nhưng tôi có thể nhất với tôi, chứ thực lòng tôi không tạo khất với một người tâm nặng, nhất là người mà bao giờ tôi cũng chỉ có lòng thương mến. Tôi nhớ hôm tôi ở huyện về, thấy tôi, tự nhiên mẹ tôi khỏe lên, ngồi dậy nói chuyện với mọi người. Tôi cảm động về sự sung sướng của mẹ tôi quá. Chẳng hạn, tôi không còn sự can đảm để mà trái ý bà một cái gì. Chả hôm ấy, bà bảo tôi một điều gì, tôi cũng nghe cả. Nhưng mẹ tôi không hề «tội dụng» cho yêu sự của tôi sẽ mà «đánh» tôi. Trái lại, tôi đã biết khôn khéo cùng với cái nhịp sung sướng mà bắt ép mẹ tôi.

— Mẹ uống thuốc nhà. Để con quiet thêm chén thuốc nữa.

Mẹ tôi gật đầu, không hề phản đối mây may như mọi lần.

—Mẹ ăn cháo nhá! Để con bắc thang Vinh, nó nấu cho mẹ. Hay là mẹ uống súp, để con pha.

Mẹ tôi gật đầu một cách vui sướng. Tôi bảo thế, giá tôi bảo hơn nữa, mẹ tôi có lẽ cũng nghe theo. Hay là mẹ tôi có ý chiều tôi như thế, chiều tôi hết cả, để rồi bắt ép tôi một điều, chỉ một điều thôi, nhưng là một điều tối quan trọng.

Tôi chắc rằng bà nói ra trong lúc ấy, thì sẽ kiểu. Tôi sợ sự im lặng đè nén trên tâm hồn mẹ tôi, sợ sự đối diện nặng nề của mẹ tôi và tôi. Cho nên, bao giờ tôi cũng kiếm cách để cho trong phòng mẹ tôi, ngoài tôi ra cũng còn có một vài người nữa. Nhưng tôi quên làm sao được cái chiều hôm ấy, tôi vừa ngót một cơn giông. Khi trời tự nhiên mát ra, cảnh chiều hôm đưa lại một cơn gió lạnh bất ngờ. Mẹ tôi ho nhiều quá. Nhưng mẹ tôi cũng cứ sáng ngồi dậy. Mẹ tôi vẫy tay ngồi cạnh bà. Tôi rút ré ngồi ở mé giường, và bảo mẹ tôi:

— Mẹ nằm xuống, kẻo mệt.

Mẹ tôi như không để ý đến lời tôi nói:

— Đoan con dịch lại đây một tý, gần mẹ một tý. Tôi ngồi dịch lại, vẫn rụt rả, vẫn lo sợ. Tôi cảm giác trước rằng cái trận tuyết liệt đã đến giữa chúng tôi: mẹ tôi sẽ thừa cái dịp này, để bắt tôi phải bằng phục. Mà thật thế, tôi đã hạ khí giới trước khi ra trận. Mẹ tôi hít xong một hơi trà. Tôi quên không nói rằng: mẹ tôi hôm ấy, trái với lệ thường, bảo pha một ấm trà lên tử cho thật đặc. Mẹ tôi uống luôn miệng, khiến cho tôi phải sinh nghi.

Trong lúc ấy, một ngọn gió lạnh đến tận giường mẹ tôi. Tôi rầy thảng Vinh:

— Đồ khôn ngoan! Chứ khép cửa mà mẹ cũng không lên thân.

Mẹ tôi mỉm cười :

— Con đừng máng nó tội nghiệp. Chính mẹ bảo nó để mở hé hé như thế cho có ánh sáng.

— Nhưng dầu thế nào, thì mẹ cũng phải nằm xuống đá. Mẹ cần phải « duỡng » lắm.

— Không, con đừng ngại, hôm nay mẹ thấy trong mình khỏe lắm.

Tôi không tin, vẫn khăng khăng bảo mẹ tôi :

— Mẹ hãy cún yếu, mẹ hãy nằm xuống rồi mẹ muốn nói gì hãy nói.

Mẹ tôi mỉm cười :

— Thế con muốn mẹ nói cái gì ?

Nghĩ một lát, mẹ tôi nói tiếp :

— Mẹ chẳng muốn gì cả !

Tôi nhìn mẹ, tôi ngạc nhiên và cảm động, mẹ tôi vẫn bình tĩnh, vẫn thản nhiên nói tiếp :

— Hôm ni, thực lòng mẹ chẳng nói gì với con hết.

Hình như mẹ đã nói nhiều rồi.

Mẹ tôi xoa đầu tôi, và lại nói bằng một giọng ngọt ngào, êm ái :

— Ý muốn của mẹ bây giờ là chỉ mong sao con học cho giỏi, và đỡ nhanh như anh con là mẹ mừng. Mẹ chỉ cầu nguyện có thế. Còn như việc hôn nhân của con, thì mẹ đã nghĩ kỹ, bây giờ mẹ không muốn giúp con hay ép con nữa. Mẹ bây giờ đã đổi ý hướng. Mẹ chỉ muốn con học giỏi và nổi danh chỉ thầy con, anh con... lòng mẹ chỉ ước có thế.

Mẹ tôi nói câu này bằng một giọng chân thật và quả quyết quá, khiến tôi lại càng tin rằng : mẹ tôi

đã đổi ý rồi chăng!.. Tôi chưa kịp tỏ sự vui mừng, thì ở ngoài đã nghe có tiếng ngựa hí.

Mẹ tôi nằm xuống giường, và hỏi tôi (tôi).

— Thầy con đã về đấy.

Tôi chạy ra, thì thầy tôi cũng vào bước vào.

Sau lưng thầy tôi là ông Hương Ráo, một ông lang có tiếng nhất ở vùng tôi.

Thầy tôi hỏi tôi :

— Mẹ con bây giờ thế nào ?

— Bẩm mẹ con đã khá.

Nhưng tôi cũng theo thầy tôi và ông lang trở về giường. Tôi cố ngủ đầu giường lại như thế : mẹ tôi mặt ai mệt nỡ sưng sượng.

Thầy tôi hỏi gì, mẹ tôi cũng không đáp... hai mớ chỉ nắp máy...

Ông lang chân mạch xong... Thầy tôi và tôi, tôi ai tìm tôi hộp quá, cứ nhìn thẳng vào mắt ông lang như ở về van lơn hay cầu nguyện.

Nhưng ông lang da kéo thầy tôi ra khỏi buồng, và nói một cách thất vọng :

— Có lẽ bà « về » mất.

Tôi rụng rời tay chân. Thầy tôi vẫn bình tĩnh trở về buồng : Mẹ tôi còn mở mắt nhìn thầy tôi và nhìn tôi, chỉ hỏi được một câu :

— Tháng cũ đã về chưa ông ?

Rồi hai tay mẹ tôi buông dề... Trời ôi ! Tôi cố nghĩ lâu, mẹ tôi đã dành lừa tôi, tôi biết, chính việc hôn nhân của tôi đã làm cho cái chết của mẹ tôi đến một cách gấp vội thế.

Tôi không thể chép cuốn truyện này mà không thuật những phút cuối cùng của một cuộc đời cần cù, lam lũ, chỉ biết hy sinh, hy sinh bao nhiêu sức khỏe, bao nhiêu tâm tư cho hạnh phúc của những người khác. Những người khác đó, thân thì là chồng con, anh em nhà chồng, sơ thì họ hàng và xóm giềng. Cái sống của mẹ tôi là một mùi hương theo gió mà lan rộng ra mãi, vì thế, cái chết của mẹ tôi là một mối tiếc thương cho những họ hàng quen biết.

Mẹ tôi về với thầy tôi đã hơn mười lăm năm. Sự kiện cần, sự ngăn nấp, cùng theo mẹ tôi, về trong gia đình thầy tôi. Mẹ tôi là một bà quan, nhưng thực ra không có gì là một bà quan cả. Quanh năm, ở cạnh bà, không có một người lính hầu. Ngày thầy tôi còn ở huyện Đông Tuyên Hóa, cũng chỉ có hai lần, mẹ tôi theo thầy tôi mà thôi. Mỗi lần, mẹ tôi chỉ ở với thầy tôi độ 3, 4 tháng. Mùa gặt về, mẹ tôi thế nào cũng phải tạm biệt thầy tôi mà về quê. Ở quê tôi, mẹ tôi đã dựng nên một « gia gia sơn » cho chồng, làm cho tất cả người trong làng hay người « hàng xóm » nhắc tới như là một chuyện đời xưa, lưu truyền lại để làm gương cho thiên hạ.

Sinh ở nơi dân già, mẹ tôi, về nhà họ Trương, mà vẫn giữ cái cốt cách của dân già. Tôi còn nhớ như mới hôm qua, cái người đàn bà có kỳ-ây mỗi lần đi chợ về, vất cái nón thương quai thao xuống đất, đặt cái thùng nạng ở nách xuống, nhổ bãi triều, và nhón một nụ cười rộng và bao dung biết chừng nào! Về một nhọc không làm mất được cái nét hiền từ không thay đổi của một người mẹ, một người đàn bà Việt Nam. Bà ung dung ngồi sắp những thức ăn ở thùng ra trên một cái met.

Tôi bá cổ mẹ tôi, một đứa em ngồi lên bà mẹ tôi, một đứa em nữa, moi những trái thị vô tình hay hữu ý trốn chúng tôi ở dưới một mớ rau. Mẹ tôi đưa tay giữ chặt lấy tay em tôi và cố không tỏ vẻ giận dữ:

— Này, Việt. Của cúng đây, đừng đụng tới, không nên. Mai cúng xong, thôi tha hồ.

Em tôi vẫn cố giằng lấy một trái thị nhỏ nhất, và vãi lại mẹ tôi:

— Cho con trái nhỏ xíu này. Con cầm mà ngủi. Con không ăn mỡ.

Mẹ tôi cố tìm một cái lẽ để thứ lỗi cho em tôi:

— Mẹ cho con cầm mà chơi, nhưng con không được đưa lên mũi nhá! Ngủi, cũng không nên.

Em bé tôi cầm một trái chay. Em gái tôi và tôi, cũng cố moi đứa cướp lấy mỗi quả:

— Mẹ ơi! Chúng con cũng chỉ ngủi thôi! Chúng con không ăn mỡ.

Mẹ tôi vẫn hoảng lên, cố tìm kế để đánh lừa chúng tôi:

— Này! Chúng mày! Tao quên phát cho chúng mày « lá móng tay », Cột đầu, Song đầu, Lạc đầu, Quỷnh đầu, Đứa nào ra mà lén phần đứa này.

Hai em tôi và cả tôi nữa vội vàng trả những quả thị lại cho mẹ tôi, và cũng mấy anh tôi ra lãnh phần những « lá móng tay ».

Hai em tôi ngo ngác, không hiểu gì. Tôi nhớ mang máng rằng: hình như một năm trước mẹ tôi cũng có một lần phát những « lá móng tay » như thế.

Quên hẳn những quả thị, bấy giờ tám hôn tôi hoàn toàn sống lại những màu kỷ niệm thấp thoáng vừa hiện ra rồi lại lẩn ngay.

Giật mình, tôi hỏi anh Lạc tôi :

— Mai, ăn mừng năm phải không anh Lạc ?

Lạc đáp :

— Ủi thàng này đến lần thân ! Không ăn mừng năm, thì làm chi me lại đi chợ, mua nhiều trái thố, mà lại còn mua cả lá mồng tơi thố nữa ?

Anh Song tôi ra dáng hiền nhiều, và « hiền-sách » lắm, nói với cả chúng tôi bấy giờ quây quần bên anh tôi :

— « Tết mồng năm », tên chố là Tết Đoan Ngọ... ngày xưa ông Khuất Nguyễn...

Bấy giờ anh Song tôi vào khoảng 16 tuổi nhưng thầy tôi vẫn không chịu « rút » anh tôi cho học chữ tây, vẫn cứ gửi ở một ông đồ trong làng, ông đồ này đối với thầy tôi, là chố đồng bêu. Anh tôi, vì thố như lạc hẳn vào giữa bọn chúng tôi, là một bọn đã có trường làng, sớm đến tối, gào thốt như con vịt : « cafe là cà phê, le pain là bánh tây ». Anh tôi, bị chúng tôi đưa ra làm một trò để chố giễu. Quỳnh là đứa bé con hồn xược nhất trong bọn :

— Triều phồ mà chong vong, Triều phồ mà chong vong cái ông Khuất Nguyễn nhà anh !

Cả bọn cũng lập lại như thố để chố giễu anh tôi. Bấy giờ và đến nay, tôi cố tìm cũng không hiểu nghĩa mấy chữ ấy. Đến nay, mấy chữ ấy đã mất tích hẳn trong tiếng nói của người làng tôi. Nhưng thật quá, tôi nhớ chính là hồi bấy giờ, mấy chữ « triều phồ mà chong vong » rất thông dụng trong tiếng nói của người nhà quê, nhất là của bầy trẻ. Danh từ ấy tôi biết là cốt để chố giễu một cái gì ngược trái lại với sự thông thường.

Anh Lạc tôi, đổ mặt lên như củ gấc, toan cãi lại, thì một tiếng sạt ở sau lưng làm tắt cả chúng tôi giật mình quay lại : Con Mên, người đầy tớ gái của nhà tôi vừa đặt một bó lá xướng phản và nói với mẹ tôi :

— Thưa bà, hôm nọ, con thấy có chú Thạc, ông phó Ngưỡng, ông xã Nghếch ở Lào về mỗi người một gánh kén năng. Chú Thạc nghe đồn về được bờ năm trăm, ông phó Ngưỡng bờ một nghìn nhưng phải thỉnh cả bản đèn về nhà... Giang san sự nghiệp rồi cũng đến chui vào lọ cả. Hút thì rồi cũng đến xách, bà hi... Mấy ai ?

— Thế còn bác xã Nghếch.

— Bác xã Nghếch, thì một bờ lưng kén, còn một bờ nữa thì...

Nó phá ra cười, như một cái máy không thể hãm được nữa. Mẹ tôi phải mắng nó :

— Vô duyên chưa nói đã cười ! Khéo ! Việc chi mà rồ lên thố ! Nói đi đã, rồi lại cười nào !

Đưa tay vượt ngực, nó cố trấn tĩnh và đáp lại mẹ tôi :

— Thưa bà, còn trong một bờ nữa, thì bác Xã, bác ay nhét đầy cả...

Nó lại cười rồ lên

Mẹ tôi lại phải mắng nó :

— Đồ đầu mà trác nểi quá đỗi.

— Thưa bà, còn một bờ nữa, thì bác nhét đầy cả những lá mồng năm.

Rồi nó chỉ bó lá ở trên phản và nói tiếp :

— Đố, cái thứ lá quý hóa ấy đó ; bác nói bác lấy từ năm ngoái, đúng giờ ngọ, và lấy ở rừng « Pout-

Mãng»... Rừng «Pout-Mãng», một rừng mọi, theo chú nói, thì thiêng lắm, bà nõ! Thiếu một đường, con phải lay lue bác Xá, bác Ấy mới cho được một năm ở. Chừng ấy, cũng «khâm» chán bà hỉ?

Mẹ tôi, mỉm cười, nói với con nụ:

— Nhờ Trời Phật! Nếu quả thật hay, thì chừng ấy, cũng đã dùng hết cả một đời.

Hồi bỗng nhiên, mẹ tôi ngồi thẩn ra mà không nói gì. Tôi lại sấn đến mẹ tôi và thủ thủ hỏi mẹ:

— Tét Đoan Ngọ sao thầy con không về mẹ?

— Thầy còn mắc đi hành hạt với cụ sứ. Trong huyện sắp mở thêm mấy cái trường mới.

Mẹ tôi nói với tôi như nói với một người lớn, đầu lấy giờ tôi chỉ là một đứa bé lên bảy. Tôi nhèn thấy trong lời nói của mẹ tôi, một nỗi buồn u ẩn.

Trong lúc ấy, Việt em tôi đã «thật» xong trái thị, và cắt cái vỏ thành hình ngôi sao dán lên tường. Mẹ tôi chưng hững:

— Con thế thì thôi! Đồ, chưa cúng mà đã đưa ra phá, phải tội chết.

Nhưng tôi không thấy một nét giận dữ ở trên khuôn mặt mẹ tôi. Đôi mắt mẹ tôi vẫn hiền lành như bao giờ, nhìn tôi và Âu yếm.

— Tối nay, thì con phải ngủ sớm, mai móng tay mới thắm.

Tôi chưa hiểu hết cái câu nói của mẹ tôi, nhưng tôi cũng không hỏi lại, phép phông, cấm động đậy cái thuật phép lạ lừng. Nhưng thuật phép có gì đâu! Tối đến, ăn cơm xong, mẹ tôi, chị tôi, các bà già, gọi chúng tôi ra, nhá những «lá móng tay» của chúng tôi, rồi «rịt»

vào ngón tay cho chúng tôi. Buộc vào cho tôi xong, mẹ tôi dẫn tôi, đến nay tôi cũng không quên được cái câu nói «để thương» làm sao!

— Con cố đừng cựa nhá! Đầu nào trái móng tay không đổ, là không được về ông Ngoại ăn Tết đấy.

Nhưng phần riêng tôi, sáng hôm sau, những móng tay, trừ móng tay út, đều bị «chảy» đi, và không được thắm đều; trong khi ấy, những em tôi có những móng tay đỏ tươi như huyết.

Sáng tung bùng, tôi xỏ hai bàn tay cho mẹ tôi và hỏi:

— Của con có tốt không mẹ?

Mẹ tôi cười, và không tỏ dấu trách móc:

— Của con tôi nhất tẹn! Hôm qua em con tựa nhiều quá.

Lê ra, tôi phải bị «phạt», nhưng ngày hôm sau tôi vẫn được theo mẹ tôi về quê ngoại. Ngồi trên chiếc cang xanh với mẹ tôi, tôi chuen làm sao được đôi mắt trong xanh của mẹ tôi, với cái nhìn hiền lành âu yếm! Nhưng than ôi! đôi mắt ấy, con tìm đâu cho thấy nữa. Mẹ tôi đã bỏ tôi mà đi, đi nõ cảnh đoạn bỏ cuộc đời mà đi. Nghĩ đến cái tết đoan ngo đầu tiên ấy của đời tôi, tôi lại càng thêm chua xót: cái lòng thương nhớ mẹ tôi thật mạnh mẽ ràng rạt như gió chiều ở biển khơi.

Ngồi co ro một xó, tôi cố ngừng lên như một lần chót cái mặt hiền hòa ấy, nhưng cái sắc mặt đã xanh như tàu lá; tôi không thể tìm trên cái nét tau phà một vẻ hiền hậu ngày xưa.

Bảy giờ đi tôi đã tám giờ xong cho mẹ tôi. Và người ta đã bắt đầu khâm liệm mẹ tôi. Trời ôi! Tôi quên làm

sao được vòng khăn nhiễu tam giang, cái quần áo cổ y, và đôi vòng bạc... mà người ta vừa đeo khoắc vào cho cái xác chết ấy! Cái áo cổ y ấy, cái khăn nhiễu tam giang ấy, đó là những đồ mà ông mẹ ngoại tôi đã sắm cho mẹ tôi... Mẹ tôi có lẽ chỉ mặc một bận khi về nhà chồng, và than ôi! một bận nữa là khi về... cõi đất. Mất tôi quên làm sao được cái khăn nhiễu ấy, và màu áo ấy, mỗi khi cố con nấng mới, mẹ tôi đưa ra phơi trước giậu.

Thoạt trông thấy mẹ tôi trong cái bộ áo liệm ấy, thì sự cảm động và thương xót của tôi lại tăng lên gấp bội. Một cảm giác vừa thoáng qua trong tâm trí tôi: tôi thấy như mẹ tôi không thể chết được. Tôi tưởng như còn diễn lại trước mắt tôi một cảnh tượng hàng ngày: giữa những hôm mưa lạnh, ẩm ướt, hồng rớt vào một ngày nắng ráo, mẹ tôi thường mở buồng ra, lấy cái bộ áo vàng, chính cái bộ áo cổ y ấy để đưa ra phơi ở trên một hàng giậu.

Trong trí tôi lúc bấy giờ, cái màu cổ y tím sẫm gọi cho tôi một sự tương tự: cái màu sắc đậm thẫm, đen sẫm của cả một đời người đàn bà không kiểu hành, không ham muốn.

Nhưng khi tôi quay lại, thì giới ôi! Người ta đã liệm xong cho mẹ tôi và bây giờ mẹ tôi chỉ còn là một cái xác chết, bó chặt lại trong vải trắng và trên mặt áp một tờ giấy vàng.

Lòng tôi quặn quại: tôi không ngờ trong một phút, tôi cách xa mẹ tôi đến thế. Tôi kêu gào lên như kẻ điên. Tôi không ngờ, sự đau thương có thể làm cho người ta điên cuồng được.

Mẹ tôi ngày nay đã không còn nữa. Nhưng còn lại biết bao là chuyện xung quanh cái chết của mẹ tôi.

Những chuyện ấy sống mãi trong ký ức tôi, có lẽ cho gần cái ngày cuối cùng của tôi ở trên cõi thế. Cái sự sống chết của người đời, nếu có đôi chút thú vị là tại luôn luôn bao phủ trong một màu bí mật, lâu lâu chỉ bị chọc thủng một đôi chút ánh sáng, yếu ớt quá không đủ chỉ dẫn cho ta một điều gì.

Tôi còn nhớ, lúc mẹ tôi thụ bệnh, thì tự nhiên ở đâu bay về một con ong tưởng, đậu ngay ở cây khế trước ngõ nhà, và rồi chỉ mấy giờ sau, là những ong quân ở đâu tìm đến và đậu choán cả một cành cây. Một tổ ong mật đã bắt đầu gây dựng ở trước ngõ nhà. Thấy tôi nhất là mấy di tôi, không dấu được vẻ lo sợ. Từ đó, hôm nào người ta cũng ruộc thầy phù thủy về cúng. Và mấy lần anh Hương, một người anh họ của tôi, bịt mặt lại, cầm một bó «glang» to treo lên cây để «xông khói» tổ ong mới. Nhưng mà vô hiệu, những con ong chỉ bay lán loạn trong một lúc, rồi chờ khi anh tôi xuống, khói đã tàn rồi, thì đảo lại vào đấy: những ong quân vẫn theo tướng của chúng, nó trở về đậu ở chỗ cũ.

Thầy tôi nói với chị tôi: đã ba mươi năm thầy mới lại thấy thứ ong «bò vẹ» ấy trở về đóng ở ngõ nhà như thế. Lần trước, nó cũng về đóng thế, thì quả hôm sau...»

Thầy tôi không nói hết, nhưng chị tôi cũng hiểu ngầm. Khắp cả nhà đều có vẻ lo ngại, duy có tôi là chẳng biết gì. Cả mẹ tôi, cũng vậy...

Bây ong đã đóng được ba hôm ở trước ngõ nhà tôi. Hình như chỉ cách hôm sau, thì bây ong bay đi, thì mẹ tôi cũng đi. Cái việc bây ong ấy, đã để lại trong tâm linh tôi, những ấn tượng rất mạnh. Khiến cho tôi bao giờ cũng nghĩ rằng: trong đời tôi đã được nom thấy một bây ong, vàng, một bây ong giang hồ, hết chỗ này bay

qua chỗ kia, mang nhưng cái tin sâu thẳm lại cho người này hoặc người nọ. Nghĩ đến bấy ông ấy tôi tưởng như có một tai biến lần bực từ một đi vắng xa xôi đến, kẹp chặt lấy tâm hồn tôi.

Sau cái chết của mẹ tôi được 50 ngày, thì những cây trầu leo ở tường, mà chính mẹ tôi lúc sinh thời đã vun bón, những cây trầu xanh tươi ấy cũng héo dần, theo một cách trông thấy trước mắt mọi người. Tôi còn nhớ như mọi hôm qua, hình như là vào một ngày nắng mới, những đường nhà quê đã rạo rỡ: Bà Mực, người hàng xóm của mẹ tôi, qua thăm nhà tôi; ấy là lần thứ nhất từ khi mẹ tôi chết. Bà hàng xóm ấy qua thăm vườn nhà tôi, tôi thấy bà len lỏi giữa những con đường nhỏ mà trơn lầy, và cố khi phải cúi mình sát vật để tránh những cành đũa hay cành mận chia ngang qua đường. Tôi trông cái tuổi già ấy phải «gấp đôi» lại mà tôi thương hại vô cùng. Bà vẫn len lỏi, cúi lòn, lâu lâu đưa vật áo lên để lau những hạt sương trên trán. Bà vẫn cứ cố, hình như bà muốn tìm lại giữa những cây cối thân yêu ấy, một kỷ niệm gì ngày xưa, một kỷ niệm cuối cùng, cũng chực trốn thoát mình... Bỗng bà đứng lại, và tôi thấy rõ dưới ánh chiếu vàng, người đàn bà tuổi tác ấy đưa vật áo lên, và không phải để lau những hạt sương rơi xuống trên khăn mà là để lau những hạt lệ đọng ở dưới mí mắt. Tôi hiểu một cách dễ dàng cái sự cảm động của người đàn bà ấy giữa cái vườn cây là cái sự nghiệp của người đàn bà ấy giữa cái vườn cây là một bà quan, bà Mực chỉ là vợ một người dân bình thường.

Khung nhà xóm giềng mảnh non tinh thần gửi cấp. Hai cái khoảnh vườn gần nhau và những cánh cây ở hai vườn đã giao cắt nhau, kết liền nhau. Đã có lúc mẹ tôi, trong khi xem vườn, gọi người hàng xóm mà

biểu một quả cau đầu mùa, hay một lá trầu son. Hai người ấy đã từng, người ở bên này kể ở bên kia vườn, đã từng gọi nhau như hai người cùng một danh phận, để nói chuyện với nhau về một giống rau mới trồng, hay một cái chòm nhãn mới lên... Trong lúc ấy, chòm bà hàng xóm, đi buôn bán ở một làng hẻo lánh ở Thakhek hay Pakse. Và thầy tôi, cũng ở một huyện xa, giữ những cơ trống rên rắng, cỡi trên mình ngựa đi khánh thành một cái ấp mới.

Đến nay, khi chép lại cuốn truyện này mới hơn mười năm thôi, mà sự đời xung quanh tôi đã thay đổi nhiều lắm. Tôi thương tiếc biết bao, khi tôi nghĩ đến cái việc ngày nay trên đất nước tôi, đã không còn những người đàn bà cũ kỹ, hiền lành như rau sọ «cổ y», những người đàn bà lãng lẽ mà thắm thắm gần đất gần trời, sống giữa những cây cối thân yêu, hồn của đất nước! Tôi vẫn đau đớn vẫn cảm giận khi nghĩ đến cái lớp đàn bà lẻo lét kia đã dẫm hiều hiều thay thế cái lớp người đàn bà cũ kỹ ấy, những người đàn bà thủy mi với những bộ váy áo nhảm nhí. Những người đàn bà ngày nay đã dễ dàng trắng, và vì thế, họ có bao giờ như những người đàn bà đời xưa dầu là một bà quan, cũng cảm lấy cái chết để vun bón một cây trầu non, hay một cây cau mới ở vườn... Họ có bao giờ còn công niu những cây cối nữa, và như thế, họ sống xa đất cát biết bao... Nhưng tôi biết nói thế nào, khi người ta gọi đó là sự tiến bộ?

Mà cả tâm hồn tôi ngày nay cũng như một cái gì rất an rập với thời thường, những sự khác biệt của tôi cũng cần như là những đồ sành sứ.

Nhưng có một lúc, thật tôi sẽ được chứng kiến những sự này nở của những tâm hồn giản dị mà chân thực

biết bao! Và, có lúc tôi cũng bị lôi cuốn giữa cái «đang đời» lừ đừ và «tha thiết» ấy. Làm sao tôi quên được cái buổi chiều nhàn rãi mà mây đen bay gần mặt đất, lượn đây trước ngõ tre, một buổi chiều để mời mọc người ta đến những chốn âm u, buồn lạnh. Di tôi cho gọi bà «bóng rong» vào để phụ hồn mẹ tôi. Hôm ấy, những người đàn ông ở trong nhà đều đi vắng; quây quần bên bà «bóng» chỉ có những người đàn bà... Sau một hồi kêu phụ, bà bóng bắt đầu «lên»...

Di tôi hỏi:

Thế hồn có nhớ ngày hồn đi, ai liệm cho hồn không?

Hồn đáp bằng thơ:

*Di Sấm với lai di Hoàn,*

*Người chít khăn nhiễu, người choàng cổ y...*

— Thế hồn ra đi có giận hồn ai không? Có thương nhớ ai không?

Hồn:

*Từ khi hồn xuống âm ty...*

*Ngày ran nổi nhớ, đêm chia mối sầu.*

*Trách riêng con tao cơ cấu,*

*Tơ duyên ngắn ngủi, nhịp cầu cắt ngang...*

*Miền chông cho được giàu sang...*

*Con hồn ăn học, giữ giường mối xua...*

Đây những câu hỏi và những câu đáp đại để là như thế. Nhưng những câu đáp ấy đã làm cho tất cả nhà tôi, khóc thút thút. Làm sao tâm hồn tôi có thể ngờ rằng đó chỉ là một sự bịa đặt, giả dối. Và cái ngày mà tôi biết rằng: cái chết là sự hết hoàn toàn, thì có lẽ thật đó là một điều đau khổ không lường cho cái đời tình cảm của tôi. Nhưng cũng may, trong cuốn truyện này,

tôi cũng không còn phải nói đến chết một lần nữa... Một mặt giới mới, chiếu vào đời tôi từ nay, là ra, tôi cũng nguyện ước như thế.

Mẹ tôi mất đi gần ba tháng, tôi mới lại tỏ biệt lằng vào tỉnh học. Tôi không hiểu sao bấy giờ, xin nghỉ được lâu thế mà ông đốc không nói gì. Ba tháng ở cạnh cái chết của mẹ tôi cũng có vẻ nghiêm trọng, lâu dài như «ba năm» cư ngụ của một ông quan có hiểu. Tôi chỉ nhớ rõ một điều: bấy giờ tôi vừa hơn 15 tuổi. Và tôi đã học lớp nhất trường tiểu học, với cái tuổi ấy, và với cái tình đời ấy của sự học, kể cũng là một điều hiếm thấy trong thời bấy giờ. Mẹ tôi khi còn sống và các dì tôi thường ngợi khen tôi không ngớt: đi Học thì thưởng cho tôi một cái áo lụa «Cương Hà», còn đi Sấm tôi cho tôi một cái áo «đíp» xanh. Thấy tôi lẽ ra cũng phải sung sướng về kiểu hãnh về sự học của tôi, nhưng đây tôi vẫn duy tôi theo một phép tắc rất nghiêm khắc cũng như khi dạy các anh tôi hay chỉ tôi. Với những người con gái thì ông hay đưa chuyện «đi qua» tôi khi còn sống và làm dâu nhà họ Đặng, mà kể lại cho nghe. Thấy tôi thường nói: «Đi qua»<sup>1</sup> các con này của làm dâu thật cay đắng không thể nói hết, gặp phải một bà già đầu ngoa, độc ác vô cùng đối với con dâu nhà không mấy khi là không dùng đến lời mắng nhiếc chửi bới, có khi dùng đến roi vọt nữa. Thế mà «đi qua» chúng con, mỗi khi về nhà nghe mẹ<sup>2</sup> nói các con hỏi: «bà già con đối với con có tử tế không?», thì «đi qua» con chỉ vui vẻ đáp như không có xảy ra việc gì: «Thưa mẹ, mẹ con bên nhà, đối với con quý hơn cả chúng!».

1. Tiếng qua là để chỉ một kẻ đi qua đời.

2. Tiếng mẹ ở vùng tôi nghĩa là bà.

Cái gương nhân nhục ấy vô lý biết bao, bất công biết bao, nhưng thầy tôi cũng nhét vào tâm trí các chị tôi tưởng như là nhét một món ăn rất hiền lành. Còn đối với bọn con trai chúng tôi, thầy tôi, cũng dạy những điều tương tự lấy ở trong cuộc đời của những người đã qua, «chú qua», «bác qua», v.v... và nhiều khi cũng lấy ở trong sách vở thánh hiền nữa. Đại để, ý thầy tôi là muốn đào luyện chúng tôi thành những kẻ phục tùng cúi đầu mà chịu, cam tâm mà chịu, đau khổ mà chịu. Cũng may, cái điều xấu đến đâu cũng có một điểm tốt. Cái giáo huấn ấy đã tập quen chúng tôi với sự đau đớn gian nan, nghèo khổ. Nhưng mà nhiều khi thật quá đáng! Với cái chết của mẹ tôi, đó là cái chết của tất cả cái gì êm ái ngọt ngào nhất ở trong đời chúng tôi. Từ đây tôi phải cứng rắn, mạnh dạn như cái cành kia sắp phải rời cây mẹ, để tự mình chôn chặt vào đất, tự tìm lấy khí lực. Cái tình «phụ tử» chỉ là một sự nẩy nở theo lý trí. Cái tình ấy lẽ ra không nên gọi là «tình» nữa. Vì «tình» tức là cái gì người ta kéo vào mình, bao trùm lấy, ôm giữ lấy, cái gì cột chặt lại. Mà «lý» là cái gì người ta «buông ruỗi» ra, xô dầy ra. Chỉ nói về phương diện tinh thần, ở xã hội Việt Nam, người con trai ở tuổi tôi đã coi như là một cành cây phải lìa cây mẹ. Người ta cần cứng rắn với nó; để nó có thể cứng rắn với đời.

Mẹ tôi mất được một tháng, thì thầy tôi cũng vào lúc về hưu trở về làng cũ, coi vườn, dạy con. Cái khoảnh đời ấy thầy tôi thương vì một cách nôm na với «cái đôi gà sống nuôi con» — từ cái chỗ quan chiêm đẹp để bây giờ nhẩy vào một khuôn vòng chật hẹp, cái khuôn vòng một người nội trợ. Và với cái cuộc đời ấy, tất cả những cái khó chịu hàng ngày, những cái vụn vặt bận bịu làm cho người ta phải bức tức... Nhưng

dầu sao, tôi cũng không thể dung thứ cho cái lấm lũng sắt đá của thầy tôi, khi ông gọi tôi lên dặn tôi mấy câu khuyên răn theo lệ thường, trước lúc tôi lên đường vào tỉnh. Muốn nghĩa lời thánh hiền cũng không làm cho tôi khó chịu bằng cái cử chỉ mà tôi phải nói là tàn nhẫn, của thầy tôi. Các bạn có biết ông thân sinh tôi đã nói với tôi những gì và giáo cho tôi bao nhiêu lễ làm tiền lộ phí từ làng Lúa Đình? «Đây con cầm lấy hai hào này để làm tiền ăn dọc đường». Tôi nhìn người ra trước lời nghiêm huấn. Tôi không thể ngờ lòng thương con của thầy tôi nhưng cái nghĩa làm sao được cái cử chỉ ấy của một người cha đối với một người con, khi tiền cái ông con lên một con đường hơn 50 cây số, mà 100 cả lộ phí chỉ có hai hào. Người ta có muốn dạy con sự cực khổ nhưng mà sự cực khổ ấy cũng phải có hạn. Thầy tôi, tốt nghiệp cũng có thể lĩnh cái lộ đường cho tôi, vì ngày xưa đã từng đi thì đi rồi, thì cũng đã biết mấy lần đi con đường của tôi rồi, 50 cây số... Hai con sông! Một cái đèo! rồi lại mấy chục cái đèo! Mà điều này, thầy tôi lại càng không được quên, tôi là một người học trò chữ Tây, và tôi lại là một cậu con quan! Lúc nhỏ, tôi đã từng đi cống xanh, cái thứ cống nếu không phải là con nhà dòng đời thì đã thường đã đi được. Mà nào phải chỉ có đã đường chưa chết. Sau 50 cây số, là những đêm dài dằng dặc kế tiếp nhau những đêm ăn tập bài vở vì bấy giờ tôi chỉ còn vấn vơ một tháng nữa thì tôi bằng tiền học. Thầy tôi hẳn phải biết cho tôi nữa thôi, nhưng có bao giờ ông bố muốn rằng con cái tôi thì sao? Vì vậy, lúc cầm lấy hai hào bạc, tôi có nói với thầy tôi, thưa thầy, thưa thầy, tôi đã rượu rượu lại chết lộ. Cũng may, hôm ấy hàng gì với tôi lại có tháng chưa tới nữa. Có lẽ ra đi, nó cũng bị một cuộc tiền đưa chưa chết như tôi, cho nên nó cũng nhận

lời đi bộ với tôi một cách vui vẻ lạ thường. Tôi còn thấy lại một cách rõ ràng trong tâm cảnh tôi, cái hình ảnh của hai anh chàng loát choát, len trên những ngô tre làng nhỏ hẹp, bèn lẩy dờ đi ra con đường cái. Tôi mang ở trên vai một cái khăn gói, ở trong ấy là tất cả giang sơn sự nghiệp, tất cả cái đời học sinh của tôi... Mặt trời vừa mới mọc. Nhưng mặt trời cũng không cười... Mặt lòng tôi cũng không cười, cả hai chúng tôi cũng không hát, tuổi trẻ ở trong chúng tôi thật quả đã chết từ ngày hôm ấy. Tôi buồn nao nao, Quỳnh — đứa cháu tôi cũng như lẩy cái buồn của tôi. Lần thứ nhất, tôi cảm thấy mẹ tôi chết hẳn trong lòng tôi. Cũng chết đi bao nhiêu những hình dáng hiền lành của thời thơ ấu. « Chiếc cồng xanh » mà tôi lấy làm đề cho tập bút ký này — cái chiếc cồng xanh ấy từ lâu là đề móc ở trên rằm, võng thì bị chuột cắn thủng đi, cái diêm cũng bị bỏ nát. Và trên con đường từ làng ngoại, cũng không còn bao giờ có lại những cuộc du lịch hàng năm, những cuộc du lịch đầy thành kính và đầy thi vị. Cũng tại mẹ tôi đã chết — mà cũng tại một cuộc đời rất thái tây, rất văn minh đã đến ở trước ngõ người Việt Nam... Từ làng nội đến làng ngoại tôi, sau này người ta đã vẽ một con đường mới, dành cướp của trường nói tôi cả cái bí mật của nó. Sau này, tôi có mấy lần đi thăm làng ngoại tôi, thì than ôi! tôi chỉ đi bằng ở tở của anh tôi... Con đường ấy bây giờ chỉ dài có 15 phút đồng hồ... Tôi còn biết nói thế nào được? Vì sự nhơnh chóng ấy, người ta gọi là sự tiến bộ kia mà!

Nhưng mà tôi phải trở lại với cái cuộc du hành của hai đứa trẻ lúc bấy giờ. Tôi còn nhớ khi đi khỏi làng và lúc đến địa phận làng bên cạnh, thì một việc hơi vui vui

đã xảy ra. Lát nữa con gái nhà quê mặt trông cũng sạch sẽ ngồi cắt cỏ ở vệ đường, nó ngừng hát, và nói với tôi:

— Kìa anh khóa! Anh khóa đi mô rứa! cho em theo với nào! Để khăn gói em mang cho!

Thật tình, tôi chỉ thấy ở trong lời nói có một vẻ đùa gợi hiền lành. Tôi đáp:

— Đi thi đi...! lại đây mà đi với anh.

Có ngờ đầu người con gái nhà quê ấy bỏ cắt, chạy theo chúng tôi thật, và nhất định đòi mang cho được khăn gói của tôi mới nghe. Tôi cũng chiều nằng. Nhưng bây giờ là cô con gái đi trước. Và tôi rảo bước theo mà cũng không kịp. Đến nỗi tôi phải van xin, cô cũng không chịu buông tha cho. Chốc chốc, cô chỉ ngoảnh lại nói với chúng tôi:

— Ô tở! Việc chi mà phải bận! Cứ để em mang cho em được không...

Rồi cô ấy hát to:

— Khăn gói theo chồng, nước mắt như mưa.

Và quay lại chúng tôi:

— Nhưng tôi thì tôi không khước đâu! Vì chồng tôi thế nào cũng thi đỗ trạng nguyên...

Tôi cười:

— Chúng tôi là những ông khóa chữ tây...

— Thế chữ tây, thì không có ông trạng à?

— Không.

— Có.

— Không mà!

— Mà em bảo có thì đã sao!

Rồi nàng lại nhìn cái hòm rỗng đơn nhánh cười với chúng tôi. Nhưng nàng vẫn không thu kho. Nàng đi thẳng về nhà nàng, đặt cái khăn gói xuống phần và nói với mẹ nàng :

— Khăn gói của chồng tôi đó !

Người đàn bà ấy, cũng bằng một giọng thân nhiên hỏi lại :

— Thế chồng con là ai nào ?

Người con gái chỉ tôi và nói :

— Đây chồng con đây !

Rồi quay lại phía khăn gói, và toan mở ra :

— Để xem trong khăn gói của chồng tôi có những gì nào.

Rồi nàng mở ra và không cần xin phép tôi.

Tôi cũng không hề phản đối... và nhìn một cách ngạc nhiên cái người con gái có những bộ điệu từng từng ấy. Mẹ nàng lại còn «ngộ» hơn: nhất định giữ chúng tôi lại đến sáng hôm sau mới cho đi. Không hiểu sao, chúng tôi cũng nhận lời, như nhận một điều rất hợp lý. Rồi sáng hôm sau, chúng tôi từ biệt nhau không có một lời bịn rịn, không có một câu tình tứ. Nhưng một sự lạ lùng hơi làm cho tôi cảm động: khi vào đến tỉnh, hai hôm sau, mở cái khăn gói ra, tôi thấy có một quan tiền kẽm. Tôi đầu nghề kiết đến đâu, đầu thầy tôi có bộp chộp sự ăn tiêu của tôi đến đâu, tôi cũng không phạm đến tiền của nàng. Sau này khi trở về làng, tôi tìm giả, thì nhà nàng đã đổi chủ. Hỏi người hàng xóm, mới hay nàng đã... chết.

Không, nàng đã đi lấy chồng xa.

Vâng, thì cũng thế.

..

Ngày năm ấy, tôi thi đỗ bằng sơ học, mà lại đỗ đầu nữa. Tôi nhớ hôm ấy, thầy tôi cũng có mặt ở tỉnh. Vì vậy, tôi không hề tỏ một vẻ vui mừng, đầu bạn bè tôi và cả những người nhà quê mà tôi không hề quen biết, cũng đều xúm lại quanh tôi và tôn dương cái ông «thủ khoa tú học».

— Này cậu! Thế rồi về «làng miêng» có định rước không hì?

Một người nhà quê khác đáp :

— Ấy, như lòng tôi, tài dân sẽ đi quá ba làng là ft, về đến vì «tân khoa».

Tôi biết thuở bấy giờ cái bằng «sơ học» mà họ vẫn coi là bằng «ri me», có giá trị lắm: cái thời người hiêm, của hiêm, cái gì chẳng quý... Nhưng đó là với những làng khác, chứ đối với làng tôi thì sự đỗ đạt ấy vẫn bị coi thường. Ngày nay, cái anh «khóa sinh» giạt được cái bằng «ri me» cũng như ngày xưa người ta giạt cái «tú tài».

Đậu tù tài, thì đồng hàng dân làng rước đó chúc? Dầu sao thì ít ra tôi cũng phải lấy đó làm một điều kiêu hãnh với thầy tôi. Không nữa, tôi cũng cho đó là một dịp tốt để tôi trả thù thầy tôi là người chỉ cho tôi học hạo bạc để ăn đường, một con đường gần năm mươi cây số. Tôi quên làm sao được nét mặt tàn nhẫn của thầy tôi.

Về đến nhà trọ, tôi vẫn hăm hăm đặt cái «chồng sách thường» xuống bàn, và như muốn nguyệt thầy tôi. Nhưng thầy tôi vẫn «lạnh lùng» như không, chỉ hỏi tôi :

— Sách cậu mà nhiều thế con ?

Tôi cố lấy giọng tu đác, đáp :

— Bầm sách người ta thường cho con, vì con đỗ đầu kỳ thi ri-me.

Tôi cố tìm một vẻ vui sướng hay kiểu hạnh trên mặt thầy tôi. Nhưng ông vẫn lạnh lùng như không:

— Năm nay, thầy sẽ cho con vào Kinh học với các anh con.

Tưởng được vào Kinh học thì tôi sung sướng lắm? Tôi chỉ cầu sao người sinh ra tôi, tổ cho tôi một chút vui mừng trong lúc này, thế là đủ lắm rồi: Tôi có cần gì hơn nữa! Tôi sực nghĩ lại cái sự đi bộ của tôi trên con đường 50 cây số mà tôi không sao nên được cảm hân.

Trời thì nắng như thiêu. Những trận «gió cát» đưa lên đường hơi nóng làm cho tôi muốn chết ngột. Khiến nổi bầy giòi tôi đâu đã có một đôi guốc gỗ để kéo lượm trượt. Quýnh, người cháu tôi và tôi phải vào trong một xóm ở bên đường xin những tàu chuối để lái làm những đôi «dép» tạm mà đi cho đỡ bằng chân bởi vì có những quãng đường chỉ là những quãng đường cát. Cái mũ trắng của tôi cũng không đủ che cái nắng dùng dưng: chúng tôi phải treo lên những cây «câu dừa» ở bên đường để bẻ những cành lá tạm làm những cái ô che nắng... Nhưng mà đi bộ được năm cây số, thì những đôi dép chuối ở dưới chân chúng tôi phải mòn và rách hết. Chúng tôi bắt buộc đi lại phải xuống lạnh nắng ở dưới một cái cống. Bấy giờ chúng tôi mới đưa những vết xói ra ăn với nhau. Những kẻ được ăn bằng mâm vàng đĩa ngọc, cũng không thể có cái sung sướng của chúng tôi. Từ đấy đến nay đã hơn 15 năm rồi, chưa bao giờ tôi lại tìm thấy cái vị thối thối và náo nùng của những năm xói ấy!

Tôi sực nhớ đến mẹ tôi hai khóc mắt bóng rung rung. Quýnh dỗ tôi bằng sự nói xấu thầy tôi:

— Ông ấy, cứ ngày xưa mà khổ như chúng mình thế này xem có đỡ được cái cử nhân không?

Tôi lau nước mắt nói thêm:

— Đừng nói cái cử nhân, hãy nói cái tú tài xem có giết được không nào?

Rồi hai chúng tôi cười với nhau một cách đặc ý. Sự hăng hái lại đột khởi ở trong lòng: chúng tôi lại trở lên đường không sợ gì những cơn gió cát nữa. Và từ đó mỗi khi nghĩ đến năng nổi ấy chúng tôi nhất là tôi, lại càng chú ý mà học tưởng như thế là có thể trả thù thầy tôi được. Quả vậy, cái công học của tôi không uổng: tôi đã đỗ thủ khoa vào kỳ thi Ri-me ở tỉnh. Ấy là tôi chưa kịp nói rằng kỳ ấy có những ba trường Pháp Việt cùng thi và số thí sinh đến hơn bốn trăm người. Một người khác ở địa vị thầy tôi thì chỉ thiếu một nước là đưa cậu «quí tử» đi tụng nhà quạn mà khoe âm lên. Và cái sự khoe khoang ấy chính đáng biết bao! Nhưng đáng này thầy tôi chỉ đáp bằng những câu nói cụt ngắn và lạnh lùng, đáp lại những người đến hỏi mừng.

Đay có đi Sớm tôi, nghe tin tôi đỗ đã đi hết hai ngày đồ ra thêm cho kỳ được.

Vừa đến ngõ, đi tôi thấy tôi đã chạy lại ôm sập lấy tôi và khóc như mưa như gió. Vừa khóc vừa kể:

— Em (chị mẹ tôi) ôi là em! Em đi đâu nay không về mà xem con em rạn rờ mặt mày...

Tôi cũng cảm xúc lắm và tâm hồn gần như mê loạn không biết đi tôi còn kể những gì nữa.

Đi tôi thấy vẻ lạnh lùng của thầy tôi đối với sự thi đỗ của tôi, thì đi tôi cũng hơi giận cho rằng thầy tôi không yêu tôi. Tôi cũng nghĩ như thế. Mãi về sau, tôi

mới hiểu được thầy tôi là khi thầy tôi buông tay gọi các con lại bên giường và dặn một lần cuối :

— Thầy làm quen, các con cũng biết đấy mà nhà vẫn nghèo. Tất cả hương hỏa ông là truyền lại chỉ có một chữ...

Thầy tôi bấy giờ không nói hết, nhưng chữ ấy là chữ « nhân ».

Đã đành rằng trên thế giới có những nơi sống đẹp hơn những núi sông ở quê hương tôi, có những dân tộc hùng mạnh hơn dân tộc tôi. Nhưng không bao giờ, người ta sinh ra ở đời lại có quyền chọn một quê hương, chọn một huyết thống theo ý muốn của mình... Vì thế tôi đã là một người Việt Nam.

.....

Dãy núi Giồng Mèn chạy sát suốt bề Trung Quốc. Cái giống người xen lẫn với nhau trên một ít đất ruộng, phải dồn ép một bên bởi những núi đồi và một bên bởi những đụn cát. Những đụn cát xua đuổi bởi những cơn sóng biển và những cơn gió mùa, mỗi ngày lấn vào đất một tí, và như số dũa bởi một sức mạnh vô hình của cát sóng. Những cây phi lao không ngăn cản nổi những trận « gió cát »... Những cây ấy đẹp quá để mà hữu ích về một « tích sự » gì : quanh năm, chúng reo hát những bài ca ní non hay thánh thót...

.....

Trước sự tấn công mãnh liệt của gió cát, họ phải lùi, và vừa lùi, họ vừa kiếm một đường thoát, một đường thoát vĩnh viễn. Họ đã rời khỏi những hạ bản và đến chỗ cao nguyên... Họ đã chiến thắng những quả núi hoang. Những cái « rẫy » mới về đất còn đỏ ối... Cái

màu đỏ « chết phác » về mới mở ấy như muốn kiêu hãnh lại với cái màu trắng của đụn cát, cái màu trắng nền nường và thuần nhũ...

Giữa cái « khoảnh sống còn » một ngày thu bớt đi bởi sự xâm lấn của những đụn cát, và một ngày một mở rộng ra bởi sự bành trướng bằng những « rẫy » mới — nhưng sự bành trướng không bù nổi sự xâm lấn : cho nên một cảnh tượng nghèo nàn, khốn khổ đã bày ra trên cái đám người chen chúc trên một ít bình địa eo hẹp ấy... Người dân ở đây, quanh năm ít khi có đủ gạo bắp mà ăn ngày hai bữa... Một phần lớn, người dân phải ăn sẵn trừ cơm, cái thừa sẵn mà người ta trồng ở những rẫy mới vỡ... Sự khốn khổ không phải chỉ có thế! Những đụn cát menh men, lại những giải núi cộc cằn, và cái sự sống về vật chất của người dân đã gây nên một cuộc đời tinh thần rất nghèo nàn... Đi hàng chục cây số, hàng trăm cây số, không tìm được một ngôi chùa. Thắng hoặc chỉ gặp được một cái thành cổ, gạch đã vụn nát, đất đã lún, cái thành của vua lỗi hay vua lười : dấu tích của một ông vua Hời ngày xưa. Người sống quanh năm không được một tiếng chuông chùa... Người chết, lúc buông tay, không được nghe một bài kinh cuối cùng để tiễn đưa vong linh về nơi Tây phương Cực lạc.

Những đêm dài ghê sợ chỉ nghe có tiếng hò hát của những ông thầy phù thủy, đuổi xua những con ma hời nhất định quanh quẩn ở đất nước này để cướp xin những « lá đa hợp cháo »!

Thắng hoặc những năm « hung độc », có sự dịch biến về thời tiết : nếu là mặt trời ăn mặt trăng thì họ reo mừng vui sướng, nhưng nếu là mặt trăng ăn mặt trời, thì coi như là có sự khốn nguy : từ người này gọi người khác, từ thôn này gọi thôn khác, từ làng này gọi làng

kia: họ gọi dậy để cứu chữa mặt trời bằng không thì năm ấy mùa màng sẽ mất hết... Họ lấy dùi gõ vào nia, gõ vào sàng, gõ vào met. Họ gõ vào mâm, họ gõ vào nồi, họ gõ vào thau... Họ gõ bất kỳ vào một cái gì... Lại tiếng trống ở đình. Tiếng mõ ở diêm. Tiếng thanh la ở giáp đồng và giáp đồng. Người ta tưởng như giặc cướp đã đến ở đầu làng, ở trước xóm và ngoài ngõ...

Những người sinh vào ngày giờ như thế, có một tâm hồn «bất định» và luôn luôn sợ hãi. Nhưng họ không tin ở trời, phật. Họ chỉ tin ở những yêu tinh, quỷ quái, những con ma bò và ma xó... Nhà thờ của họ: một gốc đa, một bờ giếng. Vị giáo chủ của họ: những ông thầy phù thủy chuyên làm sai lạc Đạo đức Kinh. Tôn giáo của họ: những tà đạo có thể có, và có thể tưởng tượng được!

..... Trong lúc ấy, một vài trường học mọc lên ở đó đây! Cái ánh sáng từ những ngôi sao hiếm hoi ấy phát ra, còn yếu ớt quá, còn rụt rè quá không đủ để đuổi xua cái màu đen tối nặng nề bao phủ các thôn xóm. Và thực ra, người dân thuở bấy giờ cũng không mong đợi, cũng không cầu xin một thứ ánh sáng nào hết. Họ chỉ ước nguyện sao cho những trường học ấy đưa lại cho họ những vị tân khoa, để họ được cái vinh dự đưa hươu, hoa, vông, lọng ra mà đón rước. Vì thế, ở nhiều làng, những ông nghề tân khoa chỉ là những cậu bé vừa giải được bằng tuyên sinh (cũng tương tự như cái bằng Yếu lược bây giờ) một cảnh tượng khốn đốn và buồn cười vô cùng. Mà khốn đốn là chỉ tại lúc bấy giờ nền học nho đã vội vàng xách nón ra đi, mà cái nền học tây chưa kịp đến. Tôi còn nhớ những câu hỏi ngỡ ngàng của người nhà quê lúc bấy giờ, những ông già đã có

cái sự từng trải của cả một đời người, nay cũng tự nhiên trở nên bé nhỏ, khờ dại, ngỡ ngàng trước những cậu bé vừa ở những trường Tổng hay ở trường Huyện về, những cậu bé vừa hém qua dãy cùn gào thét như những con vọt. «Voici le tableau noir» hay là cao hơn thế.

.....  
.....  
Một ông già, một hôm hỏi tôi:  
— Thế thì cái bằng Ri-me cũng như ngày xưa cái bằng Tú tài cậu hả?  
Tôi không hiểu gì cũng đáp:  
— Kề thì cũng rườ rườ, nhưng về sự học, có phần gay go hơn.  
— Thế còn bằng Cólêle? Cũng như xưa kia, bằng Cử nhân chứ gì!  
— Ấy cũng thế cả.  
— Thực ra, cả tôi, cả ông cụ nhà quê ấy, cả bao nhiêu người nữa lúc bấy giờ cũng không thể hiểu được cái bằng Ri-me hay là cái bằng Cólêle có giá trị đến bực nào. Nhưng là chắc có giá trị lắm! Vì xưa kia chỉ ở một làng tôi, ở một nhà tôi, mỗi khoa đã có bao nhiêu ông cử ông tú, mà nay từ khi học tây, thật trong làng tôi, cả tổng tôi, cả huyện tôi cũng chưa sí đỗ được cái bằng Cólêle (Complémentaire) bao giờ cả. Làng tôi xưa nay có tiếng là làng văn vật, không hiểu sao cũng đâm ra «cùn» thế. Riêng tôi, tôi nghiệm thấy như thế này: hễ làng nào có tiếng là văn vật thì làng ấy lại chậm tiến trên con đường Tây học. Vì lẽ rằng những nhà khoa giáp cũ, những ông đồ nho hay chữ, họ vẫn còn tin ở sự cao quý của chữ nho, cho nên họ không muốn

gửi con cháu họ tới ngay những trường Tây học. Nhưng người làng tôi thì họ không tin như thế.

Trong làng tôi, có một ông đồ nho hay chữ đã từng đỗ cử nhân và ra làm quan. Nhưng việc đời rắc rối tới thôi, «Quan lớn Lê» — người làng tôi vẫn gọi một cách cung kính như thế «quan lớn Lê» phải treo ấn từ quan về làng dạy học. Học trò của ngài, phần nhiều là những người đỗ đạt lớn sau này ở trong vùng tôi. «Ngài» là một nhà nho chính tông, tính tình rất nghiêm khắc. Cái nghĩa khí của Ngài hàng huyện đều biết và sợ. Người ta còn truyền tụng nhiều chuyện rất lạ về cái tính nghiêm khắc của Ngài. Lúc bình thường, Ngài ngồi một mình bao giờ cũng quay mặt về phía trong. Cái khăn đội trên đầu Ngài, nếu một khi vô ý rơi xuống đất thì Ngài sẽ vứt đi mà không dùng nữa. Ngài thường cất nghĩa cái chữ chỉ của mình :

— Cái khăn này là đề thờ trời, thờ vua, thờ ông bà tổ tiên. Một khi nó đã rơi lấm mà còn đội lên nữa, chẳng hóa ra mang tội bất kính với các đấng trên đầu trên cổ.

Tôi đã nói: cái văn bằng «Tiểu học» mà người dân quê vẫn gọi một cách buồn cười là bằng «Ri-me», đối với làng tôi là một bằng «văn vật» thì thật chẳng có nghĩa lý gì, nhưng đối với những làng khác, thì cái bằng ấy quả có một giá trị to tát. Chẳng hạn như ở làng Khương Hà là làng của Mượn, người ta xôn xoe và rộn rịp về cái tin Mượn đỗ bằng «Ri-me» như là một vinh dự xưa nay chưa từng có: thân làng đã bắt

đầu «linh ứng», và đất làng đã sắp phát... Người ta đã tổ chức một cuộc đón rước hết sức linh đình đối với vị tân khoa. Những người dân «hào hóa vòng lọng» không phải chỉ chực đón ở địa đầu làng như ngày xưa đón rước một ông Tú... Muốn cho cuộc đón rước trọng thể hơn nữa, họ phải mang cơm nắm đi đón chực vị tân khoa ở địa đầu tổng mình... Vì thế, cái cuộc đón rước ấy, phải đi qua những mấy làng...

Ấy cũng là một cách cho làng trên xã dưới dùng cho ai chê miệt làng ta là làng «mít nài, dây sắn»<sup>1</sup> nữa.

Từ ông Phó, cụ Trùm, xuống đến cậu Xeo, anh Mò của làng Khương Hà đều trầm trồ với nhau như thế. Mà ai cũng có quyền hí hả về cái đỗ đạt của Mượn... Khắp hàng Tổng, người ta đều nói đến... Nhưng ông bá, ông Điền, có con gái «trọng» đã nhờ mối mai tin đi tin về với nhà dượng tôi là ông đề Viễn... Cái mũi của dượng tôi «hình» lên gần bằng cái mũi sư tử. Còn đi tôi được thê, lại kén già...

— Có này thì phải cái dặng đi vất vả... Còn cô kia, trước cái miệng rộng, nhưng phải cái lỗ mũi trống. Của vào lỗ há, ra lỗ hồng cả... Trong lúc ấy thì Mượn vẫn hiền lành, nhún nhường; vô tội... Nghe thầy me nói thế nào, Mượn cũng chỉ biết «ạ». Đến nỗi, đã làm cho một «mụ mối» phải kêu lên: «cậu cả lành như một cục đất». Thật ra, cục đất còn có chỗ kiêu hãnh hơn. Mượn vẫn biên thư cho tôi luôn, giọng thư vẫn một vẻ bình tĩnh không thay đổi: không vui mà cũng không buồn. Mượn tường thuật lại cho tôi, như những bài luận trường, về những việc xảy đến: này cuộc đón

<sup>1</sup> Mít nài là một thứ mít hoang «mít nài dây sắn» có nghĩa là dốt nát vô học.

rước, này sự thăm hỏi của bà con, này việc « khao » hàng xã, này việc mối mai... Trong bức thư cuối cùng, Mượn cho tôi hay rằng: ời, đương tôi đã nhất định hỏi con gái (ng điền Tiếp ở làng Thanh Lăng, và ngày cưới đã định là 20 tháng một...

Lúc đầu tôi tưởng không vào được, nhưng sau đi tôi cho người ra năn nỉ bảo tôi vào dự lễ cưới cho được... Tôi không thể từ chối.

Làm sao tôi quên được đám cưới của Mượn; đám cưới đầu tiên của đời tôi. Tôi nhận thấy, ở trong đám cưới ấy, tất cả cái đặc biệt, cái hay ho, và cái ngây ngô về phong tục ở cái vùng quê tôi.

Cái điều đáng ngạc nhiên hơn hết chính là chú rể? Một chú rể tuy đã 16 tuổi, mà vẫn loát choát. Bao giờ, trên mặt chú rể, cũng có một vẻ ngờ ngạc như lạc loài tới một chốn lạ và không hiểu đầu vào đâu. Sự học tây ở anh, đã làm cho anh cách biệt với những người xung quanh: từ cách ăn nói cho đến lối chào mời, anh không thể nào thành thạo như những đứa trẻ khác cùng tuổi và từ nhỏ không rời khỏi làng xóm... Cái khăn lượt với cái áo thụng xanh làm cho chú rể trở nên trông trọng một cách đáng thương. Và hãy tưởng tượng, anh phải đóng cái y phục ấy suốt ngày lẫn đêm! Vì rằng làng vợ cách một con sông dài, cho nên ngày 20 là ngày chính thức mà đám cưới đã phải xuống đò ngay tối hôm 19. Cả thấy là 6 chiếc đò dự vào đám cưới. Cứ hai chiếc thì kết lại làm một. Chiếc đẹp nhất, có kết hoa, dành cho cô dâu và những người dẫn bà bên nhà gái.

Sáng hôm sau, sau khi chúng tôi đã ăn mặc chỉnh tề và đám cưới sửa soạn lên bến, thì bỗng có tiếng pháo nổ trên bờ...

Tôi hỏi thầy tôi:

— Pháo đâu mà nổ sớm thế thầy!

Thầy tôi chưa kịp đáp, thì một ông lão đã đáp thay:

— Đấy, cheo đấy!

Một ông lão khác:

— « Cheo bến » đấy...

Một ông lão khác:

— Chưa mở mắt, đã cheo rồi!

Nhiều người trong thuyền cùng cười rộ... Duy trên về mặt Mượn có chiều cảm động, nhưng đám cưới cũng cứ lên bờ... Hai anh trai cầm hai cái đèn đi trước, đến một người « cồng » một cái « ché » bành. Rồi đến một ông cụ già đầu râu bạc phơ bung một cái hộp, hộp phủ một tấm vải điều...

Tôi chưa kịp hỏi, đi Sâm đã cắt nghĩa cho tôi:

— Cháu nà! Di đương nhất định nhờ cố Viên bung hộp, vì cố là một người đã « thọ », lại trong sạch, con cháu của cố đầy đoàn đầy lữ.

Tôi hiểu rồi: mượn cố Viên bung hộp, là người ta cũng nguyện sao cho cái tình của trai gái được già đời như ông lão kia, và đồng con đồng cái như gia đình lão...

Nhưng trong cơn im lặng, một giây pháo nữa lại nổ! Đám cưới bắt buộc phải ngừng lại. Tôi ngẩng trông ra. Hai cái « án thư » đã đặt ở hai bên đường...

Giếng pháo vừa dứt, một chàng trai ăn mặc theo lối « lễ sinh » ở trong một đám cúng, cất cái giọng rất giòn, rất xinh để đọc mấy câu thơ nôm mà một ông đồ trong làng đã làm ra, mấy câu thơ ấy chỉ để chúc mừng cặp trai gái được « bách niên giai lão ». Đến nay tôi còn nhớ bên tai cái giọng bình thơ ngân nga ấy, đầy hoa tươi, đầy trắng sáng:

*Gái làng gặp được rề sang...  
Ông Tư bà Nguyệt biết đường xe duyên,  
Mong cho đôi lứa hai bên,  
Trăng sao sáng tỏ, ngày đêm thuận hòa.*

Chúng tôi chỉ bỏ ra mấy quan tiền kẽm thì họ lấy kéo cắt cái giấy hồng ấy, và lại để cho chúng tôi đi.

Đi được một quãng nữa, lại có một cái dây khác giăng qua đường, nhưng lần này không phải là một cái giấy hồng mà lại là một dây mũi bò, vì đám cheo này chỉ là một đám cheo không pháo, cũng không án thư, đám cheo của những trẻ chăn trâu. Cũng lại cho chúng một ít tiền, đám cưới mới lại đi được. Chúng, một bọn hơn ba chục đứa sau khi đã nhận tiền, cùng cất đều giọng hát một bài cheo cũ để mừng chúng tôi.

Nhưng mà như thế đã hết nợ đâu. Từ biệt bọn chăn trâu, đám cưới khi vào đến đầu làng đã thấy cò quạt, kéo hoa rực rỡ, với lại những ông già lưng thụng trong những bộ áo rộng xanh.

Một tràng pháo chào mừng của những ông già. Lại một tràng pháo «đáp lễ» của đám cưới. Người ta đòi sự trình diện của ông... rề làng. Người ta nói vài câu về lệ làng cho chú rề biết, nghĩa là, nói xa chẳng qua nói gần, nghĩa là... người ta muốn đòi một món tiền cheo, và đây là một cái cheo lớn vì là cheo làng... Đám cưới chỉ phải trả vài đồng bạc là thoát. Nhưng mà nào đã thoát cho. Tôi nhớ như sau cái đám cheo làng ấy là cheo... họ và sau cheo họ là cheo đình, và sau cheo đình là cheo chợ, và sau cheo chợ là cheo xóm, và tất cả đám cưới của anh Mượn tôi đã phải trả món nợ hơn 20 quan tiền kẽm. Thuở bấy giờ, chừng ấy là một món tiền. Theo thời giá đó là giá tiền một con heo lớn. Nhưng thực ra một người «vợ... cách làng» còn tốn

kem hơn một con lợn nhiều. Là vì ta chưa tính vào đây cái kho báu ở trong hộp. Tôi còn nhớ cái lễ thứ nhất, khi hai họ vừa an tọa, là cái lễ mở hộp, đựng những đồ tế nhuyễn, mà còn bí mật đối với những người lúc bấy giờ. Nếu là trong một đám cưới người cùng làng, thì cái hộp ấy, sẽ đưa thẳng đến người con gái, và chính tay nàng sẽ mở ra — mở lúc nào cũng được — trong hộp có những gì, chỉ một nàng biết cũng đủ, có quyền không nói với cha mẹ mình. Nhưng ở đây, là một sự gả bán cách làng. Làng có quyền biết người ta mua cái người con gái của làng, bằng cái giá nào... Một ông cụ già về họ con gái đứng đây, bằng một cái giọng trịnh trọng:

— Trình hai họ, tôi xin phép hai họ cho tôi mở hộp.

Bao nhiêu mắt đều đổ dồn cả vào những vật lấp lánh, lừng keng ở trên một vuông vải điều; mọi người hồi hộp đợi sự xuống tên những vật.

— Thừa hai họ, này một đôi bông vàng (hoa tai), một cái khâu (mà tại sao lại không là hai?) vàng, một đôi xuyên, một chiếc vòng bạc... Một cái áo cổ y, một cái áo xuyên, một cái quần lãnh, một cái khăn nhiều tam giêng, và thừa hai họ, một cái giấy lưng... thao-

Một tiếng hỏi lại:

— Hết?

— Thừa hai họ hết.

— Không còn gì nữa.

— Thừa hai họ, còn.

Cái ông già tuyên đọc ấy, liếc mắt nhìn cái mảnh giấy hoa tiên ở trên những quan tiền kẽm và nói:

— Và thừa hai họ, còn nữa... Còn bốn cộc bạc nữa, mỗi cộc một chục, và về tiền cả thấy 50 quan.

Tôi thoáng nhận thấy trên mặt của những người họ nhà gái, thoáng qua một vẻ thất vọng. Không phải thất vọng vì món tiền nhỏ quá mà là tại món tiền to quá và làm cho họ không thể sát hạch vào đâu được. Một sự quên sót còn con về phía nhà trai cũng sẽ bị họ đưa ra, và làm to chuyện.

Một ông bố lão, sau khi đã hơi quá chén, quên giữ gìn :

— Theo lệ làng tôi, lẽ ra đám cưới trước khi vào nhà, phải vào yết đình đã.

Một ông nhà gái đáp lại :

— Nhưng mà thưa cụ, đã có lễ cheo đình rồi.

— Nhưng cheo là cheo mà...

— Thưa cụ đảng nào cũng thế.

— Không hai đảng khác nhau lắm. Cheo là cheo của dân xã, chứ không phải là cheo của Thần. Xin cụ đừng quá vội... mà có điều phạm với các ngài trên đầu trên cổ.

— Làng chúng tôi không bao giờ có cái tục như thế... mà khắp cả hàng tổng để thường không đâu có. Cheo thì khỏi yết. Thưa cụ, chỉ xin làm rệ làng chứ có phải là đồ đại khoa đầu mà phải... yết thần.

Một ông «bó» ở bên nhà gái, có vẻ là tay «ăn nói», bẻ ngay lời biện bạch của ông cụ bên phe nhà trai :

— Cụ nói chí lý lắm! Nhưng làng tôi đã có tục như thế muốn làm rệ làng có thể nào mà không tuân lệ làng được không?... Thưa cụ, không phải có ngần ấy, chú rệ ngày mai ngày kia còn phải đến trình cụ Tiên chỉ, cụ Chánh, cụ Lý... và cả với anh Mỗ, anh Xeo cũng phải để chúng nó biết mặt chú rệ mới. Thưa các cụ, tục làng chúng tôi như thế... không muốn tuân theo thì cứ việc trả vợ lại cho làng.

Một cái cười dài để tên thường cái ông cụ già sách vở, hùng biện, lời lẽ như sắt đanh. Nhưng cái lý luận ấy làm cho họ nhà trai hơi bị mịch chạm, rồi từ đấy, những lời đi, tiếng lại giữa hai bên, có khi đã có sự cọ xát nhau, nhưng rồi cũng giãn xếp được ngay. Người ta vẫn không quên rằng một đám hội họp như thế giữa thôn quê là một dịp để hạch sát lẫn nhau.

Một ông cụ già về phe nhà trai này giờ im lặng, cất cao giọng nói :

— Trình hai họ, bây giờ thì hộp đã mở xong rồi, thì xin họ nhà gái cho chúng tôi biết cái cô dâu mới của chúng tôi ra làm sao chứ ?

Và lấy giọng bông đùa :

— Xem có đui què mẽ sứt gì không nào ?

Cái câu nói bông đùa ấy vẫn làm cho nhiều người không thích. Một người trai trẻ ở bên nhà gái đáp lại :

— Thưa cụ có sứt què mẽ đui thì bây giờ cụ cũng không thể nào biết được. Chỉ có chú rệ là sẽ biết mà thôi, nhưng mà chắc chú không nói.

Cái câu nói chua chát và hơi xúc xược làm cho ông cụ già hơi nóng mặt, nhưng làm cho họ nhà gái thích khoái lắm, và cười ồ lên.

Thầy tôi cũng xen vào một câu :

— Thôi, trời cũng đã chiều, xin hai họ liệu sớm sớm cho chúng tôi xuống đồ. Vậy xin cho dẫn dâu ra.

Trong lúc ấy, thì hai người đàn bà đứng tuổi cầm hai tay một người con gái thẹn đỏ như một quả gấc, từ trong buồng bước ra chính giữa nhà, và nói :

— Thừa họ, đầu họ đỏ. Hồi này còn là người của bên chúng tôi, bây giờ đã là con cháu của họ. Họ tha được nhờ, họ bắt xin chịu.

Người dẫn đầu, trong câu nói khéo léo ấy, là cốt xin họ nhà trai chước cho cô dâu khỏi lạy họ, và người ấy đã thu phục được mọi người: người ta thấy vui lòng «chước» cho cô dâu. Nhưng không vì thế, họ nhà gái quên không hạch nữa. Vẫn người dẫn đầu nói:

— Thôi, cô dâu cảm ơn họ đi. Nhưng nhân thế, trước mặt hai họ, bà con hai bên cho cô dâu chú rể những gì nào?

Tức thì từ trong đám người, có tiếng nói rụt rè:

— Tôi xin cho cô dâu 10 trụ bạc.

Đó là nhời đi Nhung tôi.

— Còn tôi, gọi là... chỉ có thế.

Một tiếng hạch:

— Xin hộ to cho họ biết.

— Ông chú cho cháu rề... 15 trụ.

Bây giờ, một người đã đứng sẵn để tuyên đọc:

— Dượng cho cháu gái... một cây lụa... Thím cho cháu... một đôi hoa. Ông cho cháu một cái khế một mẫu ruộng, cha mẹ nhà gái cho vợ chồng... 5 mẫu ruộng và 100 bạc mặt. Và cha mẹ nhà trai cho vợ chồng một cái nhà riêng, 10 mẫu ruộng, và 300 bạc mặt cho vợ chồng làm vốn riêng.

Những con số ấy hình như làm cho người ta bấy giờ đều hả hả. Người ta quay ra, ăn no, chén say... và câu

chuyện cũng tan dần. Cho đến chiều thì tiếng người cũng đã ngớt... trong nhà chỉ còn thừa thớt một ít người, chốc nữa dự lễ đưa dâu.

Tôi không hiểu sao người ta đã khéo lựa cái giờ đưa dâu, vào cái giờ mặt trời chưa lặn hẳn và đêm cũng còn chưa tối hẳn, cái giờ mà hình như những vật, những hình bóng dị thường sắp xuất hiện.

Thế mà người bạn mà tôi đã yêu mến như một người tình nhân đã lấy vợ rồi. Không biết có nên tuyên bố rằng: «tôi đã mất chàng hay là chàng đã mất tôi». Vì rằng, sự lấy vợ ở trong đời một người là một việc tối quan hệ, là một việc đổi thay lớn. Người xấu sẽ tốt ra và người tốt sẽ xấu lại. Người cao thượng sẽ trở nên bản tiện, và người bản tiện — ôi hạnh phúc! sẽ trở nên cao thượng! Có thể như thế được không? Sao lại không có thể như thế được. Cưới vợ, nếu đó... là sự cưới-tình yêu, tình yêu sẽ làm chủ người bạn của ngài. Tình yếu sẽ làm chủ tất cả. Nó sẽ xây một nhà vàng có bốn bức vách, có bốn bức cửa song, và giam bạn ngài ở trong đó. Ấy là cái lúc ngài nên xử ra một người biết tâm lý. Tốt nhất là ngài nên xa bạn, xa dần dần, xa mỗi ngày một tý, nhạt dần dần, nhạt mỗi ngày một tý, cho đến lúc nhạt hẳn, xa hẳn, mất hẳn. Ngài nên dè chừng là có lúc sẽ tới đó và không nên hận lòng bằng một chút tiếc thương. Nhất là ngài không nên lượn lượn quanh cái lòng son đã nhốt bạn. Vì:

*Nào hay dè lạnh lòng son thiếp*

*Tình mãi vui cảnh đẹp trời xưa...*

Một là con chim kia, thấy cái hình ảnh của rừng xa, lồng rặng, mà phá lồng võ cánh bay theo, hai là ông sẽ bị nghi oan: người ta chẳng ngại gì mà không vu cho ông là có cái ý rừ rề. Từ đó, nếu người bạn của ông

\* Trụ là đồng

đâm ra tho thân, đâm ra vợ vắn, lại hay đi sớm về khuya, người ta sẽ đổ trâm tột lên đầu ông. Ông là người rủ rê, ông là người cảm dỗ, ông là người..., trong văn chương của người dân bà Việt Nam chẳng thiếu gì tiếng đề tặng ông. Vậy trong việc xử sự hàng ngày, cũng như trong việc kinh bang tế thế: để phòng trước vẫn là một điều hay. Tốt nhất là ông nên biết ý mà tránh xa. Và ông không nên khờ khạo trách tình yêu là ích kỷ, vì thưa ông, có tình yêu nào mà lại không ích kỷ? Ích kỷ là một điều kiện thứ nhất để sung sướng. Mà sự kết liên, sự hòa hợp của hai linh hồn, hai thể chất là để tìm hạnh phúc. Có ai đi trách một gia đình mới mở kia lại đầy rẫy, lại chứa chan hạnh phúc? Vậy ông nên cố yên tâm, coi như là mình đã đánh mất đi một người bạn, và người khi đánh mất một cái gì, kẻ đại ngu mới xuýt xoa, mới hối tiếc, mới đâm ra ngo ngàng... Tôi có người bạn mỗi lần mất một cái bút máy, một cái đồng hồ, hay một vật vô giá trị đến đâu, cũng bỏ mất ba ngày trời: ăn không biết mùi thịt, ngủ không thêm kẻ gối. Người ấy chỉ có thể là một người đại mà thôi. Nếu tôi là người kia thì tôi đã đau khổ và không chừng đâm ra « đại người » nữa, vì đời tôi đã biết bao nhiêu lần mất bạn. Mỗi khi có một cái thiệp mời, thì quen mồm, lại nói:

« Đây lại một ông bạn chết nữa. Biết phúng cái gì bây giờ? ».

Mà trời ôi! tôi đã nhận biết bao nhiêu thiệp mời, trong cái khoảnh khắc là gần nửa đời người. Người bạn cuối cùng đã gửi tôi cho tôi cái thiệp mời, có cái nháy ý biến vào một góc thiệp: « xin miễn cho đỡ mừng ». Người ấy thật quả là kẻ đã biết người biết của, hiểu người hiểu ta, mới thốt ra được một câu, làm nhẹ bồng cả tâm hồn. Vì thật khó lựa được một vật xứng hợp,

khi trời ôi! người ta chỉ thấy trong các dịp vui của bạn, cái buồn của mình. Tôi có nên kể ra đây một mẫu chuyện cũn con... nhưng chắc nó sẽ chẳng làm hài lòng những vị tên lang và tên... giai nhân. Tôi có một người bạn nhỏ, một người bạn gái, thường ngày hiền lành như Bụt, nhưng hôm ấy, trong bữa tiệc cưới một người bạn, nàng đã uống nhiều rượu quá. Nàng đã say đến cái độ quên mình là một người con gái... Trước mặt mọi người, nàng ôm lấy người bạn sắp chết (theo nghĩa họ là lấy chồng) mà khóc nức nở, và quay lại trở... tên lang mà nói: « Anh là một người tên nhân! Anh đã cướp của chúng tôi một người bạn! » Vẫn biết rằng: rượu là kẻ chính phạm trong cái cử chỉ ấy. Nhưng cái tấn bi hài kịch ấy làm cho người ta ngẫm nghĩ hơn là buồn cười... Ai có trách người bạn nhỏ ấy, thì người bạn ấy sẽ nói: « Thưa ông, tôi say... » Nhưng ta há chẳng nghe cái chuyện một kẻ tục phạm, trong cơn say rượu lại làm nầy được ở trên cung đàn những điệu màu nhiệm lạnh người. Vậy thì trong cái lời nói của cô bạn say, tôi cũng thấy ẩn chứa một sự thật. Nhưng một đám cưới có bao giờ cũng là một dịp buồn không?

Tôi không tin hẳn như thế: nếu đám cưới cuối cùng mà tôi dự xem, là một cuộc tiễn đưa qua bên kia thế giới, thì đám cưới thứ nhất, với tôi, là một sự vui mừng. Tôi tưởng cần phải cắt nghĩa về sự cách biệt ấy, và đó không phải là một điều khó giải. Theo sự nhận xét của tôi, thì ngày xưa, người ta lấy nhau nhưng mà không yêu nhau. Cho nên một người bạn cưới vợ, là một dịp cho mình vui sướng. Và người ta không hề có cái nên mất bạn. Trái lại một khi bạn đã có « nhà riêng », thì ta lại cho đó là một dịp rất tiện cho sự tới lui. Và sự tới lui có vẻ thân mật, hợp ngay trước. Được như thế là tại ngày xưa, cưới... chỉ là một bồn phật không

phải đối với mình, mà là đối với tổ tiên. Người ta chỉ có cái sứ mệnh là tiếp tục dòng dõi. Người ta không ghen với hạnh phúc, vì thực ra hạnh phúc không có, hay là hạnh phúc không ở sự hòa hợp của hai tâm hồn mà ở sự... con cái. Nhưng bây giờ thì cuộc đời đã đổi thay, cũng đổi thay tất cả những quan niệm về nhân sinh. Vì những cặp vợ chồng đời nay họ yêu nhau, hay ít ra là họ tưởng như thế, cho nên ai đã động đến cái tình yêu, đến hạnh phúc ích kỷ của họ, kẻ ấy sẽ bị coi bằng một con mắt không nhân nhượng. Ta hãy trông những cặp vợ chồng «tân thời» kia dạo quanh hồ Hoàn Kiếm, hoặc mới cưới, hoặc cưới đã lâu, tay trên, tay dưới, họ đi cạnh nhau, khít nhau, giữ lấy nhau và trông như hạnh phúc, tình yêu có thể trốn thoát khỏi mình. Có lẽ ngay cái đêm thứ nhất trong đời công cộng của hai người, một cơn bão táp đã đến xáo lộn những làn chăn gối và biết bao sự bần thiếu xấu xa, mà họ phải che dấu vì điều quan trọng là họ phải làm ra mặt «yêu nhau», để tỏ cho những ông «bồ côi» «bồ cút» biết rằng: «Thêm thường đi! Ước mong đi! Chúng tôi là những người sung sướng! Một ngày kia, hãy như chúng tôi!».

Trong đời tôi, tôi đã mất nhiều người bạn. Một khi họ có vợ rồi, họ ra mặt làm seng với tôi. Nhưng cũng có người như Mượn, thì sự lấy vợ không thể làm cho bạn tôi thay đổi lòng dạ. Anh càng ngày càng thân với tôi thêm. Trong một bức thư anh viết cho tôi, sau lúc lấy vợ được vài tháng, có câu:

«Mượn không thể sống một ngày mà không tơ tưởng tới người bạn xa. Ở sau rặng núi...». Giới ôi, sao mà «quý báu» thế! cái thời mà tình bạn đặt trên hết mọi sự, cái thời mà người ta lội qua không biết bao nhiêu sông, trèo qua không biết bao nhiêu núi để tới

thăm một người bạn mà không thể gặp, dành để lại một cái thiệp có mấy câu thơ! À cái thời nhàn hạ ấy cao sang! Giá cái thời ấy cứ kéo mãi ra! Nhưng rồi đến lượt tôi, tôi đã cưới vợ. Không biết những sự thay đổi nào đã đến trong tâm hồn tôi, và sự thay đổi ấy có quyết định được đời tôi không! Tôi chỉ nhớ rằng: tôi với Mượn tuy xuýt xoát tuổi nhau, mà tôi cưới vợ sau Mượn đến 7 năm. Không biết những quan niệm của chúng tôi có khác biệt nhau không! Đó là những điều tôi cần nói lại đây, trong cái «tiểu thuyết» này của đời tôi: tôi chỉ có biết chép mà thôi, và sẽ không nói thêm một điều gì.

Tôi chỉ nhớ trước ngày cưới của tôi ba điều: Một, tôi đã vui sướng; hai, tôi đã chạy ngược chạy xuôi để mượn cái áo gấm; ba, tôi đã tập lỵ.

Ba điều ấy, trừ điều thứ nhất, chả làm cho tôi vui sướng chút nào! Hai điều sau nhất là điều thứ ba, là cả một vấn đề... Kể cứ thành thực và thật thà chép lại đây, không phải là không có chỗ lý thú.

Trước hết, tôi cần phải nói một điều này, là khi tôi cưới vợ thì thầy mẹ tôi đều đã mất cả rồi. Như vậy nghĩa là trong việc hôn nhân của tôi không thể nào có sự cưỡng ép được. Tôi đã tìm lấy vợ tôi, và tôi chỉ để nghị với anh cả tôi là việc thành. Nhưng như thế, không phải là không có sự trở ngại gì ư? Nếu mọi sự đều ở trong tay tôi, ở trong quyền hạn tôi, thì tôi đã muốn rằng cái đám cưới ấy không bao giờ có. Và tôi đã muốn rằng vợ tôi về thẳng nhà tôi mà không có điều kiện gì. Giới ôi! giá ở đời việc gì cũng dễ dàng, trời chảy như thế! Nhưng người đời, trời lại, không có một dịp nào, là không làm cho cuộc đời trở nên phiền toái. Thật ra bên nhà vợ tôi, họ không thách một điều gì trên sức tôi, nhất là họ không thách tiền bạc

gì hơn hết. Họ chỉ thách rằng: dẫu tôi là người nào (nghĩa là con Trời con Phật) đi nữa, thì hôm cưới tôi cũng phải có mặt, và mặc áo gấm phủ áo thụng xanh, và điều này mới rắc rối: tôi cũng phải lạy 24 lạy như bất kỳ một chú rề nào ở trần gian. Mặc dẫu anh tôi đã viện đủ lý lẽ: nào «chú em» là một người theo tây học, nào «chú em» từ bé đều được chước lạy, và «chú em» là một nhà báo. Vâng, toàn là những có hay ho cả, nhưng không thể nào làm xiêu lòng ông nhạc tôi được. Một là tôi phải lạy đủ 24 lạy, hai là tôi mất vợ. Cố nhiên là tôi chẳng bao giờ để mất vợ. Nhưng cái vấn đề này thật là đã làm cho tôi tự trọng thâm tâm, phải nhục nhằn, phải đau đớn... Tôi không có ý gì nghịch lại «cổ truyền» nhưng thú thật rằng: bấy giờ tôi thấy trong cái sự «lên vai xuống gối» có cả một sự quy lụy, một sự hàng phục, một sự để hạ mà tâm hồn tôi không đời nào chịu được, dẫu người tôi lạy là một đấng thiêng liêng nào, dẫu cái có khiến tôi lạy là một có đáng tôn thờ đến bậc nào!

Nhưng tôi đã trót hàng phục trước cổ truyền rồi, tôi không muốn tìm những lẽ chính đáng để biện hộ cho mình. Cái điều quan trọng đối với tôi bây giờ là phải lạy, và lạy thế nào cho đúng phép. Vì lạy không phải là một hình thức cần phải tuân hành cho hợp đúng, mà lạy còn là một nghệ thuật nữa. Xưa nay, từ bé đến lớn, tôi là một «đứa cứng», cứng với các «ngồi trên đầu trên cổ» như lời thầy tôi thường nói. Mỗi lần có một lễ kỵ, lễ chạp nào, thì tôi tìm cách trốn lạy. Hay là có lạy nữa lạy đối với tôi chỉ là một trò chơi mà thôi, lạy đối với tôi chưa bao giờ là một hình thức thiêng liêng. Độc giả cho phép tôi kể lại đây vài câu chuyện «bất kính» để tỏ rằng: từ nhỏ đối với sự lạy, tôi vốn không tỏ một lòng tôn trọng.

Ngày còn nhỏ, tôi có hai người anh nhưng thực ra đối với tôi chỉ là hai người bạn; chúng tôi xem nhau như là những người cùng lứa cả. Đùa, đùa, chúng tôi có một việc đùa. Mà việc ấy hình như không có một giới hạn nào! Hai anh tôi: một tên là Song, một tên là Lạc. Nhưng chúng tôi chỉ gọi nhau bằng tên tục mà chúng tôi đã đặt cho nhau. Lạc thì hiền lành, thật thà, yó tội, không hề giết một con muỗi. Còn Song thì «cú trán». Cái danh từ ấy ở miền tôi mới tả hết được cái tính của Song, danh từ nghĩa gần như là: ác, dữ, độc, hay làm hại người khác. Song chỉ chuyên làm cho tôi và nhất là Lạc bị phạt, có khi bị đòn nữa. Mà tôi nhớ rằng: trong những ngày kỵ, ngày chạp, Song mới tìm đủ cách làm cho chúng tôi bị rầy la, và bị thầy tôi đánh. Chính cái lúc nghiêm trang nhất trong cuộc lễ, cái lúc khăn đen áo dài, chính tề đứng lại trước bàn thờ, thì Song chạy vào phía trong bàn thờ, nhìn thẳng vào mặt hai chúng tôi, và với những cái ngón tay «dẻo dẻo» của anh, anh làm đủ trò, — trò người và kẻ cả trò khi — khiến cho một khi chúng tôi đã trót nhìn vào đấy, thì không thể nào nín cười được. Hoặc khi chúng tôi vừa sụp năm xuống, chính là lúc Song liêng qua, và rất lanh lẹn rất tài tình, Song đưa một ngón tay gãi vào dưới lòng chân của chúng tôi. Trời ôi! ai mà có thể cầm giữ được! Nhưng lúc như thế, chúng tôi dám ra cười giữa sự nghiêm trang của lễ kỵ, chúng tôi cười như điên. Tiếng cười ấy làm cho mọi người, họ hàng làng nước, nhìn chúng tôi một cách ngạc nhiên, và thấy tôi rất xấu hổ vì cái sự mất dạy của chúng tôi. Thầy tôi là một ông nhà nho của Không Mạnh cho nên đối với sự «suồng sã» đó, ông rất bất bình. Ông thường nói: «Cái đồ bất kính với ông bà ấy, thì làm nên trò trống gì! Quả vậy, lời nói ấy sao mà đúng thế! Tôi thì viết láo, viết lếu (giờ ôi! cái nghề!) Anh Lạc tôi thì

làm nghề thầu khoán, mà anh Song tôi cũng chỉ làm đến thầu khoán mà thôi! Có lẽ không phải tại mã nhà chúng tôi không «phát», mà tại ông bà tổ tiên chúng tôi muốn nghiêm phạt sự bất kính của chúng tôi đối với các ngài. Những chuyện lật vật ấy chép lại đây chỉ để tỏ rằng: cái lạy đối với tôi chả bao giờ có thể là một điều nghiêm trang, thiêng liêng cả. Và từ khi tôi đã có dịp rời khỏi quê nhà, và mỗi khi có trở về đi nữa thì tôi cũng hết sức tìm cách để tránh lạy. Thực ra, những người khác, cũng sẵn lòng «chước» cho tôi cái lễ nghi phiền phức ấy.

— Thôi, chú nó mặc tây, miễn cho chú!

— Thôi để chú vái ba vái cũng được.

Cũng nhờ thế, đã lâu lắm, lạy đối với tôi chỉ còn là «cháp tay vái ba vái» mà thôi. Xin ghi nhận một điều này là: tôi đã thực hành cái sự cải cách này trước cái vụ đức Bảo Đại khi ngài làm chính. Vậy thì, một người đã cải cách cái hình thức ấy, đến nay lại trở lại với nó thì nghĩ có khổ tâm không? Nếu không, thì...

Tôi đã nghĩ kỹ, tôi đã cân nhắc. Những đêm dài tôi chỉ thao thức về cái việc «lạy» ấy. Cuối cùng tôi đã quyết định: tôi sẽ lạy, và tôi có thể nào làm khác được ư? Tôi bèn nhờ người đi mượn hộ một cái áo thụng xanh. Hai tuần, trước ngày cưới, và trước mặt các anh tôi, các chị tôi, và suốt ngày tôi phải «tập luyện» cái món thể thao cổ truyền ấy. Luôn luôn tôi hỏi các chị tôi:

— Thế này đã được chưa?

— Còn thế nào ấy!

— Thế nào nữa mới được. Trời ôi!

Thú thật, tập được đến đâu, không bao giờ tôi có thể làm vừa lòng được những ngài «ngự sử» của tôi. Một

là tại những lời đàn hạch của họ quá nghiêm khắc. Một là tôi chỉ là một người rất vụng về, xưa nay không làm một điều gì được gọn gàng chu đáo cả. Hai điều ấy, cũng có chỗ đúng cả. Làm cho tươm tất 24 cái lễ, tôi biết không phải là một việc dễ dàng gì!

Cho nên tôi cứ tưởng chừng như ngày hôm ấy sẽ có hàng trăm con mắt đổ dồn vào chú rề đã vụng về, lại còn vụng về hơn nữa, và tôi sẽ nghe có tiếng xì xào xung quanh tôi, có thể làm cho tôi ngượng và dẽ rơi cả cái khăn đội ở trên đầu:

— Này xem chú rề.

— Chú rề có vẻ ngượng nghịu làm sao chúng mày hí?

— Này, không khéo vương phải đũng quần mà ngã bây giờ.

— Gớm, chỉ mới mấy lạy mà đã đổ mồ hôi bò kê ra cả. Trông thâm quá.

Một vài tiếng sẽ bênh vực tôi:

— Người ta ăn học tây. Từ bé có lẽ người ta...

Một tiếng khác sẽ cãi lại:

— Người ta là ông trời con đi nữa, người ta cũng phải một lạy...

— Trừ... là người ta không muốn lạy vợ.

— Muốn được vợ thì phải chịu khó chứ!

Tôi tưởng chừng nghe những tiếng xì xào như thế, và khi nghĩ đến cái dự luận nghiêm khắc sau này mà tôi đâm lo. Tôi biết những người ở phe nhà gái sẽ hết sức bao bọc cho tôi. Nhưng còn những ông cụ râu dài ở bên nhà gái, chắc đối với tôi, lời đàn hạch của các ngài sẽ nghiêm khắc biết chừng nào.

Cũng may mà...

Về cái áo thụng xanh, người ta không phải khó khăn gì mới kiếm ra được... Mà tất cả việc gì cũng thế, không có một sự trở ngại nào đáng kể... Bên nhà vợ, tuy rằng chưa biết gia thế tôi, cũng không muốn làm khó dễ với tôi... Nếu có sự trở ngại là ở trong lòng tôi vậy: tôi tưởng như mình là hạng người không thể nhất dân mà trở nên một ông rề như trăm nghìn ông rề khác, một ông rề ngoan ngoãn, thực hành đúng những lời trong cuốn sách của Cổ truyền. Mà trước hết, sao mình lại phải là một chú rề... Xưa kia tôi thường ao ước, thường mơ mộng, thường tha thiết một điều là: ở mãi như thế, trọn đời như một chàng tráng sĩ ở Liêu Đông, một mình một ngựa rặng bốn phương. Nơi nào có hoa nở, có trăng lên, có rượu uống, có gái đẹp, có đàn hay, thì sẽ có mình ở đó! Đời sẽ thích thẳng biết chừng nào! Ung dung, tự tại biết chừng nào... Nhưng ai có qua những phút tự do, một phút tự do không giới hạn, sẽ thấy tự do không còn quý hóa một chút nào! Ai đã ở giữa ngàn thâu và bề rộng một cách ngoa ngoán đến kinh sợ. Ta muốn trốn trước cái quãng dài rộng trước mắt ta bao trùm lấy ta. Những lúc ấy, ai lại không muốn rề núp vào một chỗ để cái nhân giới giang hồ của mình phải chần ngơ bởi những bức vách. Hơn thế nữa, tôi muốn rằng: con ngựa của tôi cỡi vào một bụi tre đầu xóm, thẳng ngày ăn rào rào những bụi cỏ hiền lành, vô tội, những bụi cỏ không ham say, không tha thiết. Tôi cũng cầu cho tôi một điều tương tự như thế: người ta sẽ buộc đôi chân tôi, với một dây chỉ hồng... Dây mỏng manh, nhưng sẽ không bao giờ đứt, vì chân tôi không hề cựa quậy nữa. Ai đã qua những giây phút, những ngày tháng tự do và lang bạt như tôi, một chiều kia sẽ có nao nức ở trong

lòng một mối cảm vô cùng tha thiết: chẳng hạn, người ta thấy quãng đường mệnh mỏng ở trước mắt chỉ có thể làm ngoa ngoán mà thôi, và người ta muốn triển miên trong những hạnh phúc của một gia đình, hạnh phúc có lẽ ích kỷ, nhưng mà hạnh phúc rõ ràng, chắc chắn... Trời ơi! những ngày tháng đuổi theo những bóng đẹp, những mộng bất thành, ngày tháng ấy tôi đã phí hoang đi, mà nào có ngắt hái được cái gì.

... Mưa chi, mưa mãi.

Buồn hết nửa đời xuân.

Mộng vàng không kịp hái?

Thực ra sao lại không? Có lẽ tôi không hái được một quả nào, một quả thực nào, nhưng mà bây giờ, tôi thấy lại ở trên đầu lưới, một cái mùi vị chua chát... Chỉ có cái mùi vị ấy là thực... Vậy thì khi có cái ý muốn nghiêng cái thân thể mình trên một thứ hạnh phúc dễ dàng, lịm mình trên cái êm dịu của gối bông, tự xây dựng một gia đình nghĩa là một cái ổ trong những ngày phong sương, thì đó chỉ là một điều dĩ nhiên mà thôi...! Mấy ai đã thấy cái thú được nằm yên để trôi theo cái dòng « dĩ nhiên » mà không hề cưỡng lại một tý nào!

Vậy thì tôi đã quyết lấy vợ... Đầu là mua bằng cái giá rất đắt, tôi cũng chẳng từ. Hướng hồ, ở đây không có sự thích hốt nào đáng sợ cả! Người ta chỉ muốn rằng: tôi là một chú rề, phải có hình thức một chú rề mà thôi... Điều kiện trước tiên là tôi phải khoác vào mình cái áo rộng xanh và như cô tập đã muốn, tôi phải lạy đứng 24 lạy... Điều ấy, tôi đã làm. Mà làm thế nào, tưởng thuật lại đây cũng là một điều thú vị. Nguyên quê vợ tôi cách xa quê tôi đến mấy tỉnh. Mà điều này mới ngoắt ngoéo! Tôi muốn rằng đám cưới

tôi là một đám cưới «tân thời», một đám cưới toàn ở tô... mà điều này mới ngoắt ngoác: nếu thuê ô tô từ quê tôi mà đi, thì thật là một sự tốn kém lớn mà cái «ngân sách đám cưới» của tôi không kham nổi. Tôi phải đi tàu vào một thành phố gần quê vợ tôi, rồi từ đấy chúng tôi mới thuê ô tô. Muốn cho người ta có cảm tưởng rằng đây là một đám cưới bằng ô tô, thì ít nhất chúng tôi phải thuê đến năm chiếc. Nhưng do một sự trù tính sai lầm của rầy anh tôi, cái đám cưới từ quê ra đi, chỉ không hơn 10 người mà khốn nỗi không có một người đàn bà nào... Sở dĩ như thế, là tại: nhà tôi nhiều đàn bà quá, cho người này đi thì sợ rằng méch lòng người kia. Mà những người đàn bà ấy là những chị dâu tôi, nghĩa là vào một hàng lừa với nhau cả. Nhưng khi vào đến đấy, chúng tôi mới sực nhớ ra rằng: không có đàn bà thì đám cưới sẽ bất thành, và sẽ là một điều «khó coi» hết sức... Nhất là khi chúng tôi sực nhớ ra rằng, bên nhà gái có ngõ ý cho biết là hôm ấy, nhà gái sẽ làm hai mâm cỗ rõ ràng: một bên là đàn ông còn một bên đàn bà. Bên đàn ông, được rồi: chúng tôi đã có thừa lắm! Nhưng còn bên đàn bà, thì biết tính sao đây? Sẽ lấy «đàn bà» đâu, cho bên nhà gái họ «tiếp»? Thật là nguy nan... Một người bàn rằng nên ra Huế «lấy» vào ít người, nhưng như thế là phải đánh «điện» khất nhà gái lại thêm vài ngày nữa, mà hai ngày sau là hai ngày rất xấu... Tôi lại được cái rất dị đốn. Không bao giờ tôi lại chịu để hoãn lại... Nếu sau này, vợ chồng tôi dám ra cái cọ nhau mà đập hết bát đĩa, thì ai sẽ là người dền cho tôi? Cho nên đầu thế nào thì đám cưới cũng phải cử hành trong ngày đêm ấy. Cái áo thụng xanh, tôi đã mượn được rồi. Nhưng còn những người đàn bà, những cô thiếu nữ xinh như mộng, là phấn hương, là trang sức, là hoa hột của đám cưới thì ta lại không hề

thấy? Ai là người sẽ không tải cho điều ấy? Vợ tôi sau này biết đâu lại chẳng vin vào cái cớ rất chính đáng ấy, mà làm khó dễ với tôi, mà xin ly dị với tôi cũng nên. Tôi là người lo sợ thứ nhất. Tôi phải giục anh hai tôi:

— Anh Hai, quen ai ở đây kiếm hộ mấy người?

— Chú em muốn tôi kiếm ai bây giờ, ở đây tôi cũng lạ lòng như chú...

— Còn anh Ba?

— Đàn bà! Thú thật tôi chả quen ai cả?

— Còn đàn ông?

— Thi nhiều lắm...

— Được rồi!

— Nhưng đàn ông, mình đã có thừa rồi.

— Chú Ba đến ngõ ngăn... Hễ quen đàn ông là quen đàn bà... Minh nhờ vợ con người ta đi hộ cũng được chứ!

— À phải đấy! Nay ở đây, tôi quen một ông Tham lục lộ, một ông Giáo, một ông Thông ga...

— Được rồi! Chú đi ngay cho, muốn mượn vợ, thì phải mượn cả chồng như thế mới tiện.

— Tôi theo anh ba tôi đi tới những nhà ấy. Nhưng trong ba người ấy thì một người đã mất vợ là ông Tham lục lộ, ông Thông Ga nhất định đi một mình mà thôi và cho như thế là đủ lắm rồi (làm sao họ hiểu được cái bản tâm của chúng tôi). Chỉ có hai vợ chồng nhà giáo là nguyên vẹn mà thôi. Và đến phút cuối cùng, chúng tôi còn bắt thêm được một cặp vợ chồng một ông thầy khoản giả nữa. Bà vợ được cái bẻm mép.

Anh Ba vẽ vai tôi mà nói:

— Chú em đừng lo. Có bà này thế nào cũng nời đình đám.

Nhưng theo tôi, đàn bà mà làm nời đình đám thì cũng là một điều đáng lo. Đến nay, tôi nghĩ tới điều ấy mà không sao khỏi buồn cười, trong đám cưới của tôi chỉ có hai người đàn bà mà một người thì rất «bẻm mép», còn một người thì lạnh như một hòn đất. Đầu sao, đó cũng vẫn là một điều rất tủi nhục cho tôi trong cái đám cưới cả một đời người của tôi, lại không có lấy một người thiếu nữ, biểu dương sự trẻ trung và son đẹp.

Cố nhiên là hai người đàn bà mà chúng tôi đã mượn được đó, ngồi chung một xe. Bà thầu khéo tính ranh biết là mình đương đóng vai gì, còn cái nhà bà giáo thì trông bộ ngơ ngác, không hiểu sao mình lại có thể ở đấy. Thật là buồn cười mà cũng thật là đáng thương. Buồn cười cho những người khác, mà đáng thương cho tôi. Cũng may, bọn đàn ông chúng tôi cũng đã bỏ vót được những sự kém cỏi về đàn bà. Những anh tôi, hôm ấy đã tỏ rằng: mình là những người sành thạo có quyền nói: «Đời ta, đã được dự biết bao đám cưới sang trọng».

Đã tìm được người ấy rồi, chúng tôi không còn phải đợi gì nữa để cử hành lễ cưới. Chúng tôi thuê 5 chiếc ô tô. Bốn chiếc dành cho bốn người đàn ông, còn một cái dành cho người đàn bà ấy mà chúng tôi đã «tóm» được. Đến bây giờ tôi vẫn không làm sao có thể quên được cái vẻ mặt ngơ ngác và bơ vơ của người đàn bà ấy, giữa cái đám cưới của chúng tôi. Có lẽ bà ta cũng không hiểu cái vai mình phải đóng là vai gì. Có một điều này là rất nguy cho chúng tôi mà cũng rất bổ ích cho nhà gái. Nguyên bên nhà gái họ tưởng rằng đám cưới chúng tôi một nửa là đàn ông và một nửa

là đàn bà, cho nên họ bày ra hai mâm cỗ rõ ràng mà họ gọi là «hai cái bàn độc» (theo kiểu các chú). Một cái bàn độc dành cho đàn ông, và một cái bàn độc dành cho đàn bà. Nhưng mà tôi chưa muốn nói tới cái ấy vội. Những cái xe hơi cưới lẽ ra cứ vào thẳng bên nhà gái. Đàng này, theo luật thành phố số tại, những xe hơi thuê, chỉ trừ một cái của nhà, đều phải bị ngừng lại ở ngoài thành phố. Cũng may, điều ấy chúng tôi biết trước, nên chúng tôi đã đánh điện đề thuê một cái khách sạn nhỏ nhỏ đặng làm nhà cưới. Nói rằng «nhà cưới» thì không đúng vì chúng tôi chỉ coi đó là một cái trạm dừng chân và sửa soạn trước khi tới nhà gái. Ở đấy, chú rể, phải cởi âu phục mà khoác lễ phục đám cưới, nghĩa là khoác vào mình một cái áo gấm, một cái quần lụa, đội lên đầu cái khăn đóng «chữ nhân». Cái chữ «nhân» ấy ở trên đầu như nhắc cho tôi biết rằng: «Anh là một người, một người lớn, hãy coi chừng!». Mà thật vậy, trong tâm hồn tôi, từ phút này có một sự đảo lộn. Tôi thấy rằng, cái «cánh cửa niên thiếu» đã đóng ập lại sau lưng, tôi đã bước vào một thế giới khác. Mấy anh tôi ngắm nghía tôi và nói một câu nửa đùa, nửa thực: «Chú em đừng có lớn khơn nhỏ. Chú nên nhớ hôm nay chú đã là một người chồng. Và ngày rày năm sau chú sẽ là một người cha». Tôi cũng biết rằng: trong cái vẻ mặt, trong cái giọng nói ấy, có một cái gì rất nghiêm trọng mà tôi không thể đem ra đùa được. Nhưng khi tôi nghĩ rằng: những người vừa lớn giọng đàn ông mà khuyên tôi ấy, xưa kia cũng chỉ là những đứa bé tinh nghịch, hay đùa giỡn vào lòng cháu tôi trong lúc tôi lỳ... thì tự nhiên tôi thấy xung quanh tôi, trước mặt tôi, không còn có cái gì là nghiêm trọng là đáng, đáng nữa. Tôi sợ cái ý tưởng ấy cứ ám ảnh tôi hoài thì thật là nguy. Trong lúc ở trong một cái không khí trầm hương nghi ngút,

giữa một cuộc lễ nghiêm trọng, giữa những vẻ mặt đứng đắn mà cái ý nghĩ nguy hại ấy lại cứ đến ở trong tôi. Bỗng dưng giữa lúc mọi người đều chú mục vào cá tôi, mà tôi nghĩ ngay đến những thằng bé tinh nghịch trong thời thơ ấu, rồi tôi phì cười, thì không biết những ông cụ râu tuyết ở bên nhà gái sẽ đối với tôi thế nào. Việc ấy mà xảy ra thì thiên hạ sẽ nhìn tôi bằng con mắt nào! Và không chừng, tôi có thể mất vợ là khác nữa. Cũng may «ý nghĩ» tinh nghịch ấy chẳng đến đến trong giờ phút nghiêm trọng này. Tôi đã đối cái khăn chữ nhon trên đầu, một cách rất đứng đắn. Tôi một cách khác, tôi là một người rề hoàn toàn, người ta không thể trách vào đầu được. Tôi đã làm 24 lạy, với tất cả sự thành thạo, sự khéo léo của một chú rề An Nam. Trong khi lạy, tôi lên gối, xuống gối, tôi nâng tay lên trên hay chấp tay xuống ngực một cách gang gang, chăm chỉ, khiến cho trong đám đông có tiếng xì xào khen tôi: «—Kề thì cũng lành nghề lắm! Chắc già ấy cũng đã luyện tập riết mới được như thế...». Mà chính tôi, tôi cũng phải ngạc nhiên về tôi. Thật tôi không ngờ tôi có thể là một chú rề. Mà lại là một chú rề «cỡ» nữa! — 24 lạy làm xong, tôi thấy nhẹ hân người đi. Và cho đó là món «cheo» nặng nhất trong đời tôi đã trả xong. Anh Hai tôi phải lí vào tai tôi để tỏ lòng cảm phục: «Kề chú em còn khá hơn tôi ngày xưa nhiều lắm!». Sau này, là nhờ tôi cũng cứ tám tác khen tôi mãi: «Chà con không biết đấy, chừ lúc bấy giờ mà sợ lắm, mà chỉ sợ con lạy không quen, vương phải đàng quần mà ngã...».

Tế ra, tôi đã làm xong 24 lạy, người ta coi như là tôi đã làm được một sự phi thường. Nhưng thực ra, đám cưới không phải chỉ có thế. Sau cuộc lễ, còn có «cỗ» nữa. Như trên kia đã nói, đám cưới của tôi chỉ

có một người đàn bà mà thôi. Nhưng nhà gái không ngờ như thế họ «đỡ» ít ra cũng có năm bảy thiếu phụ hay thiếu nữ, trẻ trung, xinh đẹp, nghĩa là những độc giả xứng đáng với cuốn thơ kia là các cô đầu. Và chung quanh cô đầu là những ngôi sao hầu, cũng không kém phần rực rỡ... Có ngờ đâu, cái rực rỡ của những vì sao như lòe chiếu ở chỗ không người. Tôi quên làm sao được cái cảm giác lạnh lùng. Khi tôi ngoảnh trông về mâm cỗ đàn bà, nếu chỉ có những cô con gái thì chính lại là ở phe nhà gái. Rồi tôi nhìn cái đầu tóc hoa râm của người đàn bà kia đại diện cho phe phụ nữ nhà trai, thì tôi không khỏi «tủi». Nhưng thực ra, người đàn bà ấy là một tay ăn nói «cực phách» trong nữ giới. Nếu đôi khi, tôi nghe thấy những tiếng nói danh thép trùm hết cả bữa cỗ thì chính là tiếng nói của người đàn bà ấy. Tôi chỉ tiếc rằng: nước ta chưa có đàn bà làm nghị viên, để cho những người như thế có thể trở lại hùng biện. Vì rằng ở nước ta, nếu có một nền văn chương rất phong phú, ấy là cái nền văn chương của phụ nữ. Riêng nói về sự hùng biện thì hôm ấy, ở mâm cỗ đàn ông, cũng có nhiều người đã tỏ rằng mình là tay «cừ». Nhưng toàn là những người đã nói, sau khi rượu vào. Vậy không biết rượu nói hay là người nói.

Anh Tú tôi là người nói đầu tiên. Anh thay mặt nhà trai kể lại cái lai lịch cuộc hôn nhân của hai đứa trẻ. Có lẽ không giữ mình được ở trên cái dốc yên sĩ, anh tôi đã khởi câu chuyện của mình, và nói rộng đến vấn đề hôn nhân ngày nay. Một diễn giả nữa thay nhà gái, nói lời anh tôi. Ông này, cũng không kém trôi chảy, và biểu đồng về tất cả những ý kiến mới mẻ của anh tôi về việc hôn nhân. Mọi người ở đây, hôm nay hình như toàn là những kẻ muốn đổi mới cả. Duy có tôi là không hiểu sao, tôi vẫn đóng một bộ quốc phục nặng nề tàn

nhấn, vẫn giữ lấy cố tục trong lúc mọi người đều theo mới. Thiếu một tý nữa, tôi đã đứng dậy và tưởng mình cũng là một điển giả. Cũng may, tôi vẫn nhớ tôi là một chú rết, nghĩa là người phải chịu đựng tất cả những điều khó chịu, những sự phiền toái của cố tục. Nếu không chịu như thế, thì có một cách là tôi đành dè mất vợ. Hôm ấy, từ hôm ấy và đến suốt đời tôi còn phải đóng lên đầu chiếc «*khăn chữ nhân*».

Tôi không muốn thuật lại đây cái đêm đầu tiên của cuộc phối hợp, của cuộc đời công cộng. Cái đêm đã cho người ta những cảm giác vừa số sùng, vừa gán bó, những cảm giác vừa là loi, vừa nghiêm trọng, vừa rộn ràng, vừa bí thiết. Một thế giới cảm giác mở ra trước tâm hồn ta. Đến nay tôi tưởng chừng như những cảm giác mãnh liệt ấy, còn reo ở trong gia thịt tôi, và cho tôi một cái dư vị xót xa, thêm tiếc: thêm tiếc một cõi thiên đường đã vỡ rồi:

*Còn đâu những giờ nhưng lựa  
tình ấp trong chăn.*

*Mộng trùm trên gối*

*rượu tân hôn không uống cũng say nồng!*

Cái thú không phải là đã có một cảnh thiên đường, mà là được mất một cõi thiên đường, đã có một thiên đường ở trong dĩ vãng, ở trong duyên kiếp. Không còn gì làm cho ta thêm muốn hơn là khi theo làn khói thuốc xanh, hay là trong hộp café cuối cùng, ta đã tìm lại được cái dư vị của một cõi thiên đường, của những ngày hoan lạc mà ta đã được qua trong một kiếp này hay từ trong một kiếp trước. Vì rằng sự đau đớn đi qua bao giờ cũng để lại những ấn tượng sâu mạnh. Còn như sự sung sướng ở trong ký ức của ta, bao giờ cũng hiện ra như một cái bóng xa mờ. Cho nên, những

ngày giờ nhưng lựa đầu tiên của tình ái có lẽ vừa qua trong đời ta, mà tưởng chừng như đã lâu lắm, làm cho ta dễ có cái cảm giác sáng khoái rằng: ta đã có một tiền kiếp xa xôi. Mà cái hôm động phòng chẳng hạn, là một cái đêm của ta ở một kiếp nào giữa cái ánh sáng xanh dịu của tiên nga. Ôi! những làn gối trắng tinh, không có một dấu vết, những nệm bông như muốn lún, lún thêm mãi dưới làn da thịt, một cái không khí thanh tuyền. Những cảm giác say sưa, thú vị, một cảnh thiên đường. Đó không phải là những cái mà ta có thể tìm thấy hai lần. Cảnh thiên đường ấy, mỗi ngày, rơi một mảnh cho đến lúc vỡ tan tành. Tôi không dám nói xấu cuộc đời, nhưng tôi không thể dấu được sự thực. Sự thực là với cái đêm đầu tiên của cái cuộc đời công cộng của hai tâm hồn, người ta đã đi đến chỗ tuyệt đích của hạnh phúc. Hôm qua còn là sự tiến tới, sự lên cao, nhưng hôm nay là sự thụt lùi, sự xuống thấp. Hôm qua, người ta mở mắt ra trước những cảnh tượng mỗi phút mỗi thay đổi, người ta đi tới những miền xa lạ, nơi đợi chờ muôn cảm giác bất ngờ, hôm nay người ta đi xuống một cái dốc, và soát lại những cảnh đã cũ, đã quen mắt. Cái dốc ấy đưa người ta từ một «*đỉnh mộng*» đến cái «*hố đời*». Ở Âu tây, người ta có một quan niệm rất thiết thực và rất đầy đủ về hạnh phúc. Người ta ước ao được luôn luôn sống một cuộc đời sôi nổi, đầy nguy hiểm, và trong một lúc, có thể sống được 10 cuộc đời. Người ta muốn «*nhân*» cái bản lãnh lên mỗi. Người ta muốn có muôn cánh tay để ôm ghì lấy cuộc nhân sinh, người ta muốn có muôn mắt để toát ra muôn luồng điện. Người ta ước ao một sự phong phú đến cực điểm. Người ta muốn giàu về tiền của, giàu về cảm giác, giàu về sự vui và giàu về sự buồn, người ta muốn sự đau đớn ngang với sự thích khoái. Nói tóm lại,

người ta uống cho đến hộp rượu cuối cùng, đầu hộp rượu ấy đã đưa lại cho người ta một mùi vị chua chát hay đắng cay. Người ta cầu sự vui, nhưng người ta cứ không sự sự đau khổ. Người ta là hạng người thực: người ta không mơ ước một cảnh thiên đường xa xôi và huyền diệu ở ngoài cõi thế. Cảnh thiên đường của người ta là ở ngay trong cõi đời của mình, ở trong cái cõi này mà người ta có những sự đau khổ để làm đơm thêm những sự sung sướng của người ta. Không gì buồn chán bằng một thế giới chỉ có những ngày nào cũng giống ngày nào, quanh năm hay trọn kiếp người ta sống trong những sự đàn địch múa hát, sống trong sự huy hoàng, kiêu sa, và không hề biết có sự thiếu thốn, sự lo âu, sự đau buồn. Đó chỉ là cảnh thiên đường của những người tàn tật đã mất hết những quan năng để hưởng thụ. Đó là một cuộc đời thiếu hụt, một cuộc đời bị giam cầm, một cuộc đời bị cắt xén. Nhưng những người đầy sức khỏe ở tận phương Tây kia, những người muốn đập mạnh, muốn vươn xa, những người đầy khí lực, đầy ham muốn, chỉ ao ước một cõi rất giàu thịnh, một quả đất rộng rộng vang động muốn nghìn tiếng ran nổ, một quả đất âm thầm mà chun chứa những ham say, những điên cuồng. Họ là « người », cái giống người hoàn toàn đầy đủ. Cho nên hạnh phúc của họ là sự liên tiếp vô hồi của những ham muốn, những dẽ mê.

Mục đích của sự sống, với họ chỉ là sự sống mà thôi. Và sống tức là hưởng thụ, hưởng thụ cho cạn, cho hết, hưởng thụ cho đến tuyệt cùng. Và với họ, chỉ có những cảm giác là « thực » mà thôi! Nhưng họ không phải là tất cả cái giống người đã rải rác khắp quả địa cầu. Hơn một nửa, than ôi! chỉ là hạng người đi ở đây, mà mơ tưởng ở kia, chân ở quả địa cầu mà hồn gửi ở cung trăng. Hơn một nửa giống người sống giữa sự thực.

đi bên cạnh cuộc đời, mà như bơi trong một giấc mộng. Hơn một nửa giống người đã đau ốm, đã tật tàn, không còn biết hưởng thụ, không biết thấu nhận những cảm giác, một giống người sợ sống, và thích lịm hờn trong mộng ảo hào huyền. Người ta đã tưởng tượng ra một cảnh thiên đường xa xôi, bất thành, để mơ ước. Người ta muốn thu hẹp cả cái sự thực sâu xa, mệnh mệnh vào trong một giấc mơ xinh đẹp. Giữa hưởng thụ và mơ ước, người ta đã chọn sự mơ ước. Với hạng này, hạnh phúc chỉ ở ngoài cuộc đời, càng lún sâu vào cuộc đời, người ta tưởng chừng như bị che lấp, bị giam cầm bởi cuộc đời vì người ta quên rằng ở trong lòng cuộc đời, cũng đã có đủ những vật liệu để xây dựng một cảnh thiên đường. Cái quan niệm sai lầm ấy than ôi! đã làm thiệt mất gần một nửa cuộc đời của kẻ thụ sinh này...

Xưa kia, tôi chỉ biết có một sự mơ ước. Và tôi tin rằng: cũng chỉ có thể có một cõi thiên đường là cái đêm đầu tiên của Tình của Mộng. Cõi thiên đường ấy, với tôi, không còn gì nữa, và từ ngày ấy, cuộc đời tôi đã xuống một dốc ác hại. Nhưng thực ra, tôi có mất nhiều như tôi tưởng thế không. Trước mắt tôi, tôi còn có trọn cả một cuộc đời, cả một cánh rừng hoang mệnh mệnh cho tôi khai khẩn. Vâng, tôi sẽ khai khẩn cái cuộc đời của tôi. Bao giờ, với tôi cũng chỉ là một sự bắt đầu. Cả một thế giới cũ đã đóng lại. Nhưng một thế giới mới đã mở ra. Một cảnh thiên đường khác cũng đã lại hiện nữa.

Xưa kia là thiên đường của tuổi Mơ mộng. Bây giờ đã là thiên đường của cuộc đời. Không, mỗi tuổi có một thú. Mỗi tuổi có một thiên đường. Péguy, một nhà văn cận đại ở Pháp đã nói: « Tôi đã lập ra một đảng những người bốn mươi tuổi? ».

Ừ nhỉ? Tại sao không? Ta lại không lập ra một đồng 30 tuổi. Bốn mươi tuổi mà người ta còn tưởng như ở giữa cái tuổi niên hoa. Thì sao ta đã muốn già rũ giữa cái tuổi ba mươi? Riêng tôi nghiệm thấy rằng: không một cái gì đã chết hẳn đi, mà không nảy nở một cái gì khác. Tôi đã mất đi một «Chiếc áo xanh», một bà mẹ, một đứa bé đầy mộng ảo là tôi. Cái hình ảnh của tôi ngày xưa, tôi đã mất cả một thế giới, cả một thời. Nhưng mà nào tôi đã mất hết. Liêm nay đứng lại trong một cái quán, để ngoảnh lại xem con đường mình vừa đi. Tôi thấy rằng: những việc đã xảy ra tôi đã quên đi hầu hết, mà ác hại! tôi chỉ còn thấy cái dấu vết ghê lạnh của những cảm giác đi qua trong tâm hồn tôi, trong đời tôi.

Nếu tôi không nhớ lầm, thì tôi đã đi cảng nhiều hơn là đi đò. Mỗi cái đều có một cái lẽ sở dĩ. Chúng tôi đi cảng là những lúc chúng tôi muốn vào làng ngoại, để dự những ngày ky, ngày chạp. Còn khi chúng tôi đi đò, lại có một mục đích khác. Nguyên lúc mẹ tôi về với thầy tôi, ông ngoại tôi có cho mẹ tôi một cái khế là 10 mẫu ruộng. Mười mẫu ruộng ấy là về hàng ruộng tốt, nên hoa lợi hàng năm cũng khá. Đây là thầy mẹ tôi không tiện làm lấy, cho nên phải cho người ta «làm rē» và mình chỉ được thu một phần nửa mà thôi. Nhưng cái «phần nửa» ấy — cả nhà tôi không dùng hết phải đưa ra bán. Thầy tôi không có tiền hưu trí, phải mong lấy ở tiền bán thóc mà tiêu dùng hàng ngày. Tôi nghĩ lại, sự tiêu dùng cần kiệm của nhà tôi thuở bấy giờ mà không khỏi bồi hồi cảm động. Nếu sự phung phí có cái vẻ to tát, rộng rãi của nó, thì sự cần kiệm cũng có một vẻ dịu dàng khả ái. Nhưng hình như tôi đã muốn nói ra ngoài câu chuyện.

Cái hoa lợi hàng năm ấy, nếu là năm được mùa thì chúng tôi vào chợ một lần. Nếu là năm hung hạn, thì chúng tôi phải để hai năm mới vào chợ. Thường thường thì ruộng ấy làm được hai mùa: mùa tháng năm và tháng mười. Mà cũng có năm chỉ làm được một mùa thôi. Vì lẽ ấy, có khi 3, 4 mùa chúng tôi mới vào chợ một lần cũng có, điều này thì họa hoạn. Mà chợ thì bao giờ cũng chỗ bằng dề. Cứ đầu tháng tư, cả nhà tôi đã sửa soạn đồ nấu, trại bạn dề đi chợ lúa. Thật là những nhịp rất hay đến dề làm náo động cái cảnh gia đình hiu quạnh.

Lúc đi, mẹ tôi sắm đồ ăn trước mấy ngày. Mẹ tôi kho thịt khéo lắm, và có một thức ăn làm cho khắp vùng tôi ai ai cũng phải khen ngợi: ấy là món cá trầu (cá quả) kho rim. Mẹ tôi kho khéo quá có thể cất để hàng tháng được, và càng để lâu càng ngon một cách lạ. Không những cá trầu mà cả những thứ cá khác, mẹ tôi kho cũng có tiếng. Tôi nhớ rằng cứ vào độ tháng 10, tháng 11 là lúc biển hay mùa, có cá ngon. Mà trong những thứ cá biển ở vùng tôi, người ta cho cá ngựa, và cá nhợ là quý hơn hết. Mỗi khi những người «làng rào» có con «ngựa», hay «con nhợ» thì thế nào họ cũng mang vào cho mẹ tôi, thường thường thì dề dờ lấy thức, nhưng cũng có khi lấy tiền, những đồng tiền kêu lằng lằng một cách vui vẻ biết bao! Chúng ta ngày nay ở vào một cái thời mà những bạc chỉ bằng giấy, ta nhớ lại tiếng kêu của đồng tiền, đồng hào, hay đồng bạc bà dăm, thì không thể không bồi hồi.

Những «con ngựa» hay những «con nhợ» ấy, mẹ tôi mua từ tháng 10 mà để dành đến Tết mới đưa ra ăn, có khi, ra Tết rồi mà còn cá kho để ăn với bánh chưng.



Mỗi lần đi như thế, cũng thuê đến ba chiếc ghe lớn, và tất cả gia nhân, trai bạn, người chèo kẻ chống cũng đến vài chục người. Tất cả nhà tôi không sót một người nào là không đi. Nhà cửa thì giao cho một người có già sẵn sóc. Ngày nhỏ sào đi, tôi đứng trên mũi thuyền trông cái cảnh tấp nập xung quanh, tôi tưởng tất cả chúng tôi là một đội thủy thủ bạo dạn sắp theo một cuộc chinh phục xa xôi và dữ dội. Ba chiếc dò, cũng đội gió nồm là cùng giương buồm lên, bồng ra giữa vôi sóng, lướt theo nhịp hò khoan của người giữ lái.

Tôi không nhớ lần ấy là lần thứ mấy tôi theo thủy mẹ về quê ngoại. Nhưng tôi quên làm sao được những giờ êm dịu tôi nằm ở khoang dò không có mái và tôi lặng ngắm vòm trời sao, khi tiếng hò của các trai bạn vừa ngắt. Dầu là một đứa trẻ, mà tâm hồn tôi lúc bấy giờ như thoát ly khỏi cái xu xác nặng nề, và như đưa đẩy bởi cái điệu nhịp êm dềm của các vì sao. Rồi trăm ngàn hằng giờ cho đến khi thiêm thiếp đi mà không biết. Khi tỉnh dậy thì gà đã bắt đầu gáy sáng, và dò chúng tôi đã ghé vào một cái bến. Sông Ngân Hà bấy giờ đã bạc phếch. Tôi nghe có tiếng đọc rì rầm, tiếng nghe có khi tha thiết, có khi buồn rệu. Ấy là lần đầu tiên tôi nghe những người đạo Thiên Chúa đọc bài kinh sáng của họ. Và cái bến chúng tôi vừa ghé vào chính là bến Thanh Lăng.

Bến Thanh Lăng! cái tên kêu gọi như tên một xứ huyền diệu của nước Tàu cổ.

Tôi nhớ năm nào thuyền chúng tôi cũng ghé lại cái bến ấy để cho thầy tôi lên bờ thăm một người bạn cũ của thầy tôi, một người bạn đồng liêu, làm đến Chương Ấn rồi về hưu. Quan Chương lúc bấy giờ đã mù cả hai mắt, ngài không đọc sách được, mà vườn

trục đối với ngài cũng mất đi một phần thú vị lớn. Nhưng cũng nhờ thế, cái cảnh nhàn ngài dành cả cho văn thơ. Ngài là một tay thơ nôm có tiếng thuở bấy giờ ở vùng tôi. Thôi thường, thầy tôi đọc thơ ngài cho nhiều người nghe. Có điều là trước mặt con cái trong nhà, thì thầy tôi chẳng bao giờ đọc đến những câu thơ rất suồng sã của nhà thi sĩ ở bến Thanh Lăng. Một hôm, tôi cũng nghe trộm được trọn một bài, hình như là một bài «nhà trò» mà thầy tôi ngấm lại cho một người bạn già cùng nghe. Tiếc rằng bài hát nhà trò ấy, đến nay, tôi chỉ còn nhớ có một câu:

*Mặc son phấn bên mình cọ kẻ...*

Ừ mà cái câu thơ trai lơ thật! bởi thế nên thầy tôi không muốn những câu thơ như thế lọt tai chúng tôi. Như chương trên đã nói, thầy tôi là một ông nhà nho chính tông, dạy con theo một giáo dục cực kỳ nghiêm khắc. Thú thật, bấy giờ những câu thơ như thế, tuy không hiểu trọn nghĩa, tôi cũng lấy làm thích thú vô cùng. Nhớ được một câu, ngấm to lên trong lúc vắng người, tôi tưởng có cái thú được nếm một mùi vị khác thường, cái mùi vị của quả cấm. Nhiều khi hiếu kỳ, tôi muốn biết mặt đến cả cái con người đã để ra những câu thơ lãng lơ ấy, tôi xin phép được bung điếu theo thầy tôi, vào cái «nhà lăm» bí mật kia, sau những nặng nề là ừ. Nhưng chả bao giờ tôi được cái may mắn vào thăm nhà thi nhân ẩn dật. Thầy tôi kiếm đủ lễ để bác sự yêu cầu của tôi.

— Con đi hẳn rằng được. Từ bến vô nhà còn ngài tìm. Mà đường thì quen biết, gai nành lăm, không có guốc có giày thì đi rặng được...

Thuở bấy giờ, thực ra, những ngày hội to lễ lớn, thì tôi mới được đánh cái áo địa xanh, đeo cái khánh

bạc, và xỏ đôi giày kinh, một thứ giày dứa mũi cong. Nhưng ngày thường, thì tôi chỉ đi chân không mà thôi. Làm gì có cái đôi guốc gỗ mà kéo. Vì thế thầy tôi không cho tôi lên bến. Đến nay, cách đấy đã gần 20 năm rồi, tôi cũng chưa có dịp nào bước chân lên bến Thanh Lãng để thăm nơi ở của nhà thi sĩ thân yêu. Ngày xưa có tên tiểu đồng trở vào núi mà nói với khách:

— Nhà thầy ta ở sau cái mù mật ấy của ngàn núi.

Tôi cũng chỉ dặn với mình: « Trong cái bến Thanh Lãng bí mật ấy, một nhà thi sĩ đã sống và đã chết rồi. »

Vì nhà thi sĩ ấy chết trước thầy tôi một năm, Thầy tôi có làm hai câu đối nôm để viếng ông bạn của cả một đời mình; bấy giờ thầy tôi cũng đã già yếu lắm rồi, không còn biết thương tiếc gì nữa. Chỉ có tôi, đương học ở kinh, tình cờ được nghe tin cụ Chuồng chết, tôi lấy làm thương tiếc vô cùng. Tôi tưởng như cả một quãng đời, cả bến Thanh Lãng đã chết ở trong lòng tôi vậy.

\*  
\*\*

Nhưng hình như tôi đã bỏ dở câu chuyện.

Khi thầy tôi lên bờ thăm ông bạn già, thì mọi người ở trong các thuyền đều đã dậy hết. Trong lúc ấy, tiếng đọc kinh của những nhà ở bến Thanh Lãng đã nghe thưa dần. Trời vừa hửng sáng, Tôi ngồi trông ra ở phía «bạc». «Bạc» bị nước sông ăn sâu vào, cho nên ở nhiều chỗ trông như những cái hang tối, đất đỏ ối như đất núi. Và trên «bạc» là những vạt ruộng, dàu

xanh nhưng không phải là những vạt ruộng mà chỉ là một đồng dâu mỏng mảnh.

Mẹ tôi nói với một người đầy tớ già:

— Chà các chú, coi năm nay dâu tốt quá, ở miền này có vẻ tươi hơn ở miền ta nhiều lắm.

— Có lẽ ở đây, vừa rồi có mấy trận mưa.

Bỗng mẹ tôi như không lưu ý đến câu đáp, quay lại nói với chị tôi bằng một giọng lo âu:

— Này con, mẹ sợ đi vắng, mẹ Văn ở nhà không coi hết những nông tâm. Tâm đã ăn lên, «quấy» lắm.

Rồi từ đấy mẹ tôi bỗng dưng mất vui và không hứng nói chuyện nữa.

Tôi biết lắm! ở trên đời này, có hai thứ sinh vật đã «quấy» người mẹ hiền ấy, làm cho bà mất ăn mất ngủ: ấy là những đứa con của bà, và những nông tâm... Đời mẹ tôi, tôi đã nhiều lần nói — thật là một sự hy sinh vô hồi. Những đứa con lên một, lên ba, đến lên 10 cho đến khi thành gia thất. Và những lứa tâm «vừa mới nảy, cho đến lúc ăn lên, cho đến khi chín, và «hóa ngài», và kén, và kéo dệt tơ. Than ôi, đến làm sao được những ngày giờ ngay ngắn lo âu của người đàn bà ấy, ở bên cạnh những đứa con và những nông tâm!»

Đến nay mẹ tôi đã chết. Mà cái nghề tâm tang cũng đã chết ở trong làng tôi rồi. Tôi còn quên làm sao được những thời kỳ đẹp đẽ của sự chồn nuôi, những cảnh đầy thơ, đầy ếm ái, đầy tên nghĩa của nghề tâm tang. Tôi quên làm sao được những mảnh trăng rơi đầy trên những ruộng dâu... Tôi quên làm sao được những tiếng dàu dàu của guồng xa. Nhưng nhờ cái gì

mà tôi nhớ được mãi cả một thời dĩ vãng và không để rơi rớt mất một giọt thơ, một hạt ngọc. Ấy là tại... tại...

Vâng, tôi không ngần ngại gì mà kể lại đây cái nguyên nhân ngộ nhận đã cho tôi trở nên một người khách của văn thơ.

Cũng chỉ tại lúc bấy giờ, tôi theo một sự tin tưởng mấy mươi đời, mẹ tôi lượm những con «ngài hóa» (một thứ nhộng vàng) để dành cho đứa con thân yêu của bà. Tôi còn nhớ như mới hôm qua, lời mẹ tôi nói với tôi giữa hai bà bầu :

— Này! Con cố mà ăn đi! Nuốt đi! Con sẽ sáng láng hơn người.

Thì ra mẹ tôi muốn tôi nuốt những con nhộng vàng để trở nên một người sáng láng. Những con nhộng ấy không biết có đưa lại cho tôi một sự gì không. Nhưng quyết đến ngày cuối cùng ở trên cõi thế, tôi cũng không thể nào quên được cái tấm lòng, tôi nói cả một tấm lòng ấy — là tấm lòng mẹ đối với con. Chép lại truyện này, tôi xin dâng trả lại mẹ tôi những cái gì là hương là hoa ở trong tôi, ở trong đời tôi, đời một văn sĩ tâm thường.

Tôi đã nói ở những chương trên rằng : cuốn truyện này không phải là một cái tiêu thuyết như trăm nghìn cái tiêu thuyết khác, nghĩa là phản ảnh của cuộc đời. Đây chính là một cuộc đời với tất cả những điều vụn vặt, những sự phiền toái, với tất cả những sự lộn xộn của nó. Không nên tìm thấy ở đây một thống hệ hay một trật tự nào. Đây là một kẻ ngẩn nập đến đâu, cái cuộc đời của họ cũng không phải là một sự thực nghiệm, đứng với sự tính toán của họ. Cái đặc tính của cuộc đời chẳng phải là sự tự nhiên có thể, nó dần

xếp, sắp đặt theo một định ý nào, một định ý màu nhiệm mà ta không thể biết được, nhưng trong cái công trình ấy là cuộc đời không bao giờ người ta thấy dấu vết của một bàn tay, của một nhát búa, của một mũi kim, của một nét bút, của một sự trù tính nào. Không có một chút dấu tích nào của sự uốn nắn, của sự dẻo gọt. Đáng đã tạo ra một cuộc đời là một nghệ sĩ hoàn toàn. Số dĩ có sự nhận xét như thế là vì trong cuộc đời của tôi, tôi không thấy một cái gì là giả dối, là gương gạc như tôi thường thấy ở trong một cuốn tiểu thuyết vụng. Một là, khi tường thuật lại đây, tôi theo cái trật tự, nghĩa là cái lộn xộn tự nhiên của cuộc đời hay là sắp đặt nó lại theo cái thứ tự của giấc người, cái thứ tự của luận lý. Tôi đã lựa điều thứ nhất và hy sinh điều thứ hai. Trong cuốn truyện này cuộc đời của tôi hiện lại, sống lại trong ký ức tôi thế nào, thì tôi mạng nó xuống giấy y như thế. Có lẽ tôi đã bỏ sót nhiều việc — vô tình hay hữu ý — nhưng mà cuộc đời của tôi nó không quan hệ ở những ấn tượng của nó ở trong tâm hồn tôi. Tôi chỉ dựng lại đây một cuộc đời tình cảm, một thế giới cảm giác. Xin các bạn đọc biết cho rằng : những «việc chẳng quan hệ một tý nào», ở đây, chỉ cốt để chúng nhận một điều gì. Chúng nhận một giai đoạn của tâm hồn chẳng hạn. Không nên cho những việc một sự quan trọng mà nó không có.

Có một điều mà từ trước tôi chưa kịp nói — nhưng chắc đọc giả cũng đã nhận thấy — ấy là cái sự trống trải ở trong cái cuộc đời tình cảm của tôi, sau khi một người đã bỏ tôi mà đi. Người ấy chính là mẹ tôi. Mà từ đây không ai thay thế được mẹ tôi hết. Thấy tôi, các anh chị tôi cũng không thể nào lấp được cái trống trải của tôi. Phải đợi đến ngày trong đời tôi, một người đàn bà khác lại đến. Người đàn bà sau mẹ tôi đó, đã

đưa lại cho tôi biết bao dịu ngọt, êm dềm, biết bao âu yếm, biết bao tươi vui, biết bao ấm cúng. Người ấy đã tạo lại cho tôi một gia đình. Nhưng tôi phải nhận rằng: với người đàn bà ấy, không phải là sự trống trải vẫn còn, nhưng thật ra, mẹ tôi chưa thật là hoàn toàn được có người thay thế. Tôi vẫn có cảm tưởng rằng: mẹ tôi đã ở xa, rất xa tôi rồi.

Kịp đến lúc một «sinh vật» con con khác ra đời mới lại bù được sự thiếu thốn to tát của tôi. Tôi còn nhớ mãi cái đêm hôm ấy, lần thứ nhất trong đời tôi, tôi nghe có tiếng trẻ con khóc. Tiếng khóc ấy lúc đầu làm cho tôi ghê rợn. Tôi nghĩ đến cái thế giới màu nhiệm mà đứa bé ấy vừa từ giã, vì bao giờ tôi cũng ví dụ rằng: nó phải từ một thế giới nào mà lại và tôi hơi sợ sợ. Tôi thấy rằng: nó có trên lưng, một dĩ vãng nặng nề hơn tôi: tôi không muốn tin rằng nó là một đứa bé. Tôi nhận ra cả cái đạo Phật huyền bí còn sống ở trong tâm hồn tôi, chỉ còn có thế. Cũng may, cái tư tưởng mà tôi gọi là «bất nhân» ấy, cái tư tưởng ấy sẽ tan ngay, kịp khi tôi thấy mặt đứa bé. Tôi sung sướng và cảm động biết bao khi tôi dần dần nhận thấy rằng từ cái miệng, cái trán, cho đến đôi mắt, nhất là đôi mắt, đều giống tôi y hệt. Không những sung sướng, tôi còn then thủng nữa. Mà không hiểu then thủng vì sao?

Mỗi ngày tôi tìm thấy ở nó một cái hình ảnh hoàn toàn về tôi, một cái ý bất diệt về thân thể tôi. Từ đấy, tôi mới thấy rằng cuộc nhân sinh không có thể bị quên được nữa, vì mình sẽ được có người thay thế để dự chúng cái hậu lai man mác. Sự then thủng dần dần đời thành lòng âu yếm. Tôi không thấy xa đứa trẻ nữa, mà cũng tưởng như gần mẹ tôi hơn. Cho đến một ngày kia, ở bên tôi, mẹ tôi đã được hoàn

toàn thay thế, mà thay thế bởi một đứa bé. Ấy là lúc cái tình «cha con» bắt đầu nảy ở trong lòng tôi. Và cái tình ấy mới làm sống được cái tình mẹ con tôi ngày trước. Tôi yêu đứa bé với tất cả sự âu yếm của một bà mẹ. Tôi theo dõi với sự vui mừng tăng lên mãi, tôi theo dõi cái sự nảy nở của tâm hồn trẻ đại ấy. Đứa bé lớn ở hình vóc của nó và ở trong lòng tôi. Tôi có cảm giác rằng cạnh tôi, đã mọc lên một cái rừng cây non sương, liú lo muốn nghìn tiếng hát. Và ở rừng ấy, mỗi ngày tôi tìm ra một sự mới lạ. Và cái vui sướng của tôi không bao giờ ngừng nữa.

Cạnh tôi, đứa bé mỗi năm thêm mỗi tuổi. Mỗi tuổi, nó đưa lại cho tôi những vui thú bất ngờ. Với hai tuổi, nó nói cái giọng của chim. Với ba tuổi, nó nói cái giọng của thần mình. Và với nó, một hôm tôi có cái ý gây dựng lại một thế giới không còn nữa mà tôi luôn luôn tiếc nhớ.

Tôi muốn may cho nó một cái áo địa xanh. Tôi muốn sắm cho nó một cái khánh vàng đeo ở cổ. Và điều này nữa: một vòng tràng đặc cột ở chân. Mẹ tôi đã may sắm cho tôi thế nào, thì tôi lại may sắm cho nó thế ấy. Nhưng then ôi! thời thế đã thay đổi: cái áo địa xanh và chiếc khánh vàng ngày nay chỉ tiêu biểu cho một nền quý phái lạc thời. Còn cái tràng lục lục (hay là tràng đặc) ở thời này người ta cũng không buồn cột vào cổ những con vật nữa. Nhưng trời ơi! làm sao tôi quên được những tràng lục lục ấy, và bên tai như còn nghe cái tiếng rung của nó. Không phải là tiếng lục lục cột ở chân một đứa bé, mà là tiếng rung của một thời, của một thế giới đã sập đổ, đã đời rồi. Bao giờ tôi quên được cái thời trẻ đại ấy! Tiếng rung một ngày thêm lạnh lùng, thêm thương xót. Tiếng rung! Có tiếng gì cao to át được cái tiếng rung ấy? Trong

tiếng rung kia tôi nghe có tiếng nói tí tẹo, thỏ thẻ, âu yếm của một người đàn bà. Người đàn bà ấy là một bà mẹ.

Đêm khuya trong một phố im lặng và vào một giờ im lặng nhất, những tiếng động của những chiếc xe, chỉ là từ một phố khác dội lại. Và ngoài tiếng gió rít trong khe cửa chỉ nghe có tiếng dọc sát nẻo trong đường xe điện. Cái tiếng rề rề ấy, cũng như còn rung chuyển đôi vai tôi. Da thịt ta bấy giờ như rạn nở ra, và những luồng cảm giác chuyển mạnh dưới làn da. Trong lúc ấy, ta chỉ muốn có một sự cọ sát, một sự cử động nào thì từ cuối phố một tiếng rao dài và buồn thảm như một ngày mưa gió đã qua. Tâm quất! Tâm quất! cái người làm nghề nắn xương và nắn da ấy, chính đã đi qua vào một lúc mà người ta rất dương mong đợi hắn.

Tập bút ký này chính là một sự «tâm quất» cho tâm hồn vậy. Sự so sánh có vẻ thô lỗ nhưng mà rất đúng. Những kỷ niệm, những cảm, những tình, những hình ảnh, những sự thực bấy lâu chất chứa tràn ngập trong người, bấy giờ mới tìm được nẻo thoát. Cần phải dụng mệnh, cần phải xát mạnh vào chỗ tụ đọng lại muốn nghìn cảm giác, người nghệ sĩ sẽ có một thứ sáng khoái mà không ai có, một sự sáng khoái thuần túy, hồn nhiên. Giới ôi! còn gì sung sướng hơn là được hồi tưởng lại những việc đã qua, úp mặt vào hai bàn tay mà khóc rung rức? Còn gì buồn hơn là được buồn lại một lần nữa những cái buồn đã qua. Còn gì khoái hơn là đưa những ngón tay mềm, dịu và huyền bí, có phải là những ngón tay nghệ thuật? để gọi dậy trên làn da cả một luồng cảm giác, một thế giới cảm giác. Tôi đã nói nhiều lần và cần nói lại một lần nữa là tập bút ký này không phải chỉ là nơi ghi chép những việc

đã qua trên cái thân thể của tôi, mà chỉ là làm sống lại những cảm giác của một tâm hồn non sương, bừng sáng; thực ra trong ngày thơ ấu, tôi đã cười nhiều hơn là tôi đã khóc, nhưng trong sự hồi sinh của thời thơ ấu, trong sự sống lại này, tôi đã khóc nhiều hơn tôi đã cười. Vì sự «sống lại» đó nếu cho kẻ nghệ sĩ ở tôi những khoái trá bất ngờ thì trái lại đã làm cho con người ở tôi đau đớn ê chề, như quân quai bởi những hoài niệm và tiếc nhớ, tiếc nhớ những cái gì chỉ đến có một lần mà thôi.

*Nhà nghệ sĩ được hai lần sống mà con người ở tôi, thật phải hai lần chết.*

Nhà nghệ sĩ đã mót lại, và trời ôi! hắn ta có bỏ sót một cái gì! nhà nghệ sĩ trong cái mùa gặt đi vắng ấy hắn đã mót lại tất cả những cái gì đã rơi sót, hắn đã «mót» lại tất cả những cảm giác vương rơi trong tâm hồn. Cái thú ấy thật quả là ích kỷ nhưng mà là có thực. Cho nên, tập ký ức này là một cái khoái trá riêng của một nghệ sĩ mà lại là một đau đớn cho cái con người phải sống lại nó. Trong một buồng sáng, trên những trang giấy sáng ngời, kẻ nghệ sĩ đã đặt lên những cảm giác sung sướng của tình, nhưng chiếc nĩa khi những trang giấy đã dày lên, và âm u và đặc sệt những chữ, một thiếu niên chưa ngoài ba mươi tuổi sẽ gục đầu vào đấy để mà đau xót về những cái không còn nữa.

Những cái đã mất không phải là không thay thế được. Một bà mẹ đã đi để lại một chỗ trống ở trong lòng tôi, trong đời tôi. Một đứa bé đến, ngồi vào cái chỗ xưa kia của mẹ tôi. Đứa bé ấy đã làm cho tôi thấy rằng trong người tôi, có một sức yếu đương mãnh liệt. Sức yếu đương ấy đã làm cho tôi nhớ đến mẹ tôi — tôi

toan nói là cái sức yếu đương mãnh liệt ấy đã làm cho tôi trở nên một bà mẹ. Trong tâm hồn tôi lại bắt đầu nảy nở một nguyên lý, một nguyên lý bất diệt: tôi sẽ sáng tạo ra sự yếu đương. Một mặt trời khác bắt đầu mọc ở trong đời tôi. Tôi còn thiếu gì nữa đâu để mà sung sướng, để mà hoàn toàn sung sướng? Nếu tôi có quyền được tiếc, ấy là tôi chỉ tiếc không được từ trong cuống họng tôi, phát ra những cái điệu nhịp mơ hồ là những tiếng hát ở bên ngoài một đứa bé. Tiếng hát ru của cái dĩ vãng êm đềm, ru một cái tương lai đẹp đẽ. Với sự biến đổi của thời đại, tiếng hát ru ấy, không thể vẫn hồi được nữa. Cái tiếng xinh xinh của một thế kỷ sơ khởi đã làm át mất cái tiếng ru của bà mẹ. Một tiếng hát ru mà ở trong ấy đương run rẩy cả một thời. Nhưng có sức mạnh nào, có cái tiếng ở át nào có thể át được cái tiếng dội ở trong hồn tôi, tiếng dội của những câu hát ru con?

Mỗi khi tôi muốn hồi tưởng lại những cảnh vừa qua, tôi lại tưởng chừng như còn nghe văng vẳng bên tai tiếng người đàn bà ấy...

Bấy giờ hình như là một ngày đầu hạ, mà vào lúc ban trưa. Mây nắng tươi ròn...

Trong một cái nhà ngang, trên một cái vồng, mẹ tôi ngồi đưa tôi và hát ru tôi. Có lẽ mẹ tôi đã hát những câu:

*Ru cao hát bạo em nghe,  
Lá bùa, lá bùa, lá tre, lá vàng.*

hay là:

*Trăm năm dù lỗi hẹn hò,  
Cây đa bến cũ con đò khác xưa.*

Những câu vô nghĩa hay có nghĩa, nhưng bấy giờ với tôi chỉ là những điệu nhịp thần tiên để mang tôi tới những miền đất rất xa ngái.

Có khi vì sức quyến rũ của âm điệu, tôi chớp mắt, mê ly, nhưng cũng có khi giật mình bởi một lúc tiếng hát sang câu hay chuyển điệu, tôi lại mở mắt trao trao ra nhìn. Tôi tưởng như còn thấy ở trước mắt cái màu nắng mới tuôn chảy ở trên sân đá, và trên những hàng giậu ở ngoài xa, phấp phới những áo quần màu đỏ choét hay xanh lơ, là những màu sỡ sáng lóa lóa, màu của những tâm hồn quê mùa chất phác.

Những màu xanh, đỏ ấy sống mãi ở trong tâm hồn tôi, phấp phới như những lá cờ đã chiến thắng. Và bấy giờ đây, tuy cái khung cảnh đây thơ ấy không còn nữa, nhưng mỗi khi thấy một màu nắng mới hát bên song hay trước thềm, tôi lại mừng tương lại bóng dáng mẹ tôi, rồi đổi mắt tôi ướt những lệ: sự hồi tưởng ấy cũng vừa làm cho tôi băng khuâng mà cũng vừa làm cho tôi sung sướng.

HẾT